

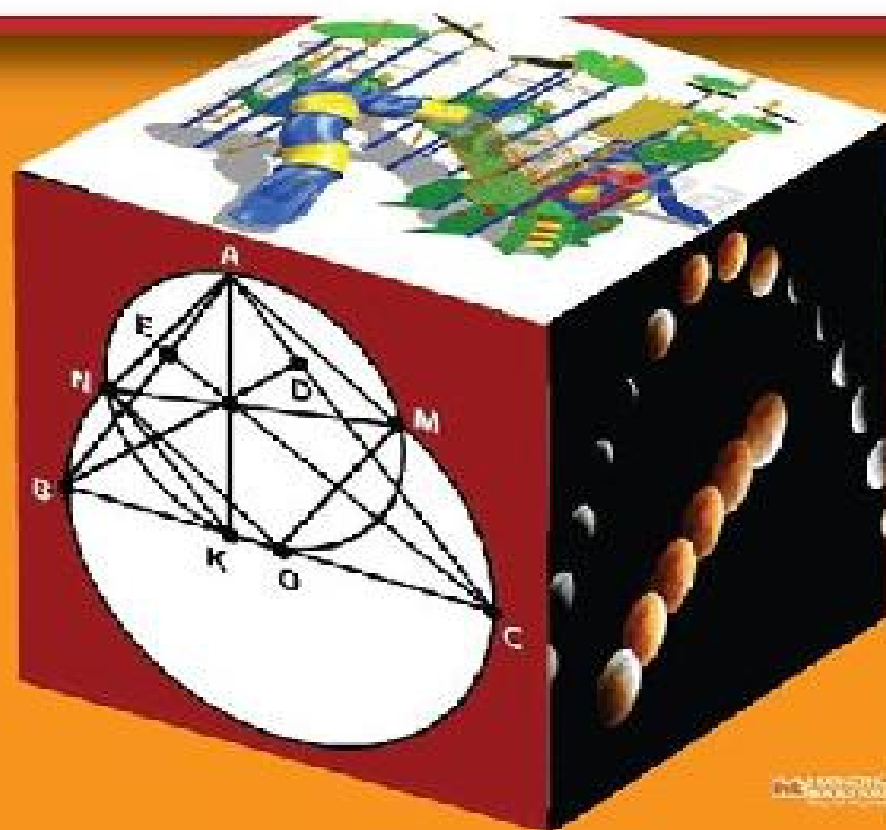
460

BÀI TOÁN VUI

LUYỆN TRÍ

THÔNG
MINH

SÁ THỊ HỒNG HẠNH



Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐỀ BÀI

Bài 1

Bài 2

Bài 3

Bài 4

Bài 5

Bài 6

Bài 7

Bài 8

Bài 9

Bài 10

Bài 11

Bài 12

Bài 13

Bài 14

Bài 15

Bài 16

Bài 17

Bài 18

Bài 19

Bài 20

Bài 21

Bài 22

Bài 23

Bài 24

Bài 25

Bài 26

Bài 27

Bài 28

Bài 29

Bài 30

Bài 31

Bài 32

[Bài 33](#)

[Bài 34](#)

[Bài 35](#)

[Bài 36](#)

[Bài 37](#)

[Bài 38](#)

[Bài 39](#)

[Bài 40](#)

[PHẦN II: HƯỚNG DẪN - BÀI GIẢI](#)

[Bài 1](#)

[Bài 2](#)

[Bài 3](#)

[Bài 4](#)

[Bài 5](#)

[Bài 6](#)

[Bài 7](#)

[Bài 8](#)

[Bài 9](#)

[Bài 10](#)

[Bài 11](#)

[Bài 12](#)

[Bài 13](#)

[Bài 14](#)

[Bài 15](#)

[Bài 16](#)

[Bài 17](#)

[Bài 18](#)

[Bài 19](#)

[Bài 20](#)

[Bài 21](#)

[Bài 22](#)

[Bài 23](#)

[Bài 24](#)

[Bài 25](#)

[Bài 26](#)

[Bài 27](#)

[Bài 28](#)

[Bài 29](#)

[Bài 30](#)

[Bài 31](#)

[Bài 32](#)

[Bài 33](#)

[Bài 34](#)

[Bài 35](#)

[Bài 36](#)

[Bài 37](#)

[Bài 38](#)

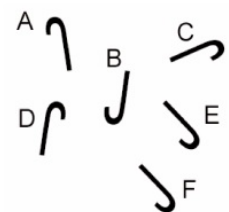
[Bài 39](#)

[Bài 40](#)

Bài 2

Câu 1.

Hình nào ít giống với các hình còn lại?



Câu 2.

Số nào tiếp theo dãy số sau?
8, 10, 16, 34, ?

Câu 3.

Hiện giờ Mai 4 tuổi, chị gái của Mai gấp 3 lần tuổi Mai. Hỏi khi tuổi của chị Mai gấp hai lần tuổi Mai thì chị gái Mai bao nhiêu tuổi?

Câu 4.

Tuấn nhanh hơn Hùng, Dũng chậm hơn Tuấn.

Trường hợp nào dưới đây là đúng nhất?

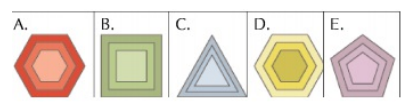
- 1. Dũng nhanh hơn Hùng
- 2. Dũng chậm hơn Hùng
- 3. Dũng nhanh bằng Hùng
- 4. Không thể nói Dũng hay là Hùng ai nhanh hơn ai.

Câu 5.

Một người bán kem có 6 loại hương vị khác nhau. Nếu mỗi lần ông ta bán hai que kem với hai hương vị khác nhau. Hỏi ông có thể bán được bao nhiêu lần như vậy?

Câu 6.

Hình nào khác với các hình còn lại?



Câu 7.

Số chân chó nhiều hơn số chân gà là 12, số gà hơn số chó là 8 con. Hỏi có bao nhiêu con chó?

Câu 8.

Cửa hàng lắp ráp xích lô

Nhập về một lúc 2 bồ lốp xe

Bồ một: 40 chiếc

Bồ hai: 50 chiếc

Đố ai, ai biết

Đem số lớp này lắp đủ mấy xe?
Mời em, mời bạn đáp nghe
Điểm 10 môn toán, còn e ngại gì!

Câu 9.

Số nào khác với các số còn lại trong bảng này?

4	32	144
15	38	122
18	54	186
324	142	222

Câu 10.

12 công nhân dệt trong 3 ngày được 120 tà áo. Hỏi nếu muốn dệt 180 tà áo trong 2 ngày thì cần có thêm bao nhiêu công nhân? (Biết năng suất của mọi người đều như nhau).

Bài 3

Câu 1.

Mệnh đề kết trong đoạn luận sau đúng hay sai?

Một số hoa tulip là xúc xích và tất cả những con ma đều ngáy.

Một số điện thoại ngáy và tất cả hoa tulip là con ma.

Một số giá sách là ma và tất cả điện thoại là xúc xích.

Vì vậy tất cả xúc xích đều ngáy.

Câu 2.

Số nào tiếp theo dãy số sau?

2, 4, 8, 16, 32, ?

Câu 3.

Người cha để lại của hồi môn cho bốn người con. A nhận được 50% so với số tiền của B. C nhận được bằng A và D cộng lại, B nhận được 125% so với số tiền của D. D nhận được 8.400.000 đồng. Vậy C nhận được nhiều hơn B bao nhiêu?

Câu 4.

Nếu An có 7 cái bút chì, An mất đi 3 cái. Hỏi An còn lại mấy cái bút chì?

Câu 5.

Đố bạn biết hình nào tiếp theo chuỗi hình bên trái

a, b, c, d, hay e?



Câu 6.

Số cam trong rổ nhiều hơn số quýt trong rổ là 36 quả. Tính số cam và số quýt trong rổ biết rằng số cam gấp 4 lần số quýt.

Câu 7.

Lớp em có một khung ảnh Bác Hồ dài 80cm, rộng 60cm. Nhân ngày 19 - 5, chúng em cài hoa xung quanh ảnh Bác cứ cách 10cm thì cài 1 bông hoa. Hỏi cần bao nhiêu bông hoa?

Câu 8.

Nhà trường đã mua một số ghế, mỗi cái giá 100.000đ và một số bàn, mỗi cái giá 160.000đ, tổng cộng hết 1.240.000đ. Nếu nhà trường mua số bàn bằng đúng số ghế đã mua và mua số ghế đúng bằng số bàn đã mua thì phải trả thêm 120.000đ nữa. Hỏi nhà trường đã mua mấy cái ghế, mấy cái bàn?

Bài 4

Câu 1.

Nếu bạn ăn 6 quả dâu tây, sau đó lại ăn thêm 8 quả nữa. Hỏi tổng cộng bạn đã ăn bao nhiêu quả?

Câu 2.

Có bao nhiêu cái trong một tá?

Câu 3.

Một giờ có bao nhiêu phút?

Câu 4.

A và B chia nhau một số tiền theo tỉ lệ 5: 4, A được 275.000 đ. Hỏi số tiền ban đầu là bao nhiêu?

Câu 5.

Một đoàn tàu hỏa di chuyển với tốc độ 80km/h, đi vào một đoạn đường hầm dài 0,5km. Chiều dài của đoàn tàu là 0,25km. Hỏi phải mất bao lâu để toàn bộ đoàn tàu xuyên qua đường hầm từ thời điểm đầu máy đi vào đến thời điểm toa cuối xuất hiện?

Câu 6.

1,28 cũng có thể viết dưới dạng

- a. $1 \frac{1}{3}$
- b. $\frac{32}{25}$
- c. $\frac{128}{256}$
- d. $\frac{16}{12}$
- e. $\frac{49}{37}$

Câu 7.

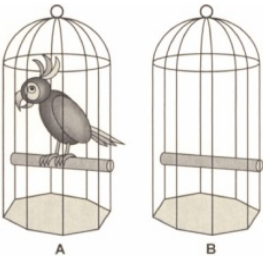
Thử ai nhanh trí
Thử ai thông minh
Nhất lớp chúng mình
Học vui khúc khích
14 phân tích
Thành tích 3 thừa

Chăm chỉ sớm trưa
Ai biết mau thừa
Lẽ nào lại bí?

Câu 8.

Trong bức tranh A là chú vẹt Polly trong lồng. Polly ở đâu trong bức tranh B?

- a. Trên đỉnh cái lồng
- b. Bên trong lồng hướng lên trên
- c. Đằng sau chỗ vẹt đậu
- d. Đằng sau cái lồng
- e. Đáy cái lồng
- f. Không có vị trí nào ở trên cả.



Câu 9.

Một người thợ mộc cưa một cây gỗ dài 12m thành những đoạn dài 15dm. Mỗi lần cưa hết 6 phút. Thời gian nghỉ tay giữa hai lần cưa là 2 phút. Hỏi người ấy cưa xong cây gỗ hết bao nhiêu thời gian?

Câu 10.

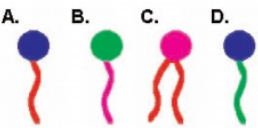
Điền số thích hợp vào chỗ trống

12	33	614
15?		16

Bài 5

Câu 1.

Nhìn 4 hình vẽ trên, bạn thử tìm xem hình nào có đặc điểm khác với các hình còn lại?



Câu 2.

Một nửa phút có bao nhiêu giây?

Câu 3.

Nếu bạn có 12 quả táo, bạn chia đều cho 4 người bạn của bạn và không giữ lại quả nào cho mình. Hỏi mỗi người bạn của bạn sẽ nhận được bao nhiêu quả táo?

Câu 4.

Số nào tiếp theo dãy số sau?
4, 6, 9, 14, ?

Câu 5.

Tại một cuộc thi ăn, người thắng cuộc ăn trung bình 15 chiếc xúc xích nhỏ ở 20 lượt ăn đầu tiên. Sau 20 lượt ăn thứ hai, con số trung bình tăng lên 20 chiếc xúc xích. Hỏi số trung bình ở 20 lượt ăn cuối sẽ là bao nhiêu?

Câu 6.

Trong cỗ bài 52 lá, bạn có thể sắp xếp được bao nhiêu cách giữa bốn quân bài Cơ, Rô, Bích, Tép

Câu 7.

Sử dụng chìa khóa (key) dưới đây làm các phép tính: H, T, K với các giá trị bao xung quanh mỗi chữ cái
Key: ? = 8, # = 3, \\$ = 5

?	S	#	#	S
H	S	K	S	?
?	#	?	?	#

| S | S | S | T

Câu 8.

Hình nào khác với các hình còn lại



A



B



C



D

Câu 9.

Một cái sọt có thể đựng được 14kg táo hoặc 21kg mận. Người ta đã đổ đầy sọt cả táo lẫn mận. Tính ra sọt đã nặng 18kg và giá tiền cả sọt là 60.000đ. Bạn hãy tính giá tiền 1kg táo và 1kg mận, biết rằng trong 18kg đó, số tiền táo và mận bằng nhau.

Câu 10.

Số này là số gì đây?

Đố ai, ai rõ, đáp ngay, biết rằng

Tích 2 chữ số bằng 24

Tổng 2 chữ số bằng 11

Đố ai chữ tốt, toán hay

Số 2 chữ số, đáp ngay số gì?

Bài 6

Câu 1.

Mệnh đề kết luận trong đoạn luận sau đúng hay sai?

Một số con yêu tinh là những bông tuyết.

Một vài bông tuyết chơi bóng chuyền giỏi.

Tất cả những thứ chơi bóng chuyền giỏi đều có ba đầu.

Vậy: Tất cả những thứ có ba đầu đều là bông tuyết.

Câu 2.

Nếu bạn cắt một chiếc bánh ra làm 4 phần, sau đó lại cắt mỗi phần vừa cắt ra làm đôi. Hỏi bạn sẽ có bao nhiêu miếng bánh?

Câu 3.

Hai cha con có tổng tuổi là 53. Biết rằng lúc cha 27 tuổi mới sinh con. Tìm số tuổi của mỗi người?

Câu 4.

Một đội ghi được bao nhiêu điểm nếu hiệp 1 ghi được 10 điểm, hiệp 2 ghi được 5 điểm.

Câu 5.

Chọn một trong 5 hình bên phải để điền vào dấu (?).

a, b, c, d hay e?



Câu 6.

Một nhóm các cụ già tham gia bữa tiệc trà. Họ mang tất cả những con mèo của họ đến. Có tổng số 22 cái đầu và 72 cái chân. Hỏi có bao nhiêu cụ già và có bao nhiêu con mèo?

a. 6 cụ già và 16 con mèo

b. 7 cụ già và 15 con mèo

c. 8 cụ già và 14 con mèo

d. 9 cụ già và 13 con mèo

e. 10 cụ già và 12 con mèo.

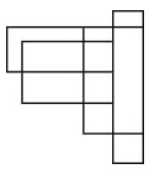
Câu 7.

Tìm số điền vào dấu (?).

1	6	9	3	1	5

Câu 8.

Có bao nhiêu hình chữ nhật trong hình dưới đây?



Câu 9.

Có 18 ô tô gồm 3 loại.

- Loại 4 bánh chở được 5 tấn.
- Loại 6 bánh chở được 6 tấn.
- Loại 8 bánh chở được 6 tấn.

Biết tổng số bánh xe là 106 bánh, tổng số hàng chở được là 101 tấn, hãy tính số xe mỗi loại.

Câu 10.

Người ta trồng cây ở hai bên của một quăng đường dài 1km: cứ cách 50m thì trồng 1 cây. Hỏi có tất cả bao nhiêu cây, biết rằng ở hai đầu đường đều có cây?

Bài 7

Câu 1.

Tèo làm bài kiểm tra có một số câu hỏi. Các câu có điểm số bằng nhau. Tèo trả lời sai 10 câu và được 60% tổng điểm. Hỏi bài kiểm tra có bao nhiêu câu?

Câu 2.

Sơn vừa đứng thứ 15 từ dưới lên vừa đứng thứ 15 từ trên xuống trong cuộc thi đấu cầu lông. Hỏi có bao nhiêu người tham gia thi đấu?

Câu 3.

Công trường dự định huy động 240 công nhân làm việc trong 7 ngày để sửa xong một quãng đê. Sau 3 ngày làm việc thì được bổ sung thêm 80 người nữa. Hỏi phải tiếp tục làm bao nhiêu ngày nữa thì công trường sẽ sửa xong quãng đê? (Năng suất mọi người làm như nhau).

Câu 4.

Số nào tiếp theo dãy số sau?

135, 45, 180, 60, 240, 80, ???, 105

Câu 5.

Simon thuê một chiếc ô tô ở trong thành phố để đi leo núi cách đó 100km. Đi đến nửa đường, anh dừng lại đón bạn gái là Nina ở nhà cô ấy và lái xe đi tiếp 50km còn lại. Trên đường về. Simon cho Nina xuống nhà cô ấy và lái xe về thành phố một mình. Anh trả xe, tiền thuê hết 50 đôla và tiền xăng xe hết 10 đôla. Simon và Nina cùng chia nhau trả tiền rất công bằng. Hỏi Nina phải trả bao nhiêu?

Câu 6.

Hộp một có 14 ly

Hộp hai 3 tá ly đóng thùng

Đem ly ra hết, xếp chung

Mỗi khay 5 chiếc, cần dùng mấy khay?

Đố ai, ai biết, ai hay?

Ai hay, ai biết, đáp ngay, khó gì!

Câu 7.

Bạn có thể vẽ thêm hai đường thẳng để hoàn thành chuỗi tòa tháp dưới đây?

a. Thêm vào bên trái tòa nhà thứ nhất

b. Thêm vào bên trái tòa nhà thứ hai



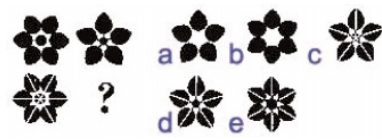
- c. Thêm vào hai tòa nhà giữa
- d. Thêm vào bên phải tòa nhà thứ hai
- e. Thêm vào tòa nhà xa nhất ở bên tay phải
- f. Không thể thêm vào được.

Câu 8.

Có 5 con chim đậu trên cành cây. Một người thợ săn bắn chết một con. Hỏi còn lại mấy con?

Câu 9.

Chọn một hình a, b, c, d hoặc e để điền vào dấu (?).



Câu 10.

Tổng của 6 số chẵn liên tiếp là 66. Tìm các số đó.

Bài 8

Câu 1.

Hiện nay An 6 tuổi, gấp đôi tuổi em trai. Hỏi khi An bằng 1 tuổi của em mình thì An mấy tuổi?

Câu 2.

Mệnh đề kết luận trong đoạn luận sau đúng hay sai?

Tất cả những chiếc đồng hồ đều là năm độc

Tất cả năm độc đều có 15 cái móng

Một số năm độc tạo ra máy vidio

Tất cả bánh xốp tạo ra máy vidio

Nhưng không có cái nào có 15 móng là bánh xốp.

Vậy: Không chiếc đồng hồ nào tạo ra máy vidio.

Câu 3.

Một người thợ nhận được 20.000đ cho mỗi ngày mà anh ta làm việc, nhưng bị trừ đi 30.000đ cho mỗi ngày mà anh không làm theo đúng hợp đồng. Sau 30 ngày, anh thấy rằng mình bị trừ nhiều hơn số tiền kiếm được. Vậy người thợ làm việc được bao nhiêu ngày?

Câu 4.

Cặp số nào có cùng giá trị?

a. $1/2$ và 5

b. $1/1$ và 11

c. $2/4$ và $4/2$

d. $1/3$ và 1.3

Câu 5.

Số nào lớn nhất?

a. $1/700$

b. $1/800$

c. $6/6$

d. $4/3$

Câu 6.

Chọn hình điền vào chỗ trống:



Câu 7.

A.  Viết từ 1 đến 300



Đố em, đố bạn giỏi chăm nhi đồng

Cần bao nhiêu chữ số 0?

Đáp nhanh, gần ngực bông hồng thắm tươi

Đố vui vừa học vừa cười

Thi đua xem thử ai người giỏi hơn?

Câu 8.

Số trung bình cộng của 4 số là 50. Số thứ nhất và số thứ tư bằng nhau. Nếu thêm 0 vào bên phải số thứ hai thì được số thứ nhất. Nếu gấp 4 lần số thứ hai thì được số thứ ba. Hãy tìm số thứ hai?

Câu 9.

Nếu một số MÈO là CHÓ và tất cả LỢN là CHÓ, thì một số MÈO hẳn là LỢN. Câu trên là:

a. Không đúng không sai

b. Đúng

c. Sai.

Câu 10.

Tìm số còn thiếu?

17	102	12
14?		11

Bài 9

Câu 1.

Giả sử các đoạn đường có độ dài bằng nhau. Nếu bạn đi một đoạn đường hết 5 phút. Hỏi trong một giờ bạn sẽ đi được mấy đoạn đường?

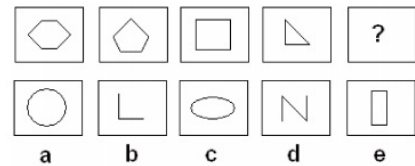
Câu 2.

Một cậu bé 10 tuổi học lớp 5. Hỏi khi học lớp 12 thì cậu ấy bao nhiêu tuổi?

Câu 3.

Hình nào ở hàng dưới hợp logic với chuỗi hình hàng trên?

a, b, c, d hay e?



Câu 4.

Tìm giá trị của X:

$$16 - 20 \times 2 + 40 : 8 + 19 = X$$

Câu 5.

Số nào sẽ thay cho dấu (?).

124, 816, 326, ?, 825

Câu 6.

Trong 100 người được khảo sát, 75% có máy vi tính, 65% có ti vi, 85% có tủ lạnh và 80% có đầu máy video. Có bao nhiêu người có cả bốn loại máy trên?

Câu 7.

Mệnh đề kết trong đoạn luận sau đúng hay sai?

Một số lò sưởi là con chuột

Tất cả chuột đi xe đạp

Tất cả người có thể đi xe đạp có tai cụp.

Vậy: Một số lò sưởi có tai cụp.

Câu 8.

Số nào tiếp theo chuỗi số sau?

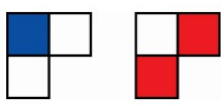
3, 5, 10, 12, 24, 26, ??

Câu 9.

Từ 10 chữ số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 có thể lập được bao nhiêu số có hai chữ số khác nhau. Tính xem trong các số vừa lập được đó tổng tất cả các số chẵn và tổng tất cả các số lẻ hơn, kém nhau bao nhiêu đơn vị?

Bài 10

Câu 1.



Hai hình trên hợp lại sẽ tạo ra hình nào dưới đây?

a. A

b. B

c. C



Câu 2.

Ba người công nhân có thể làm được 30 cái bánh trong một giờ, hỏi trong hai giờ, 5 người công nhân làm được bao nhiêu cái bánh? (Giả sử tốc độ làm của 5 người công nhân là bằng nhau).

Câu 3.

Nếu 5 cái ghế có 20 chân, hỏi có 120 chân thì có bao nhiêu ghế (Các ghế có số chân bằng nhau).

Câu 4.

Giá thuê một xe tư nhân được chia đều cho tất cả các hành khách đã trả đủ một số tiền, số tiền này không đến 100.000 đồng/ 1 vé ngồi. Xe có chỗ ngồi cho 50 hành khách, tổng số tiền vé lên đến 1.887.000 đồng. Hỏi có bao nhiêu chỗ ngồi không được hành khách mua vé?

Câu 5.

Tìm số thích hợp điền vào dãy số sau:

55 | 50 | 45 | 40 | ?

Câu 6.

1 bàn 6 ghế chung nhau

10 như thế, có đầu lạ gì

Bây giờ bỏ bớt ghế đi

Còn bàn 4 ghế thế thì tính xem

Đố ai, đố bạn, đố em

Có bao nhiêu ghế phải đem ra ngoài?

Câu 7.

Cả trâu lẫn bò có 26 con

Cả bò lẫn ngựa có 30 con

Cả ngựa lẫn trâu có 34 con

Tính số con mỗi loại.

Câu 8.

$8 \times 3 \times 3 \times 2$ nhỏ hơn 18×16 . Đúng hay sai?

Câu 9.

Tính số cây phải trồng ở hai bên của quãng đường từ cổng trường tiểu học đến cổng trường trung học cơ sở của thành phố, biết quãng đường dài 750m, cây nọ cách cây kia 15m và hai đầu đường đều là cổng trường nên không trồng cây.

Bài 11

Câu 1.

Trong một cuộc đấu bóng gồm 6 cầu thủ, kéo dài trong 40 phút, có 4 cầu thủ dự bị. Họ thay thế lẫn nhau, sao cho tất cả các cầu thủ, kể cả cầu thủ dự bị đều được ra sân đấu trong cùng độ dài thời gian. Vậy mỗi người được ra sân trong bao lâu?

Câu 2.

Mệnh đề kết luận trong đoạn luận sau đúng hay sai?

Tất cả chiếc hộp là đàn ghita

Tất cả đàn ghi ta đều là đồ vật

Một số đồ vật có chân vịt

Vậy: Một số cái hộp có chân vịt

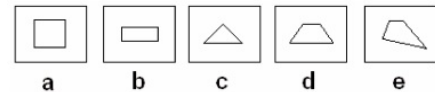
Câu 3.

Điền số còn thiếu vào dãy số sau:

4, 12, 8, 24, 16, ?

Câu 4.

Hình nào khác với các hình còn lại?



Câu 5.

Để đánh máy vi tính một bản thảo xong trong 12 ngày thì mỗi ngày phải đánh được 10 trang. Muốn đánh máy bản thảo đó xong trong 8 ngày thì mỗi ngày phải đánh được bao nhiêu trang?

Câu 6.

Tìm hình có đặc điểm khác với các hình còn lại

A Z F N E

Câu 7.

Trong một tháng nào đó có 3 ngày chủ nhật đều là ngày chẵn (tức là ngày mang số chẵn trong tháng). Hãy tính xem ngày 20 của tháng đó là thứ mấy trong tuần?

Bài 12

Câu 1.

Nếu nhiệt độ tăng 15% từ $X^{\circ}\text{C}$ lên $103,5^{\circ}\text{C}$ thì nhiệt độ ban đầu là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$?

Câu 2.

A bơi nhanh hơn B, nhưng chậm hơn C. D thường bơi nhanh hơn B, đôi khi nhanh hơn A, nhưng không bao giờ bơi nhanh hơn C. Vậy ai là người bơi nhanh nhất?

Câu 3.

Số thứ nhất, số thứ nhì

TỔNG số HIỆU của chúng thì gấp 5

Đố ai học giỏi, học chăm.

TỔNG, HIỆU nhanh tính không nhầm mới hay

TRĂM RỪƠI: số thứ nhất đây

Tính nhanh, đáp đúng, vỗ tay khen tài.

Câu 4.

Tôi và bạn gái tôi thường gặp nhau vào buổi trưa chủ nhật mỗi tuần. Lần đầu, cô ấy đến nơi lúc 12h30'. Lần hai, cô ấy đến lúc 13h20'. Lần tiếp đó cô ấy đến 14h30' rồi 16h00. Vậy lần sau nữa cô ấy phải đến lúc mấy giờ?

Câu 5.

Hình nào khác với các hình còn lại?

a. A

b. B

c. C

d. D



Câu 6.

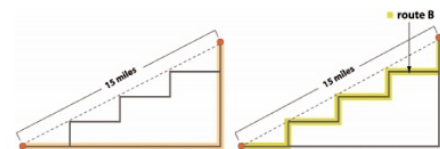
Khoảng cách nào ngắn hơn Route A (đoạn A) hay Route B (đoạn B)?

Câu 7.

Có hai trong số các số sau cộng vào bằng 17

6 - 13 - 2 - 12 - 7 - 14

a. Đúng



b. Sai.

Câu 8.

Lan và Phượng có tất cả 24 cái nhãn vở. Nếu Lan cho Phượng 5 cái nhãn vở và Phượng cho lại Lan 2 nhãn vở thì số nhãn vở hai bạn bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu nhãn vở?

Câu 9.

Tuổi hiện nay của người anh gấp 4 lần tuổi em lúc anh bằng tuổi em hiện nay. Đến khi tuổi em bằng tuổi anh hiện nay thì tuổi anh và tuổi em cộng lại bằng 85. Hãy tính tuổi sau này của mỗi người?.

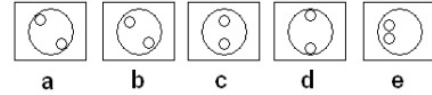
Bài 13

Câu 1.

Có bao nhiêu số có 4 chữ số mà tích của 4 chữ số ấy bằng 8?

Câu 2.

Hình nào khác với các hình còn lại?



Câu 3.

Mẹ Tý có 600.000đ để chi tiêu. Bà dùng $\frac{3}{5}$ trong số tiền này mua quần áo; 0,45 số còn lại mua đồ trang điểm và bỏ ra 130.000đ mua một chiếc đồng hồ mới. Hỏi vào cuối ngày mẹ của Tý còn bao nhiêu tiền?

Câu 4.

Chia 600 cho $\frac{1}{4}$ và cộng 5. Đáp số bằng bao nhiêu?

Câu 5.

Ba bạn Mai, Hồng, Đào làm được tất cả 680 bông hoa. Thời gian Hồng dùng để làm hoa gấp 3 lần thời gian Mai làm và tổng số thời gian của cả ba bạn dùng để làm hoa hết tất cả 45 phút. Hỏi mỗi bạn làm được bao nhiêu bông hoa, biết rằng cứ 1 phút thì:

- Mai làm được 17 bông hoa
- Hồng làm được 15 bông
- Đào làm được 12 bông.

Câu 6.

Tìm một số có ba chữ số nhỏ hơn 200 và chia hết cho 7, biết rằng khi chia số đó cho 2, 3, 5 lần lượt được các số dư là: 1, 2, 4.

Câu 7.

Điền số thích hợp vào dấu (?).

0 | 3 | 8 | 15 | ?

Câu 8.

Bạn đang ở trên Sao Diêm Vương, trật tự các ngày trên đó của bạn khác với trật tự ngày của chúng tôi. Thứ 2 sau thứ 6, thứ 6 sau thứ 3. Thứ 5 là ngày sau thứ 4, nhưng thứ 4 trước thứ 2 năm ngày. Điều gì xảy ra với các ngày trong tuần của bạn:

- Chủ nhật trước thứ 7
- Thứ 7 trước chủ nhật

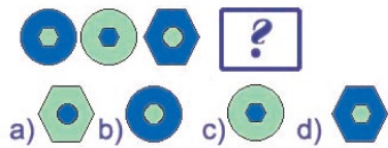
- c. Chúng là một ngày
- d. Chúng là hai ngày riêng biệt.

Câu 9.

Bị chia là một số
Có 3 chữ số giống nhau
Thương là 1 số
Có 3 chữ số giống nhau
Đố trong ngoài, đố trước sau
5 phép chia thế, viết mau, khó gì
Đố em, đố bạn, đố thiếu nhi
Đây giấy, đây bút nhanh ghi ra liền.

Câu 10.

Chọn hình a, b, c hay d điền vào dấu (?).



Bài 14

Câu 1.

Con trai ông của Bình là bố của Sơn.

Hỏi Bình và Sơn có quan hệ như thế nào với nhau? (Giả sử chưa có ai kết hôn).

- a. Họ là anh em họ
- b. Bình là chú họ của Sơn
- c. Sơn là chú họ của Bình
- d. Bình là cha của Sơn
- e. Sơn là cha của Bình.

Câu 2.

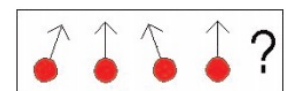
Một đội công nhân trong 3 ngày sửa được 405m đường. Ngày thứ hai được hơn ngày đầu 30m. Còn ngày thứ ba làm bằng một nửa của hai ngày đầu. Hỏi mỗi ngày đội đó làm được bao nhiêu mét đường?

Câu 3.

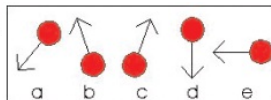
Ba con chim và bốn con chó. Hỏi có tổng số bao nhiêu chân? (Giả sử không có con nào khác thường).

Câu 4.

Cho hình sau



Chọn một trong các hình dưới đây hợp logic với hình trên



Câu 5.

Một trong những con số dưới đây không theo quy luật. Bạn hãy tìm và sửa lại:

2 - 4 - 8 - 16 - 20 - 22 - 44 - 46

Câu 6.

An có một số nho khô. Sau khi ăn một quả, An để dành một nửa số còn lại cho em gái. Sau đó An ăn tiếp một quả nữa và An để $\frac{1}{3}$ số còn lại cho anh trai. Hiện An chỉ còn lại 6 quả nho khô. Hỏi lúc đầu An có bao nhiêu quả nho khô?

Câu 7.

Một đội bóng hạng nhất tranh giải vô địch quốc gia, cứ đá thắng một trận thì được Ủy ban nhân dân tỉnh thưởng 12 triệu đồng, nhưng mỗi trận đá không thắng thì lại bị phạt 12 triệu đồng.

Nếu đá tất cả 15 trận, tính tiền thì chỉ thấy được thưởng 36 triệu. Hỏi đội đó đã thắng mấy

trận?

Câu 8.

Hãy tưởng tượng có một dãy số từ 1 đến 30, được viết thành hàng. Nếu đem cộng bất kỳ hai số nào đứng cạnh nhau bạn cùng đều được kết quả là một số lẻ. Điều này đúng hay sai?

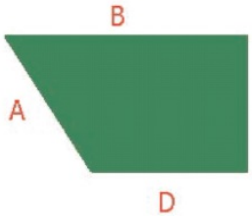
Câu 9.

A cao hơn B, C thấp hơn A. Kết luận nào dưới đây là hợp lý nhất?

- a. Không thể nói C hay B cao hơn.
- b. C cao hơn B
- c. C thấp hơn B
- d. C cao bằng B.

Bài 15

Câu 1.



Hình tứ giác trên có bốn cạnh, độ dài của mỗi cạnh được hiển thị bằng A, B, C, D. Nếu chúng ta muốn tính diện tích hình tứ giác này, thì chúng ta cần biết độ dài của những cạnh nào để có thể tính được?

- a. Chúng ta cần biết độ dài của cả 4 cạnh
- b. Biết bất kỳ 3 trong số 4 cạnh đó
- c. Chỉ cần biết A và D
- d. Chỉ cần biết B và D
- e. Không có câu trả lời nào đúng.

Câu 2.

Chỉ một quả cân một ký
Cân bàn hai đĩa, cân sao?
Lấy ra bốn ký gạo nào
Từ 13 ký trong bao gạo này
Cách gì ai biết đáp ngay
Chỉ cần 2 lượt hay, mới tài.

Câu 3.

Một người bắt đầu công việc kinh doanh với ngày đầu tiên kiếm được 1 đôla, ngày thứ hai người ấy kiếm được 3 đôla, ngày thứ ba là 5 đôla, ngày thứ tư là 7 đôla, cứ tiếp tục như vậy, hỏi người ấy kiếm được bao nhiêu sau 50 năm? (Giả sử các năm đều có chính xác 365 ngày).

Câu 4.

Một người công nhân được tăng 5% lương. Một năm sau, người công nhân bị giảm 2,5% lương. Hiện lương của cô ấy là 227002,68 đôla. Hỏi mức lương ban đầu của cô ấy là bao nhiêu?

Câu 5.

Điền số thích hợp vào ô trống:

14	10	15	9	
19	15	20	14	
86	82	97	?	

Câu 6.

Một quyển sách và một quyển vở giá 16.000đ. Hai quyển sách đắt hơn 5 quyển vở 4.000đ. Hỏi giá mỗi quyển là bao nhiêu?

Câu 7.

Anh hơn em 3 tuổi. Tuổi anh hiện nay gấp rưỡi lúc tuổi anh bằng tuổi em hiện nay. Tính tuổi hiện nay của mỗi người?.

Câu 8.

Một vườn trẻ dự trữ gạo cho 120 bé ăn trong 20 ngày. Nay có một số em mới đến nên số ngày giảm đi 4 ngày. Hỏi có bao nhiêu em mới đến thêm?

Câu 9.

Một cửa hàng bán lần thứ nhất 9 lít nước mắm, lần thứ hai bán 16 lít nước mắm cùng loại. Biết rằng lần thứ hai thu được nhiều tiền hơn lần thứ nhất là 49.000đ. Hỏi mỗi lần thu được bao nhiêu tiền?

Câu 10.

Giá tiền 4 quyển sách nhiều hơn giá tiền 8 quyển vở 4.000đ. Giá tiền 12 quyển sách nhiều hơn giá tiền 9 quyển vở 42.000đ. Tính giá tiền mỗi quyển sách, quyển vở?.

Bài 16

Câu 1.

Tèo có 3 viên bi xanh, 5 viên bi hồng và 14 viên bi vàng. Tèo vừa cho bạn 2 viên bi hồng và 4 viên bi vàng. Hỏi hiện giờ Tèo còn mấy viên bi mỗi loại?

Câu 2.

Điền các số còn thiếu vào chỗ trống trong dãy số sau sao cho thích hợp:

3 | 6 | 9 | 18 | 27 | ? | ?

Câu 3.

Số 3 chữ số

Tích 3 chữ số bằng 5

Số gì, ai biết sưu tầm giùm xem?

Đố ai, đố bạn, đố em

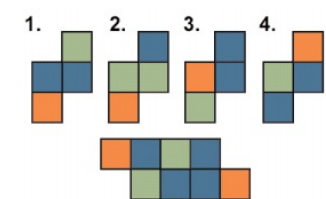
Đáp nhanh đúng, tặng hoa kèm pháo tay.

Ai người tính giỏi, toán hay

Đố ai, ai biết, đáp ngay khó gì!

Câu 4.

Hai hình nào hợp lại sẽ tạo ra hình bên dưới?.



Câu 5.

Số ba chữ số

Mà 3 chữ số giống nhau

Có bao nhiêu số, đáp mau, khó gì!

Đố nhi đồng, đố thiếu nhi

Đố em, đố bạn cùng thi đua tài

Thử xem ai giỏi hơn ai

Nghe tôi hô nhé, "một, hai" đáp liền.

Câu 6.

Một khách hàng vào cửa hiệu giày của ông Tâm để mua một đôi giày giá 40.000đ và trả bằng tờ 50.000đ. Ông Tâm không có tiền lẻ, vì vậy ông sang cửa hiệu của ông Tuấn bán thực phẩm kế bên để đổi năm tờ 10.000đ. Ông Tâm quay trở về và trả lại cho khách hàng 10.000đ. Một lát sau, ông Tuấn chạy sang cửa hiệu giày và thông báo rằng tờ 50.000đ là tiền giả. Ông Tâm đành phải đưa ông Tuấn tờ 50.000đ tiền thật và không đuổi kịp khách hàng đã biến mất, mang theo

đôi giày 40.000đ và tờ 10.000đ. Hỏi ông Tâm mất tất cả bao nhiêu tiền?.

Câu 7.

Giải phép tính sau:

$19 - 7 = 3 \times ?$

Câu 8.

Trong một cuộc đua ngựa, năm vị trí hàng đầu được dẫn bởi những con ngựa mang số theo thứ tự 4, 1, 3, 2 và 5. Người cưỡi ngựa số 4 mặc áo lục, người cưỡi ngựa số 1 mặc áo đỏ, người cưỡi ngựa số 3 mặc áo vàng và người cưỡi ngựa số 2 mặc áo cam. Người cưỡi ngựa số 5 mặc áo nào trong bốn màu sau: tím, vàng, lam và đen?

Câu 9.

Số nào thay cho dấu (?).

17	18	16	31
23	60	25	37
39	44	36	?
47	28	39	43
81	32	64	47

Câu 10.

Mệnh đề kết trong đoạn luận sau đúng hay sai?

Tất cả những chiếc lông vũ là lái xe và luôn luôn ném chuối qua cửa sổ.

Những con ếch thỉnh thoảng có thể ném lao xa 3 dặm và một số quả chanh cũng vậy.

Những quả chanh là những chiếc gậy cà kheo và luôn luôn ném chuối qua ngoài cửa sổ.

Vậy: Những chiếc lông vũ và những chiếc gậy cà kheo đều luôn luôn ném chuối qua ngoài cửa sổ.

Bài 17

Câu 1.

Tìm hai số tiếp theo:

15 | 21 | 18 | 24 | ? | ?

Câu 2.

Tôi vào một cửa hàng trang trí nội thất để mua một khung hình. Người bán hàng nói với tôi: Khung hình có giá gấp 5 lần giá của gậy tàn thuốc, ghế có giá gấp 30 lần giá của gậy tàn thuốc, bàn có giá gấp 4 lần giá của ghế. Cậu có thể mua tất cả những thứ đó với giá 312.000đ.

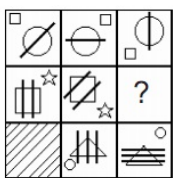
Vậy giá khung hình là bao nhiêu?

Câu 3.

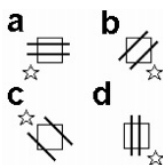
Trên một công trường đường sắt người ta đã đắp được 715m đường trong ngày thứ nhất, 815m đường trong ngày thứ hai. Ngày thứ ba có mưa nên chỉ đắp được 528m. Hỏi trung bình mỗi ngày đã đắp được bao nhiêu mét đường?

Câu 4.

Cho chuỗi hình: (Vẽ dấu hỏi chấm vào ô trống)



Chọn một trong 4 hình dưới đây để điền vào chỗ trống sao cho thích hợp nhất:



Câu 5.

Điền số vào dấu (?).

18 | 10 | 6 | 4 | ?

Câu 6.

Cốc cốc, cheng cheng

Mời lên bảng đen

Cầm viên phấn trắng

Viết nhanh số chẵn

Kế tiếp sau 10

Và ghi số lẻ

Liền trước 20

Đố vui vừa học vừa cười

Tính tổng 2 số, ai người giỏi nhanh?

Câu 7.

Người ta trồng 42 cây dừa ở xung quanh một hồ sen hình tròn. Biết rằng hai cây liền nhau luôn cách đều nhau 15m. Hãy tính bán kính hồ sen.

Câu 8.

Số nào thay cho dấu (?).

1,5 | 4,5 | 13,5 | 16,5 | ?

Bài 18

Câu 1.

Số nào thay cho dấu (?).

17	14	5	16
12			1
?			11
21	9	17	19

Câu 2.

Tìm số điền vào dấu (?).

4	9	20
8	5	14
10	3	?

Câu 3.

Trong hai ngày với 8 người thì sửa được 64m đường. Vậy trong 5 ngày với 9 người thì sửa được bao nhiêu mét đường? (Năng suất mỗi người như nhau).

Câu 4.

Cộng số tuổi của:

$A + B = 43$

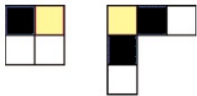
$A + C = 55$

$B + C = 66$

Hỏi tuổi của mỗi người là như thế nào?

Câu 5.

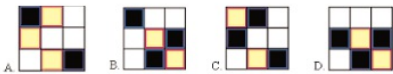
Hai hình trên ghép lại sẽ tạo thành hình nào phía dưới?



Câu 6.

Điền số thích hợp vào dấu (?).

7	9	5	11
5	14	12	7
13	8	11	?



Câu 7.

Có bao nhiêu số bình phương trên bàn cờ 8 x 8 ô và tổng của chúng bằng bao nhiêu?

Câu 8.

Tìm số điền vào dấu (?).

96	16	12	
88	?	11	

Câu 9.

Một xe khách khởi hành từ A để về B với vận tốc 42km/h. Sau đó 10 phút một xe du lịch cũng bắt đầu đi từ A đuổi theo với vận tốc 58km/h. Biết cả hai xe đến B cùng một lúc, hãy tìm quãng đường từ A đến B?

Bài 19

Câu 1.

Nếu không có trường hợp nào dưới đây là đúng thì chúng ta có thể kết luận ai là người làm vỡ lọ hoa?

- a. Mike: Sally làm vỡ lọ hoa.
- b. Tom: Mike sẽ nói cho bạn biết ai là người làm vỡ lọ hoa.
- c. April: Tom, Mike và tôi không thể làm vỡ lọ hoa.
- d. Chris: Tôi không làm vỡ lọ hoa.
- e. Erik: Mike làm vỡ lọ hoa, vì vậy Tom và April không thể làm vỡ được.
- f. Jim: Tôi làm vỡ lọ hoa nên Tom không làm vỡ lọ hoa.

Câu 2.

Có hai kho thóc. Kho thứ nhất chứa 261 tạ 30kg. Kho thứ hai chứa ít hơn kho thứ nhất 1560kg vì có ít hơn 24 bao. Biết rằng các bao nặng như nhau. Hỏi mỗi kho có bao nhiêu bao thóc?

Câu 3.

Nghe vẽ nghe ve
Nghe vè vui đố
Nhanh tìm ba số
3 số gì đây?
Tổng 3 số này
Bằng tích chúng ngay
Ai biết, ai hay
Xin nhanh, nhanh kể
Bạn học giỏi thế
Không lẽ chịu thua?
Vừa học vừa đùa
Xem ai giỏi nhất.

Câu 4.

Số nào tiếp theo dãy số sau?
100, 99, 97, 93, 85, ?

Câu 5.

Trong một bảng của Cup bóng đá thế giới 1994, tổng số điểm của 4 đội cộng lại bằng 16. Hỏi có mấy trận thắng, mấy trận hòa? (Cách cho điểm như sau: đội thắng được 3 điểm, đội thua được 0 điểm, hoà thì mỗi đội được 1 điểm).

Câu 6.

Một cành cây có thể đỡ được 3 người. John nặng gấp 2 lần Adam, Rachel nặng bằng một nửa Adam. Vậy John, Rachel và Adam đều có thể cùng ngồi trên cành cây đó.

- a. Đúng
- b. Sai

Câu 7.

Trên một quãng đường dài 3km, người ta trồng cây hai bên đường theo thứ tự: 1 cây dương, 1 cây dương nữa, 1 cây bạch đàn rồi đến 1 cây tràm. Biết rằng cứ cách 20m lại trồng một cây và có trồng cây ở hai đầu đường, hỏi phải dùng bao nhiêu cây mỗi loại?

Câu 8.

3 cây vải đỏ, xanh, vàng

Chiều dài tổng cộng là ngàn mét y

Vải đỏ 10 mét cắt đi

May cò tặng đội thiếu nhi điều hành

Cắt 20 mét vải xanh

Thưởng cho các bạn học hành giỏi ngoan

Cắt 25 mét vải vàng

Tặng đội văn nghệ may màn, kéo phong

Này em, này bạn biết không

3 cây lúc đó dài đồng như nhau

Đố ai, ai biết đáp mau

Mỗi cây vải lúc ban đầu dài nhiêu?

Bài 20

Câu 1.

Số nào thay cho dấu (?)

188300263		
893?	915	

Câu 2.

Một người du lịch rời khỏi thành phố, đi bộ hết 6 giờ và đi ngựa hết 5 giờ thì cách xa thành phố 80km. Lần sau người đó rời thành phố đi ngựa hết 11 giờ, rồi đi bộ quay trở lại thành phố hết 6 giờ thì lúc đó còn cách thành phố 64km. Hãy tính xem khi đi ngựa, người đó đi được bao nhiêu kilômét trong 1 giờ?

Câu 3.

Giá của một đôi tất là 3.500đ. Giá một hộp gồm 6 đôi tất là 19.500đ. Hãy tính bao nhiêu phần trăm rẻ hơn khi bạn mua một hộp gồm 6 đôi tất?

Câu 4.

Số nào thay cho dấu (?)

1	3	6
134?	9	
6	8	6

Câu 5.

Dùng chìa khóa (key) dưới đây hãy làm các phép tính T, W, Z và các giá trị bao xung quanh chúng:

%	%	\	\$	)
)	Z	)	%	\
)	%	\	\$	W
%	\	\$	)	)

Key:) = 3, % = 7, \\$ = 5

T = ?, W = ?, Z = ?

Câu 6.

Tổng số tuổi của bố, mẹ và hai con là 87. Bố hơn mẹ 3 tuổi. Số tuổi của người con thứ nhất gấp đôi số tuổi của người con thứ hai. Số tuổi người con thứ hai nhân với chính số đó thì bằng số tuổi của bố. Hãy tính số tuổi của mỗi người trong gia đình này?

Câu 7.

Có 12 vận động viên chạy marathon, họ chạy thành hai hàng với áo được mang số được xếp như sau:

Hàng 1: 8 5 4 46 52 61

Hàng 2: 7 6 9 94 63 ?

Vận động viên cuối cùng sẽ mặc áo số bao nhiêu?

Câu 8.

Đố em, đố bạn, đố ai

Đổi các đơn vị chiều dài ra mau

Từ từ tính trước suy sau

Ghi liền đáp số, chứ đâu khó gì!

a. $14\text{m } 5\text{dm} = ?\text{dm}$

b. $1\text{km } 50\text{m} = ?\text{ m}$

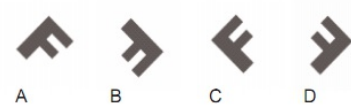
c. $2500\text{m} = ?\text{ km } ?\text{m}$

d. $968\text{mm} = ?\text{ dm } ?\text{mm}$

Bài 21

Câu 1.

Hình ảnh nào ít giống với các hình còn lại?



Câu 2.

Dùng 4 chữ số 1, 2, 3, 4 có thể viết được bao nhiêu số có 4 chữ số khác nhau?

Câu 3.

Sơn vừa đứng thứ 10 từ trên xuống vừa đứng thứ 10 từ dưới lên trong cuộc thi viết vở sạch chữ đẹp. Hỏi có bao nhiêu bạn tham gia cuộc thi?

Câu 4.

- 1000 vở thưởng cuối năm
- Có 50 bạn giỏi chăm nhận quà
- Phân đều số vở trên ra
- Có 12 bạn khối ba lãnh phần
- Đố ai toán giỏi chia nhân
- Khối ba riêng tính nhận phần bao nhiêu?

Câu 5.

Lớp A có 47 học sinh, lớp B có 43 học sinh. Cả hai lớp được mua 450 quyển vở. Mỗi học sinh đều được mua một số vở như nhau. Hỏi mỗi lớp được mua bao nhiêu quyển vở?

Câu 6.

Muốn đo chiều dài của một căn phòng, chúng ta đo bằng cách lấy thước đo hay đo bằng cách đếm các viên gạch lát ở nền sẽ chính xác hơn?

Câu 7.

Trong bảng dưới đây, hãy tìm tổng của ba số chẵn lớn nhất, sau đó tìm tích của hai số lẻ nhỏ nhất. Cuối cùng lấy tổng trừ đi tích, kết quả là bao nhiêu?

14	15	10	3	
9	16	21	22	
118	24	12		

Câu 8.

Số nào thay cho dấu (?).

7	5	4	6	2	4	1	7	8				
1	6	6	4	2	2	7	8	?				
4	5	2	7	1	2	7	6	5				

Câu 9.

Một ô tô di chuyển 40km, trong cùng thời gian như vậy một ô tô khác di chuyển nhanh hơn 20km/h, với khoảng cách 60km. Hành trình của ô tô thứ nhất mất bao lâu?

Bài 22

Câu 1.

Tìm số điền vào dấu hỏi chấm

$36 \mid 30 \mid 24 \mid 18 \mid ?$

Câu 2.

Trong giải vô địch bóng đá trẻ toàn quốc, bảng B có 5 đội thi đấu vòng tròn một lượt, tính điểm. Trong mỗi trận đấu đội thắng được 3 điểm, đội thua được 0 điểm, nếu hòa thì mỗi đội được 1 điểm.

Hãy tính xem mỗi đội bóng thắng mấy trận, hoà mấy trận, thua mấy trận, nếu:

- a. Đội đó được 7 điểm
- b. Đội đó được 8 điểm
- c. Đội đó được 11 điểm.

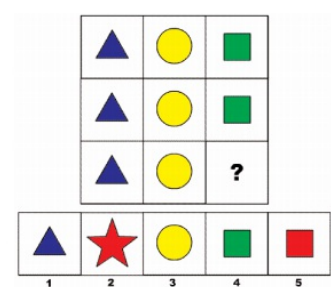
Câu 3.

Tìm giá trị của A, B,C và D

C	C	A	D	=22
C	D	D	A	=20
A	A	D	D	=32
C	B	B	A	=30
=24=25=23=32				

Câu 4.

Chọn một trong năm hình bên dưới để điền vào dấu (?):



Câu 5.

Bà có một số quả na
Chia 5 rồi lại lấy ra một phần
Gọi Ti, Tèo, Tí đến gần
Xoa đầu, đếm quả phát phân làm quà

Ti: 5, Tèo: chỉ được 3
Tí nhỏ nhất nhà được 6 quả xinh
Đố học trò, đố học sinh
Số na bà có khai trình bao nhiêu?

Câu 6.

Cộng số tuổi của An và Bình là 88
Cộng số tuổi của Bình và Chi là 76
Cộng số tuổi của An và Chi là 80
Hãy tính số tuổi của mỗi người?

Câu 7.

Đưa số vào các ô trống sao cho tất cả các bài toán được đúng theo hàng ngang và hàng dọc, 6 và 8 đã được đặt sẵn.

	x		=	6
+		+		+
	-		=	
=		=		=
8				

Câu 8.

7 mèo, 3 người, 5 gà và 6 chó, hỏi có tổng số bao nhiêu chân?
(Không có người và con vật nào khác thường).

Bài 23

Câu 1.

Có một nhà rất giàu, sợ buổi đêm bị trộm viếng thăm, họ đã thuê 1 người canh nhà ban đêm. Một sáng nọ, người canh nhà học tốc chạy vào nài nỉ ông chủ dừng đi công tác bằng chuyến bay sắp tới vì anh ta nằm mơ thấy chuyến bay đó bị gặp nạn và tất cả mọi người đều chết. Y như rằng chuyện đó đúng sự thật. Gia đình đó cảm ơn anh ta, tặng thưởng rất nhiều thứ nhưng rồi đuổi anh ta đi. Hành động của gia đình đó có hợp lý không?

Câu 2.

- Với bốn chữ số 2, 0, 4, 7, có thể lập được bao nhiêu số có 4 chữ số mà có mặt cả 4 chữ số đó.
- Hãy viết các số ấy dưới dạng tổng của các ngàn, các chục, các trăm đơn vị.
- Tính tổng tất cả các số đó.

Câu 3.

Tìm số thích hợp điền vào ô trống:

4	12	10	6	
10	3	6	7	
6	8	?	5	

Câu 4.

Một thùng đựng đựng dầu đầy
Nặng 44 ký, ghi ngay nhớ rồi
Thùng đó đựng nửa dầu thôi
Nặng 24 ký, giúp tôi giải liền
Em ngoan thì tài với bạn hiền
Vỏ thùng nặng mấy, mau nghiên cứu giùm.

Câu 5.

Tuổi Mai gấp hai lần tuổi của Nam. Tuổi của Nam bằng $\frac{1}{3}$ tuổi của Lan. Hỏi ai nhiều tuổi nhất?

Câu 6.

An mua 5 cây bút máy, Bình mua 3 cây bút bi, An trả nhiều hơn Bình 54.000đ. Tìm giá tiền mỗi loại bút biết rằng một cây bút máy đắt hơn cây bút bi 10.000đ.

Câu 7.

Số nào tiếp theo dãy số sau?

18 | 20 | 24 | 32 | ?

Bài 24

Câu 1.

Chia 30 cho $1/2$ rồi cộng thêm 10. Kết quả bằng?

- a. 35
- b. 70
- c. 35

Câu 2.

Một người nông dân có 17 con cừu, 9 con vừa chết. Hỏi người nông dân đó còn lại mấy con?

Câu 3.

Hai đoàn ô tô cùng chở một số xi măng như nhau. Đoàn thứ nhất gồm các ô tô loại có trọng tải 5 tấn, đoàn thứ hai gồm các ô tô có trọng tải 3 tấn. Biết tổng số ô tô của cả hai đoàn là 24 chiếc. Tìm số ô tô mỗi đoàn?

Câu 4.

Có ba con khỉ cùng đi qua một chiếc cầu khỉ. Một con lông màu nâu, một con lông màu vàng, một con lông màu ngũ sắc. Bỗng một con bị rơi xuống nước, còn hai con trên cầu. Hỏi con khỉ bị rơi xuống nước lông màu gì?

Câu 5.

Tổng 5 số chẵn đầu tiên

Tổng 5 số lẻ đầu tiên

Đố em ngoan, đố bạn hiền

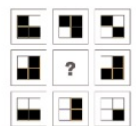
So sánh hai tổng, đáp liền ra sao?

Thi tài, thử sức thấp cao

Ai đáp nhanh đúng, mừng chào pháo tay.

Câu 6.

Chọn một trong 5 hình bên dưới để điền vào dấu (?).



Câu 7.

Một đội công nhân có 38 người nhận sửa một quãng đường dài 1.330m trong 5 ngày. Hỏi muốn sửa một quãng đường dài 1.470m trong 2 ngày thì cần bao nhiêu công nhân? (Mức làm của mỗi người đều như nhau).



Bài 25

Câu 1.

Ba chị công nhân được chia một số tiền thưởng như sau: số tiền của chị An và chị Ba là 200.000 đồng, số tiền của chị Ba và chị Cúc là 150.000 đồng, số tiền của chị Cúc và chị An là 220.000 đồng. Hỏi mỗi người được thưởng bao nhiêu tiền?

Câu 2.

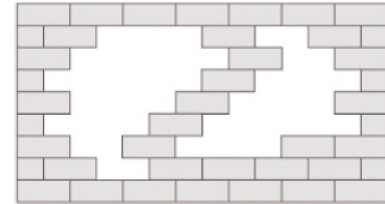
Có bao nhiêu viên gạch còn thiếu?

Câu 3.

Điền số thích hợp vào chỗ trống

1	4	5?
2	3	6?

- a. 19
- b. 20
- c. 23
- d. 25



Câu 4.

Một người bán kem có 6 loại kem khác nhau. Nếu mỗi lần ông ta bán hai que kem với hai hương vị khác nhau thì ông có thể bán được bao nhiêu lần như vậy?

Câu 5.

Sử dụng chìa khoá (key) dưới đây, làm phép tính X, Y, Z với các giá trị bao xung quanh nó

Key: | \ \$ = 1 | @ = 2 | & = 3

@	\$	&	\$	&
&	Y	@	@	&
@	\$	&	\$	X
Z	&	@	@	\$

X=? | Y=? | Z=?

Câu 6.

Từ 10 đến 1.000 có bao nhiêu số tự nhiên mà tổng các chữ số của số đó bằng 9?

Câu 7.

An cần đem 11 bình nước cho cửa hàng. An chỉ có thể mang 3 bình một lúc, vậy số lần tối thiểu An phải đi lại là bao nhiêu?

- a. 5
- b. $4 \frac{1}{2}$
- c. $\frac{1}{2}$

d. $5\frac{1}{2}$

e. 4

Câu 8.

Tìm hai số tiếp theo của dãy số sau:

9 | 7 | 12 | 10 | ? | ?

Bài 26

Câu 1.

Bạn đứng trong nhà có 3 cái công tắc, trong đó chỉ có 1 cái công tắc nối với bóng đèn ngoài sân. Khi bóng sáng, bạn ở trong nhà không nhìn thấy và bạn chỉ được chạy ra ngoài sân xem bóng sáng hay không duy nhất 1 lần. Bằng cách nào bạn có thể biết công tắc nào là công tắc nối với bóng đèn ngoài sân.

Câu 2.

Sách 98 cuốn, 2 ngăn

Nghe cho kỹ nhé, biết rằng:

Nếu ngăn nhất dôi 12 cuốn

Xuống ngăn hai, lúc đó 2 ngăn

2 ngăn số sách cân bằng

Đố ai, ai có biết chẳng

Bao nhiêu cuốn sách mỗi ngăn ban đầu?

Câu 3.

Một đội dân công đắp đê phòng lụt, 4 ngày đầu mỗi ngày đắp được 115m^3 , 6 ngày sau đắp được 140m^3 . Hỏi trung bình mỗi ngày đội dân công đó đắp được bao nhiêu m^3 đất?

Câu 4.

Một hồ nước hình hộp chữ nhật dài $1,2\text{m}$; rộng 1m ; cao $0,8\text{m}$, hồ không có nước. Lúc 6 giờ người ta mở nước vào hồ, mỗi phút chảy được 32 lít. Tuy nhiên ở đây hồ lại có một lỗ hỏng, mỗi phút chảy ra mất 20 lít. Hỏi đến mấy giờ thì hồ đầy nước?

Câu 5.

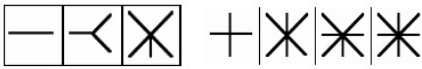
Tìm số tiếp theo của dãy số:

34 | 27 | 20 | 13 | ?

Bài 27

Câu 1.

Chọn hình bên phải để tiếp với chuỗi hình bên trái:



Câu 2.

Một bầy dê có 35 con đang đi trong rừng, đột nhiên một con bị bắn chết, vậy còn tất cả bao nhiêu con?

Câu 3.

Kim ngắn chỉ số 12, kim dài chỉ giữa số 1 và số 2, hỏi là mấy giờ?

Câu 4.

Cho số có hai chữ số, trong đó chữ số hàng đơn vị gấp đôi chữ số hàng chục. Nếu lấy số đó trừ đi 4 thì sẽ được số có hai chữ số giống nhau. Hãy tìm số đã cho?

Câu 5.

4 con vịt thì nặng hơn 6 con gà 1kg
3 con vịt thì nhẹ hơn 10 con gà 7,5kg
Hỏi mỗi con vịt nặng bao nhiêu kilôgam?

Câu 6.

Giải phép tính
 $40 \div 2 = 5x$?
a. 5
b. 20
c. 10
d. 4
e. 3

Câu 7.

Điền số thích hợp vào ô trống:

186	113		
123	7	2	
2	27	18?	

Câu 8.

Điền số vào chỗ trống:

? | 3 | 4 | 6 | 8 | 12

Câu 9.

Trong ngày Hội Khỏe Phù Đổng, trên nóc khán đài sân vận động tỉnh em cắm rất nhiều cờ, cách đều nhau 3m. Hai đầu khán đài đều có cờ. Cho chiều dài khán đài là 210m. Hãy tính số cờ cần dùng và số vải để may cờ. Biết rằng mỗi lá cờ đều có chiều rộng bằng khổ vải và chiều dài là 12dm.

Câu 10.

Thưởng trò học giỏi, làm chăm

Cô đem số vở chia 5 phần đều

Một bạn gương tốt làm theo

Tặng lại bạn nghèo 5 quyển còn 3

Đố em, đố bạn gần xa

Số vở cô thưởng tổng là bao nhiêu?

Đố bạn hiền, đố em yêu

Đố ai, ai biết, mau điều tra xem.

Bài 28

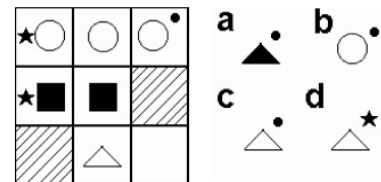
Câu 1.

Trên đường phố, có 5 người đàn ông, trên vai mỗi người đàn ông có 1 cái rổ. Trong mỗi cái rổ có một con mèo mẹ, mỗi con mèo mẹ có 5 con mèo con.

Hỏi trên đường có tất cả bao nhiêu cái chân? (Không có người nào hay con mèo nào dị tật).

Câu 2.

Chọn một trong 4 hình bên trái để điền vào ô trống:



Câu 3.

Tóc húi, tóc dài

Tổng cộng 42

Tính riêng phe nữ tóc dài 30

Tóc húi chia tổ 6 người

Thành ra mấy tổ, mỉm cười đáp nhanh?

Câu 4.

Có hai cha hai con cùng đi câu cá mỗi người câu được 1 con nhưng khi về tới nhà chỉ có 3 con. Tại sao?

Câu 5.

Giải phép tính

$$6 \times 0,5 = 0,25 \times ?$$

Câu 6.

Số nào tiếp theo dãy số sau?

156, 145, 123, 90, ?

a. 46

b. 56

c. 69

d. 73

e. 79

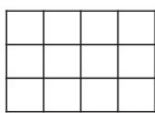
Câu 7.

Tèo được mẹ đưa cho 10 quả trứng vịt ra chợ bán. Dọc đường đi, Tèo gặp chú, chú xin một

quả. Sau đó lại gặp chị, Tèo tặng chị 2 quả. Còn lại đưa ra chợ bán hết.
Hỏi Tèo bán được bao nhiêu tiền? (Biết mỗi quả trứng giá 1.500đ).

Câu 8.

Cho hình vẽ:



- a. Có bao nhiêu hình chữ nhật trong hình vẽ?
- b. Biết cạnh của các ô vuông trong hình vẽ đều dài 1cm. Hãy tính tổng diện tích của tất cả các hình vuông có trong hình vẽ.

Câu 9.

Trời không trăng, không sao, không đèn, một ông tây đen đi giữa lòng đường đen. Có một ô tô đi ngược chiều nhưng ông tây không bị đâm vào ô tô. Hỏi tại sao?

Câu 10.

Bí và Bầu có tất cả 48 viên bi. Nếu Bí cho Bầu 3 viên bi và Bầu cho lại Bí 1 viên bi thì hai bạn có số bi bằng nhau. Hỏi trước khi cho nhau, mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

Bài 29

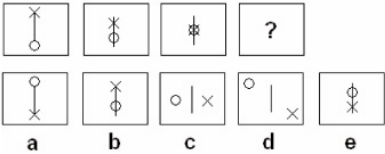
Câu 1.

Một trại chăn nuôi có 100 con bò vừa loại một, vừa loại hai. Bò loại một có 30 con, mỗi con một năm cho 4.000 lít sữa. Bò loại hai có 70 con, mỗi con một năm cho 3.600 lít sữa. Hỏi:

- a. Trung bình mỗi năm con bò cho bao nhiêu lít sữa?
- b. Trung bình mỗi tháng một con bò cho bao nhiêu lít sữa?

Câu 2.

Hình nào điền vào dấu hỏi chấm?
a, b, c, d hay e?



Câu 3.

Một công nhân kĩ thuật tính rằng muốn tiện 6 cái bánh xe phải mất 4 giờ. Hỏi muốn tiện 1260 cái bánh xe kiểu ấy thì phải mất bao nhiêu ngày công lao động, biết rằng mỗi ngày công lao động là 8 giờ?.

Câu 4.

Ba chàng trai vào ăn phở, mỗi người trả 10 nghìn cho cô bán phở, cô chủ nhờ người hầu bàn trả lại cho họ 5 nghìn. Nhưng anh chàng này lại bớt 2 nghìn và trả cho mỗi người 1 nghìn. Vậy tính ra 3 chàng trai mất $9 \times 3 = 27$ nghìn + với 2 nghìn từ người hầu bàn là 29 nghìn. Vậy 1 nghìn nữa ở đâu nhỉ?.

Câu 5.

Số nào điền vào dấu (?).

6	1	2	2	4
2	4	1	6	?

Câu 6.

Lớp em đang có 8 bàn
6 bạn 1 bàn, ngồi chật như nêm
Mỗi bàn nếu xếp 4 em
Mấy bàn cần phải kê thêm mới vừa?
Ai người chăm chỉ sớm trưa?
Đố ai, ai biết, mau thưa rõ ràng?

Câu 7.

Số nào tiếp theo dãy số sau?
100, 70, 30, 100, 90, ?

Câu 8.

Hình nào bên phải tiếp theo chuỗi hình bên trái?



Câu 9.

Ba anh chàng rút thăm để chọn làm con rể. Họ lần lượt rút mỗi người 1 thăm, trong 3 thăm đó có 1 thăm chiến thắng. Vậy người nào sẽ có khả năng chiến thắng nhất? Rút đầu hay rút sau?

1 2 3 4

Bài 30

Câu 1.

Quãng đường từ A đến B gồm một đoạn lên dốc và một đoạn xuống dốc. Một người đi từ A đến B hết 21 phút rồi trở về B đến A mất 24 phút. Hãy tính quãng đường AB biết vận tốc khi lên dốc là 2,5km/h và khi xuống dốc là 5km/h.

Câu 2.

Dùng chìa khoá (key) dưới đây làm các phép tính B, F, U với những giá trị bao xung quanh nó.

Key: | %=6 | \ \$=7 | @=8

W	\	\$	&	\	\$	@	
@	%	\	\$	F	%		
\	\$	\	\$	@	\	\$	%
@	B	%	@	\	\$		
B=? F=							

Câu 3.

Điền số vào ô trống:

4	7	2	1	
20	42	148		
100	252		64	

Câu 4.

Trung bình cộng của 3 số là 75. Nếu thêm 0 vào bên phải số thứ hai thì được số thứ nhất. Nếu gấp 4 lần số thứ hai thì được số thứ ba. Tìm ba số đó?

Câu 5.

Có bao nhiêu hình chữ nhật trong hình dưới đây?



Câu 6.

Cô giáo chia vở cho một số bạn. Nếu chia cho mỗi bạn 5 quyển vở thì thừa 2 quyển, nếu chia cho mỗi bạn 6 quyển thì thiếu 1 quyển. Hỏi có mấy bạn được chia vở? Cô giáo có bao nhiêu quyển vở?

Câu 7.

Mẹ 2 tuổi nhỏ hơn ba

Tuổi ba nhớ nhé đấy là 33

Ai ơi! Ai biết chẳng là
Chia 2 tuổi bà bằng tuổi mẹ đây
Tuổi bà ai biết ai hay
Bao nhiêu nhanh hãy đáp ngay, khó gì!

Câu 8.

Chữ nào thay cho dấu (?)

I	31E	
0	17Y	
?	23O	

Câu 9.

Cho ba số, trong đó hiệu số của số lớn nhất và số bé nhất bằng 4,8. Nếu đem một số nhân với 12, một số nhân với 15, một số nhân với 10 thì được ba tích bằng nhau. Hãy tìm ba số đã cho.

Câu 10.

Mỗi tổ có 5 nam, 6 nữ
Toán ai hay, tính thử giùm xem
Lớp em sĩ số mấy em?
Biết có bốn tổ chẳng thêm bớt gì
Đố em, đố bạn thiếu nhi
Đố ai, ai biết cùng thi đua tài?

Bài 31

Câu 1.

Điền số thích hợp vào dấu (?).

9	2	5	2	9
1	2	4	3	2
1	5	8	?	1

Câu 2.

Một cửa hàng có 20 thùng đựng dầu gồm hai loại: loại thùng 60 lít và loại thùng 40 lít. Hỏi có bao nhiêu thùng mỗi loại biết số dầu đựng ở mỗi loại thùng đều bằng nhau?

Câu 3.

3 số trong một phép chia
Đem cộng chúng lại ra kìa 95
Số chia cho biết bằng 5
Hỏi thương bằng mấy, đây khâm phục tài
Ai đáp nhanh đúng, đừng sai
Hoan hô ai nhé, mời ai nhận quà.

Câu 4.

Sử dụng chìa khoá (key) dưới đây và là các phép tính K, L, M với các giá trị xung quanh chúng.

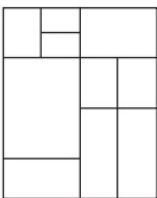
Key: | \ \$ = 7 | % = 6 | ! = 5

\$	%	!	!	\$
%	!	K	%	!
\$	%	\$	\$	M
L	!	!	%	\$

K=? | L=? | M=?

Câu 5.

Có bao nhiêu hình vuông trong hình dưới đây?



Câu 6.

Có một đàn chim và một rừng cây. Lần đầu, chúng đậu một con xuống một cây thì dư ra một con, khi đó đàn chim bay lên rồi đáp xuống đậu lần hai, hai con một cây thì dư ra một cây. Hỏi có bao nhiêu cây và bao nhiêu chim?

Câu 7.

Hai người mua chung 21m vải hết 315.000đ. Người thứ nhất trả hơn người thứ hai 52.500đ. Hỏi mỗi người mua bao nhiêu mét vải?

Câu 8.

Số nào dưới đây không phải số nguyên tố?
a.73 | b.83 | c.79 | d.87

Câu 9.

Đáp số nào đúng với biểu thức dưới đây:
(892) - (882)

a. 176	b. 177	c. 178
d. 179	e. 180	

Câu 10.

Đố em, đố bạn gần xa
Nhanh nhanh so sánh A và B xem
Đố ai, đố bạn, đố em
Ai đáp nhanh đúng, thưởng kèm pháo tay
A = 155m + 50dm
B = 1km - 840m

Bài 32

Câu 1.

Tổng của 3 số lẻ liên tiếp bằng 75. Tìm 3 số đó.

Câu 2.

Một bếp ăn chuẩn bị gạo cho 120 người ăn trong 50 ngày. Nhưng sau đó có một số người đến thêm nên số gạo chỉ đủ ăn trong 30 ngày. Hỏi số người đến thêm là bao nhiêu?

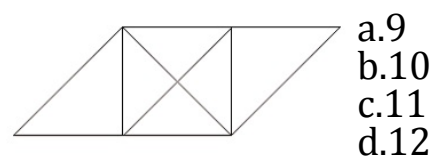
Câu 3.

Số nào điền vào dấu hỏi chấm?

?	3	6	1	4	6	
6	1	1	1	2	3	
1	2	5	0	2	3	

Câu 4.

Có bao nhiêu hình tam giác trong hình dưới đây?



Câu 5.

Tháng vừa qua, bác An và bác Thịnh đã lĩnh được tất cả 1.350.000đ tiền lương. Bác An đã làm trong 24 ngày, bác Thịnh làm trong 21 ngày. Hỏi mỗi người chia được bao nhiêu tiền, biết rằng tiền công mỗi ngày của hai bác như nhau.

Câu 6.

Điền số thích hợp vào dấu (?).

5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, ?

Câu 7.

Trong một buổi lao động, cô giáo phân công một nửa lớp làm vườn trường, một nửa lớp dọn tủ sách. Cuối buổi lao động, số học sinh được biểu dương nhiều gấp 6 lần số học sinh không được biểu dương. Hỏi số học sinh được biểu dương của lớp là bao nhiêu, biết rằng lớp có từ 40 đến 50 học sinh?

Câu 8.

Lớp em chuẩn bị diễu hành

20 nam, 27 nữ xếp thành hàng tư

Xếp xong, các bạn còn dư

Cầm cờ đi trước oai như anh hùng

Trống kua cắc cắc tùng tùng

a. Đố ai, mấy bạn xếp chung một hàng?

Một hai đều bước nhịp nhàng

b. Cầm cờ mấy bạn hiên ngang dẫn đầu?

Bài 33

Câu 1.

Từ hai chữ số tự nhiên trong các số: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 có bao nhiêu cách viết thành một số nguyên dương nhỏ nhất?

- a. 1 cách
- b. 2 cách
- c. 3 cách
- d. Nhiều cách.

Câu 2.

Xe một chở 24 ghế

Xe hai chở 36 ghế

Xe ba chở một số bàn

Đem đến nhà hàng, bàn ghế xếp chung

1 bàn 4 ghế kê cùng

Không dư, chẳng thiếu, ung dung ra về

Một người chạy đến: "Khoan! Ê"

"Mấy bàn, mấy ghế xin đề giấy đây?"

Đố ai, ai biết, ai hay

Ai hay, ai biết, ghi ngay khó gì.

Câu 3.

Một người chủ đóng thêm một cột trụ ở giữa hai cột của một hàng rào thẳng. Nếu ông đang có 10 cột ở hàng rào thì ông phải đóng thêm bao nhiêu cột trụ nữa:

- a. 5
- b. 9
- c. 10
- d. 20

Câu 4.

Có bao nhiêu số có ba chữ số tận cùng bằng 5?

Câu 5.

Điền số thích hợp vào chỗ trống:

6 | 9 | 12 | 15 | ?

Câu 6.

Trong kì thi tuyển vào đại học, trường Đại học X tuyển 1.000 sinh viên mới. Có tất cả 24.000 thí sinh. Bạn Linh là một trong 24.000 thí sinh đó. Hãy tính giúp xem bạn Linh phải đứng đầu với số thí sinh theo tỉ lệ bao nhiêu để được trúng tuyển?

- a. $1/24$
- b. $1/24.000$
- c. $1/23.000$
- d. $1/23$

Câu 7.

Có 10 người bước vào phòng họp. Tất cả đều bắt tay lẫn nhau. Hỏi có bao nhiêu cái bắt tay?

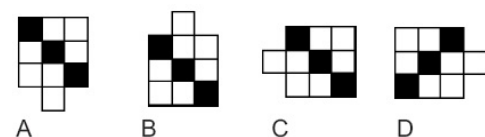
Bài 34

Câu 1.

Hình nào ít giống với các hình còn lại?

Câu 2.

Nếu (A - B) lớn hơn (A - C) thì C lớn hơn B đúng hay sai?



Câu 3.

Có 1 nhóm gồm 10 nam và 10 nữ, hãy chọn 7 người sao cho trong số đó có ít nhất là 3 nam và 2 nữ.

Câu 4.

Dùng 4 chữ số 0, 1, 2, 3 có thể viết được bao nhiêu số có 4 chữ số khác nhau?

Câu 5.

Tìm số thích hợp điền vào ô trống:

6	2	4	8
4	4	5	11
7	3	6	?

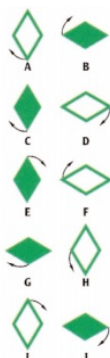
Câu 6.

Dùng phép tính +, -, x, : tùy ý với 8 con số 8 dưới đây để được kết quả là 1000:

8 8 8 8 8 8 8 8

Câu 7.

Hình nào không theo quy luật so với các hình còn lại?



Câu 8.

Tìm tiếp các chữ số theo quy luật.

XX0XXXXX000XXXXXXXXX00000000XXXXXXXXXX

XXXXXXXXXX000000000000000000000000XXXXXXXX

XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX00000000000000

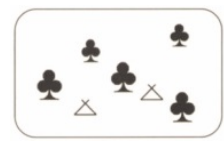
00

0??????????

Bài 35

Câu 1.

Dưới đây là hai cái lều được dựng giữa một vài cây xanh ở vùng đất của người Anh Diêng (Mỹ). Trong bức tranh còn thiếu thứ gì nữa?



a. Một cây to	b. Một cây nhỏ
c. Một cái lều	d. Một cái lều hình nón
e. Một đồng lửa	f. Không có cái gì cả.

Câu 2.

Số nào tiếp theo chuỗi số sau:

1, 3, 5, 7, 9, 11, 13, ?

Câu 3.

Mỗi nữ xếp được 10 sao

Nam xếp thua nữ 3 sao mỗi người

Đố vui vừa học vừa cười

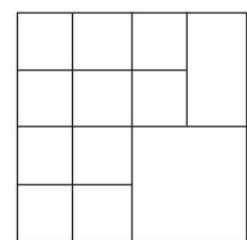
Nam 19 người xếp được mấy sao?

Thi tài thử sức thấp cao

Ai đáp nhanh chóng, mừng chào pháo tay

Câu 4.

Có bao nhiêu hình vuông trong hình dưới đây:



Câu 5.

Nếu đem số kẹo của mẹ chia đều cho tất cả các con thì mỗi con được 6 cái. Nhưng vì anh cả không ăn nên mỗi con được 8 cái. Tính số con trong gia đình và số kẹo của mẹ?

Câu 6.

Có 3 cô gái: cô Đen, cô Đỏ và cô Nâu gặp nhau trong cửa hiệu làm tóc. Một người trong số họ nói: "Tớ có tóc đen, hai cậu có tóc đỏ và nâu, nhưng không ai trong chúng ta có màu tóc trùng với tên của mình".

Cô Nâu đáp: "Cậu hoàn toàn đúng".

Vậy, cô Đỏ tóc màu gì?

Câu 7.

Trong mùa dưa hấu, gia đình ông Hai Lúa thu hoạch được một số trái dưa hấu. Ông Hai Lúa rất ngạc nhiên khi thấy tổng số dưa hấu chia cho:

2 dư 1, 3 dư 2, 4 dư 3, 5 dư 4, 6 dư 5, 7 dư 6, 8 dư 7, 9 dư 8, 10 dư 9.

Vậy gia đình ông Hai Lúa đã thu hoạch được bao nhiêu quả dưa hấu?

a. 5.220 quả

b. 5.219 quả

c. 2.520 quả

d. 2.519 quả.

Câu 8.

Nếu ngày hôm qua là ngày mai của thứ Ba và ngày mai là ngày hôm qua của thứ Bảy thì ngày hôm nay là thứ mấy?

Câu 9.

Tìm lỗi sai của bài sau:

Có: $1\text{đ} = 1\text{ (đ)} \times 1\text{ (đ)}$

$= 10\text{ (xu)} \times 10\text{ (xu)}$

$= 100\text{ xu}$

$= 10\text{đ}$

Vậy: $1\text{đ} = 10\text{đ}$

Bài 36

Câu 1.

Điền số vào dấu (?).

19	14	16	32	
4	8	2	4	
3	3	2	7	
5	2	?	4	

Câu 2.

Có một đồng tiền xu, An lấy đi một năm, thêm một năm nữa, nửa năm nữa và $\frac{1}{4}$ nữa, cộng 1 bằng 100. Hỏi mỗi năm là bao nhiêu?.

Câu 3.

Cha mẹ của Hùng có ba người con, một người tên là Tâm, một người tên là Cường. Hỏi người thứ ba tên là gì?

Câu 4.

Một người bán ba loại chanh gồm:

- 9kg chanh loại I
- 11kg chanh loại II
- 7kg chanh loại III

thì được tất cả 69.200đ. Giá 1kg chanh loại I đắt hơn loại II là 800đ, hơn loại III là 1.200đ. Tính giá tiền 1kg chanh mỗi loại?

Câu 5.

Phân tích mỗi số sau đây

Thành ra một Tích, điều này nhớ ghi

Các thừa số phải giống y

Giỏi hay như bạn, khó chi đáp liền

Nhi đồng thi với thiếu niên

Ai đáp nhanh đúng, ưu tiên thưởng quà

a/ 8

b/ 27

c/ 16

d/ 100

Câu 6.

 Tìm số điền vào ô trống:

143		1220		
6	9	8	4	
1018?		6		

Câu 7.

 Biết rằng cứ ba thùng mật ong thì đựng được 27 lít. Trong kho có 12 thùng, ngoài cửa hàng có 5 thùng. Hỏi tất cả có bao nhiêu lít mật ong?

Câu 8.

 5 quyển vở và 3 quyển sách giá 43.500đ
 1 quyển sách đắt hơn 1 quyển vở 5.500đ. Tính giá tiền mỗi quyển?

Bài 37

Câu 1.

Số hai chữ số viết ra
Chọn sao ời bạn nhớ là như sau:
Hàng chục, đơn vị bằng nhau
Đố ai, ai biết, viết mau khó gì
Khó gì, nhanh kể ra đi
Mời em, mời bạn thiếu nhi thi tài.

Câu 2.

Sử dụng chìa khóa (key) dưới đây làm theo phép tính J, K, L với mỗi giá trị bao quanh các chữ cái

Key: ! = 4, @ = 6, { = 8

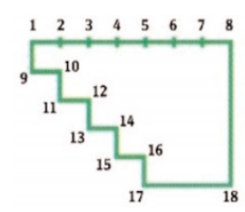
L	@	@	@	
{	!	!	{	
!		{	!	
@	{	@	{	@

J = ? K = ? L = ?

Câu 3.

Hình bên dưới có thể được chia ra là hai bởi một đường thẳng mà khi hợp hai phần lại thành một hình vuông hoàn chỉnh. Hỏi đường đó kết nối hai điểm nào?

- a. 3 và 12
- b. 4 và 11
- c. 5 và 16
- d. 6 và 18
- e. 7 và 14
- f. 8 và 17
- g. 9 và 3
- h. 10 và 4
- i. 11 và 5
- j. 12 và 2



Câu 4.

Một đội công nhân đắp đê phòng lụt, 4 ngày đầu mỗi ngày đắp được 115 m³, 6 ngày sau mỗi

ngày đắp được 140 m³. Hỏi trung bình mỗi ngày đội dân công đó đắp được bao nhiêu mét khối đất?

Câu 5.

Bộ đội số chú 900

Chia thành tiểu đội 15 người này

a. Được mấy tiểu đội đây ghép vào

Bạn ơi! có biết chăng nào.

Đại đội: 3 trung đội ghép vào thành ngay

Đố ai, ai biết, ai hay

b. Được mấy đại đội, đáp ngay, khó gì!

Câu 6.

Có 17 xe vừa xe taxi vừa xe lam. Xe taxi có 4 bánh, xe lam có 3 bánh. Hỏi có mấy xe taxi, mấy xe lam, biết rằng có tất cả 62 bánh?

Câu 7.

Một anh chàng đi câu cá. Khi trả lời câu hỏi: "Anh câu được bao nhiêu cá?", anh ta nói: "Một nửa của 8, số 6 không có đầu, số 9 không có đuôi".

Hỏi anh chàng đã câu được bao nhiêu cá?

Câu 8.

Bốn cái chén và 1 cái ấm nặng bằng 17 thỏi chì. Riêng cái ấm nặng bằng 1 cái chén và 7 thỏi chì. Hỏi cái ấm cân nặng bằng mấy thỏi chì?

Câu 9.

Hai số nào tiếp theo dãy số sau?

40 | 33 | 37 | 30 | ? | ?

Bài 38

Câu 1.

Khi người ta hỏi con cá bắt được nặng bao nhiêu, người đánh cá trả lời: "Đuôi nó nặng 150g, đầu nó nặng bằng đuôi và $\frac{1}{2}$ thân, còn thân nặng bằng đầu và đuôi".

Như thế con cá của anh ta nặng bao nhiêu?

Câu 2.

Tìm số điền vào dấu (?).

2 | 4 | 3 | 12 | 9 | ? | ?

Câu 3.

Số xe taxi nhiều hơn số xe lam là 9 chiếc. Số bánh xe taxi nhiều hơn bánh xe lam là 42 cái. Tính số xe taxi và xe lam?

Câu 4.

Số nào tiếp theo dãy số sau?

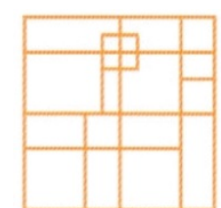
5, 10, 15, 20, 25, 30, 35

Câu 5.

Một nông dân mang 2 giỏ trứng ra chợ bán, mỗi giỏ có 30 quả trứng. Trong giỏ trứng bé, bà dự định sẽ bán với giá 1 đồng được 3 quả. Giỏ trứng to bà sẽ bán 1 đồng 2 quả. Tuy nhiên khi ở chợ bà thay đổi ý định, bà để trứng lẫn lộn và bán với giá 2 đồng được 5 quả. Như thế có lợi cho bà so với ý định ban đầu không?

Câu 6.

Có bao nhiêu hình vuông trong hình dưới đây?



Câu 7.

Một trại chăn nuôi có 408 con vừa trâu vừa ngựa vừa bò. Biết rằng: số trâu ít hơn số ngựa 12 con, số bò gấp đôi số trâu. Hãy tính số con mỗi loại?

Câu 8.

Số nào tiếp theo dãy số sau:

101,2 | 102,4 | 104,8 | 109,6 | ?

Câu 9.

Số 3 chữ số

Đơn vị giống chữ hàng trăm

Đố ai học giỏi, học chăm

Đáp bao nhiêu số đây khâm phục tài

Đố em, đố bạn, đố ai

Đáp nhanh, xin thưởng tràng dài vỗ tay.

Câu 10.

Cả gà và chó có 100 chân. Biết số gà nhiều hơn số chó 8 con. Hỏi có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con chó?

Bài 39

Câu 1.

Tìm số còn thiếu?



Câu 2.

Mệnh đề kết trong đoạn luận sau đúng hay sai:
Tất cả bóng ngô là ngựa.

Tất cả bóng ngô có nút đỏ và thỉnh thoảng chơi bài bingo.

Bánh nướng thỉnh thoảng chơi bài bingo.

Kim cương là bánh nướng, vì vậy ngựa và kim cương thỉnh thoảng chơi bài bingo.

Câu 3.

Có ba đội thiếu niên A, B, C với tổng số đội viên khoảng 40 đến 50 em. Để chuẩn bị tham gia lao động, nhà trường dự định chia lại số đội viên đó bằng cách chuyển từ đội A sang đội B một số đội viên bằng số đội viên của đội B, chuyển từ đội B sang đội C một số đội viên bằng số đội viên của đội C, chuyển từ đội C sang đội A một số đội viên bằng số đội viên còn lại của đội A. Sau 3 lần chuyển như vậy thì số đội viên của ba đội bằng nhau.

Hãy tính số đội viên ở mỗi đội thiếu niên lúc chưa chuyển.

Câu 4.

Tí, Te đôi bạn thích đùa
Te khoe rằng: "Tớ mới mua đồng hồ!"
Tí cười: "Đẹp qua sin - cô!"
"Mấy phút bằng phần tư ngày?"
"Giỏi toán như cậu đáp ngay khó gì!"
Giúp Te mau giải liền đi
Nhi đồng cùng với thiếu nhi đua tài.

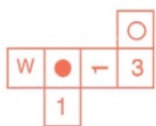
Câu 5.

Tìm số điền vào ô trống:

104	5	9	
3	13	105	
8	4	6	?

Câu 6.

6 hình vuông bên trên khi xếp lại sẽ tạo thành hình hộp nào bên dưới?



a. Chỉ hình A

b. Chỉ hình B

c. Chỉ hình C

d. Chỉ hình D

e. Hình A và B

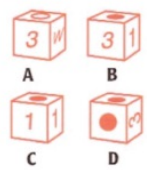
f. Hình A và C

g. Hình A và D

h. Hình B và C

i. Hình B và D

j. Hình C và D.



Câu 7.

Tìm hai số tự nhiên biết tổng của chúng là 9 và tích của chúng là 20.

Câu 8.

Đố vui, vui đố

Số 2 chữ số

Chọn sao hàng chục so ra

Hơn hàng đơn vị, nào ta thi tài

Kể sao nhanh đúng, đừng sai

Nghe tôi hô nhé "một hai" kể liền.

Câu 9.

Cô Lan có 4 con gà mái. Cô nhận thấy rằng 1 con gà cách 1 ngày đẻ 1 quả trứng, con thứ 2 cách 3 ngày đẻ 1 quả trứng, con thứ 3 cách 4 ngày đẻ 1 quả trứng và con thứ 4 cách 7 ngày đẻ 1 quả trứng. Một lần cô Lan lấy trong chuồng được 4 quả trứng và khoe với bà hàng xóm. Bà ta chúc mừng cô và hỏi: Số ngày ngắn nhất là mấy ngày (kể từ bây giờ) để cô có thể lấy được 4 quả trứng nữa?

Bạn hãy giúp cô Lan nhé!

Câu 10.

Một số tiền gồm 20 tờ bạc vừa loại 5.000 vừa loại 10.000. Số tiền loại 10.000 nhiều hơn số tiền loại 5.000 là 125.000. Tính số tờ bạc mỗi loại?

Bài 40

Câu 1.

Kỷ và Ty đem gà ra chợ để đổi lấy ngựa và bò. Họ tính rằng: cứ 85 con gà thì đổi được 1 con ngựa và 1 con bò, cứ 5 con ngựa thì đổi được 12 con bò. Sau khi đã đổi được một số bò và ngựa, họ bàn với nhau:

Kỷ nói: "Nếu ta đổi thêm một số ngựa nữa bằng đúng số ngựa mà ta vừa đổi thì ta sẽ được 17 con cả ngựa lẫn bò, nhưng như thế số gà không đủ để đổi".

Ty nói: "Nếu ta đổi thêm một số bò nữa bằng đúng số bò mà ta vừa đổi thì chẳng những ta sẽ được 19 con cả bò lẫn ngựa mà số gà đem đi đổi cũng vừa vặn hết".

Ý họ đều đúng, bạn hãy tính xem Kỷ và Ty đem bao nhiêu con gà ra chợ"?

Câu 2.

Để giúp đỡ các bạn học sinh nghèo học lớp phổ cập ban đêm, lớp em đã mua 12 cây bút các loại, giá tổng cộng 36.000 đồng. Biết mỗi cây bút máy giá 6.000 đồng, hai cây bút bic giá 3.000 đồng, 4 cây bút chì giá 3.000 đồng. Hỏi lớp em đã mua bao nhiêu cây bút mỗi loại?

Câu 3.

Trường em vừa mới xong

Trăm bàn đem xếp 9 phòng đủ y

5 phòng đông học sinh thì

12 bàn mỗi lớp, nhớ ghi kẻ nhầm

Số phòng còn lại đều phân

Số bàn mỗi lớp xa gần tính xem?

Đố ai, đố bạn, đố em

Đáp nhanh đúng, thưởng quà kèm pháo tay.

Câu 4.

Khoảng thời gian từ đầu tháng cho tới ngày đại hội Chi đội gấp 3 lần khoảng thời gian từ sau ngày đại hội Chi đội đến cuối tháng. Hỏi Chi đội tiến hành đại hội vào ngày nào, tháng nào?

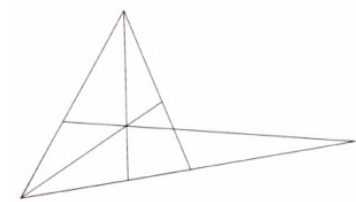
Câu 5.

Người ta đặt trong kho 6 thùng rượu. Từ thùng thứ nhất đến thùng thứ 6 tương ứng chứa: 310 lít, 200 lít, 190 lít, 180 lít, 160 lít và 150 lít. Ngày thứ nhất 2 người mang rượu đi bán, người thứ nhất bán được 2 thùng, người thứ hai bán được 3 thùng, hơn nữa người thứ nhất bán được số rượu bằng một nửa số rượu người thứ hai đã bán.

Hỏi thùng rượu nào còn trong kho?

Câu 6.

Có bao nhiêu hình tam giác trong hình dưới đây?



Câu 7.

Điền số còn thiếu vào chỗ trống sao cho thích hợp

4	3	2
4	2	0
9	6	?

Câu 8.

Hình nào có tính chất khác với các hình còn lại?



Câu 9.

Điền số vào dấu (?).

7 | 49 | 441 | ?

Câu 10.

Thầy hiệu trưởng đến một vườn ươm cây để mua cây non về trồng xung quanh trường. Lần thứ nhất thầy mua 10 cây phượng và 8 cây điệp hết tất cả là 64.000 đồng. Lần thứ hai mua 7 cây phượng và 4 cây điệp hết tất cả 40.000 đồng. Tính giá tiền 1 cây phượng và 1 cây điệp.

PHẦN I: ĐỀ BÀI

Bài 1

Câu 1.

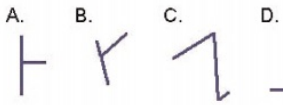
Trong cuộc họp có 12 người tham dự. Mỗi một người lại bắt tay những người còn lại trước và sau cuộc họp. Hỏi có tổng số bao nhiêu cái bắt tay?

Câu 2.

Có bao nhiêu tuần mà có 156 giờ?

Câu 3.

Hình nào khác với các hình còn lại?



Câu 4.

Số nào thay cho X?

$$14 - (-7) - (-7) = X$$

Câu 5.

Nam giải 1 bài toán và làm 4 phép tính mất 38 phút 16 giây. Nam giải một bài toán lâu gấp 4 lần một phép tính. Hỏi trung bình Nam làm 1 phép tính mất bao nhiêu thời gian?

Câu 6.

Tổng 3 chữ số bằng 10

Số 3 chữ số, đồ người giỏi chăm

Đơn vị gấp 9 hàng trăm

Số gì đáp đúng, đây khâm phục tài

Thử xem giải nhất về ai

Nghe tôi hô nhé, "một, hai" đáp liền.

Câu 7.

Hôm nay là thứ tư. Ngày thứ tư kể từ ngày hôm qua là ngày nào?

a. Chủ nhật

b. Thứ 2

c. Thứ 6

d. Thứ 5

e. Thứ 7

Câu 8.

Nếu bạn đem nhân bất kỳ hai trong các số thuộc dãy số sau, bạn sẽ đều có kết quả là một số lẻ: 9, 11, 3, 7, 17.

Điều này đúng hay sai?

Câu 9.

Đầu năm học, cô giáo dự định sắp xếp chỗ ngồi cho lớp em. Cô định xếp mỗi bàn 3 em, như vậy thì 4 em không có chỗ ngồi, còn nếu xếp mỗi bàn 4 em thì còn trống một bàn. Hỏi:

- Trong lớp có bao nhiêu bàn?
- Số học sinh của lớp là bao nhiêu?

PHẦN II: HƯỚNG DẪN - BÀI GIẢI

Bài 1

Câu 1:

Đáp số: 132

Tư duy theo cách này: Người đầu tiên bắt tay với 11 người, người thứ hai cũng bắt tay với 11 người, nhưng các em chỉ tính 10 người vì cái bắt tay với người thứ nhất đã được tính. Sau đó người thứ ba sẽ tính là 9 người, người thứ tư tính là 8 người và tiếp tục sẽ có 66 cái bắt tay trước và sau cuộc họp, tổng số là 132 cái bắt tay.

Câu 2:

Đáp số: Tất cả các tuần. Một câu hỏi đánh lừa!

Câu 3:

Đáp số: Hình C vì đây là hình duy nhất có 3 đường kẻ.

Câu 4:

Đáp số: 28

Câu 5:

Đáp số: 4 phút 47 giây.

Giải một bài toán lâu gấp 4 lần làm một phép tính nên trong 38 phút 18 giây Nam giải được một số phép tính là:

$$4 + 4 = 8 \text{ (phép tính)}$$

Thời gian giải một phép tính là:

$$38 \text{ phút } 16 \text{ giây} : 8 = 4 \text{ phút } 47 \text{ giây.}$$

Câu 6:

Đáp số: Số 109

Hàng đơn vị gấp 9 lần hàng trăm

⇒ Hàng đơn vị là 9, hàng trăm là 1

Tổng chữ số hàng đơn vị và hàng trăm là:

$$\Rightarrow 9 + 1 = 10$$

Theo đề, tổng 3 chữ số là 10. Vậy chữ số hàng chục phải là 0

Vậy số 3 chữ số cần tìm là 109

Câu 7:

Đáp số: Thứ 7.

Câu 8:

Đáp số: Đúng.

Câu 9:

8 cái bàn và 28 học sinh.

Vì xảy ra trường hợp trống một cái bàn nên số bàn không thể là 1. Ta bắt đầu thử từ số bàn là 2. Lúc đó:

Theo cách sắp xếp mỗi bàn 3 em thì số học sinh là:

$2 \times 3 + 4 = 10 \text{ (HS)}$

Theo cách sắp xếp mỗi bàn 4 em thì số học sinh là:

$(2 - 1) \times 4 = 4 \text{ (HS)}$

Vì 10 HS khác 4 HS nên trường hợp này bị loại.

Cứ như vậy, ta thử với số bàn là 3, 4, 5, ... và ghi kết quả vào bảng như sau:

Số bàn	Số HS (nếu xếp 3 em 1 bàn)	Số HS (nếu xếp 4 em 1 bàn)	Nhận xét	Kết luận
3	$3 \times 3 + 4 = 13 \text{ (HS)}$	$(3 - 1) \times 4 = 8 \text{ (HS)}$	13 khác 8	Loại
4	$4 \times 3 + 4 = 16 \text{ (HS)}$	$(4 - 1) \times 4 = 12 \text{ (HS)}$	16 khác 12	Loại
5	$5 \times 3 + 4 = 19 \text{ (HS)}$	$(5 - 1) \times 4 = 16 \text{ (HS)}$	19 khác 16	Loại
6	$6 \times 3 + 4 = 22 \text{ (HS)}$	$(6 - 1) \times 4 = 20 \text{ (HS)}$	22 khác 20	Loại
7	$7 \times 3 + 4 = 25 \text{ (HS)}$	$(7 - 1) \times 4 = 24 \text{ (HS)}$	25 khác 24	Loại
8	$8 \times 3 + 4 = 28 \text{ (HS)}$	$(8 - 1) \times 4 = 28 \text{ (HS)}$	28 bằng 28	Chọn

Vậy lớp em có 8 cái bàn và 28 học sinh.

Bài 2

Câu 1:

Đáp số: Hình A.

Câu 2:

Đáp số: 88 (Số kể sau bằng số liền trước nhân 3 rồi trừ cho 14).

Câu 3:

Đáp số: 16.

Số tuổi của chị Mai lúc nào cũng hơn tuổi Mai là 8 tuổi. Do vậy khi chị Mai 16 tuổi thì sẽ gấp đôi tuổi Mai.

Câu 4:

Đáp số: d.

Câu 5:

Đáp số: Tổng số là 15 lần.

Câu 6:

Đáp số: Hình D.

Câu 7:

Đáp số: 22 con gà và 14 con chó.

Giả sử số chó là 10, lúc đó số gà sẽ là:

$$10 + 8 = 18 \text{ (con gà)}$$

Vậy hiệu số chân chó và chân gà sẽ là:

$$10 \times 4 - 18 \times 2 = 4 \text{ (chân)}$$

Nếu ta thêm một con gà và thêm một con chó thì hiệu số gà và chó không thay đổi (vẫn là 8), nhưng hiệu số chân sẽ tăng thêm:

$$4 - 2 = 2 \text{ (chân)}$$

Vậy số gà (cũng là số chó) phải thêm vào là:

$$8 : 2 = 4 \text{ (con)}$$

$$\text{Suy ra số gà là: } 18 + 4 = 22 \text{ (con)}$$

$$\text{Còn số chó là: } 36 - 22 = 14 \text{ (con)}$$

Câu 8:

Đáp số: 30 xe.

Số lốp xe có tất cả là:

$$40 + 50 = 90 \text{ (chiếc)}$$

Mỗi xe xích lô có 3 bánh, cần 3 chiếc lốp

Số xe được lắp là:

$$90 : 3 = 30 \text{ (xe)}$$

Câu 9:

Đáp số:

Là số 15 vì đây là số duy nhất là số lẻ.

Câu 10:

Đáp số: 27 công nhân.

Gợi ý:

Tính số công nhân cần có để dệt 180 tà áo trong 2 ngày bằng cách giải hai bài toán tam suất như sau:

Bài toán thứ nhất: tam suất nghịch

$$(120 \text{ tá}) 3 \text{ ngày} \Rightarrow 12 \text{ người}$$

$$(120 \text{ tá}) 2 \text{ ngày} \Rightarrow ? \text{ người}$$

Sau khi tìm ra kết quả 18 người, thì giải tiếp.

Bài toán thứ hai: tam suất thuận

$$(2 \text{ ngày}) 120 \text{ tá} \Rightarrow 18 \text{ người}$$

$$(2 \text{ ngày}) 180 \text{ tá} \Rightarrow ? \text{ người}$$

Bài 3

Câu 1:

Đáp số: Sai.

Câu đúng phải là một số xúc xích ngáy.

Câu 2:

Đáp số: 64

Dãy số này theo quy luật, số sau bằng số trước nhân 2.

Do vậy số tiếp theo dãy số này là số 64.

Câu 3:

Đáp số:

C nhận được nhiều hơn B 3.150.000 đồng.

Câu 4:

Đáp số: An còn lại 4 cái.

Câu 5:

Đáp số: Hình b

Câu 6:

Bài giải:

Nếu coi số quýt là một phần thì 36 quả gồm:

$$4 - 1 = 3 \text{ (phần)}$$

$$\text{Số quả quýt là: } 36 : 3 = 12 \text{ (quả)}$$

$$\text{Số quả cam là: } 12 \times 4 = 48 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 48 quả cam và 12 quả quýt.

Câu 7:

Bài giải:

Chu vi khung ảnh là:

$$(80 + 60) \times 2 = 280 \text{ (cm)}$$

Số hoa cần dùng là:

$$280 : 10 = 28 \text{ (bông hoa)}$$

Đáp số: 28 bông hoa.

Câu 8:

Bài giải:

Giá tiền 1 cái bàn hơn giá tiền 1 cái ghế là:

$$160.000 - 100.000 = 60.000 \text{ (đ)}$$

Nếu như số bàn bằng số ghế thì việc thay đổi số bàn và số ghế cho nhau sẽ không làm giá tiền thay đổi, song vì phải trả thêm 120.000đ nữa nên thực tế số ghế phải nhiều hơn số bàn là:

$$120.000 : 60.000 = 2 \text{ (cái)}$$

Số tiền mua hai ghế là:

$$100.000 \times 2 = 200.000 \text{ (đ)}$$

Nếu bớt đi 2 cái ghế thì số bàn bằng số ghế, do đó số tiền mua cả bàn lẫn ghế lúc đó sẽ là:

$$1.240.000 - 200.000 = 1.040.000 \text{ (đ)}$$

Số tiền mua 1 bàn và 1 ghế là:

$$160.000 + 100.000 = 260.000 \text{ (đ)}$$

Số bàn đã mua là:

$$1.040.000 : 260.000 = 4 \text{ (cái)}$$

Số ghế đã mua là:

$$4 + 2 = 6 \text{ (cái)}$$

Đáp số: 4 cái bàn và 6 cái ghế.

Bài 4

Câu 1:

Đáp số: Tổng cộng bạn ăn 14 quả.

Câu 2:

Đáp số: Có 12 cái.

Câu 3:

Đáp số: Một giờ có 60 phút.

Câu 4:

Đáp số: 495.000đ.

Câu 5:

Đáp số: Mất 1 phút cả đoàn tàu sẽ qua hết đường hầm
 $(0,5 + 0,25) \times 80/60 = 1$ (phút).

Câu 6:

Đáp số: b. $32/25$

Câu 7:

Đáp số: $14 = 2 \times 7$

$14 = 1 \times 2 \times 7$.

Câu 8:

Đáp số: Ở đáy cái lồng nơi mà là một hình đa giác (Polly đã đi). Đáp án e.

Câu 9:

Đáp số: 56 phút.

$12\text{m} = 120\text{dm}$

Số đoạn gỗ là:

$120 : 15 = 8$ (đoạn)

Số lần cưa là:

$8 - 1 = 7$ (lần)

Thời gian của mỗi lần cưa và nghỉ là:

$$6 + 2 = 8 \text{ (phút)}$$

Thời gian để cưa xong cây gỗ là:

$$7 \times 8 = 56 \text{ (phút)}$$

Câu 10:

Đáp số: 480

Số ở giữa bằng hai lần tích 2 số ở ngoài.

Bài 5

Câu 1:

Đáp số: Hình C.

Câu 2:

Đáp số: Có 30 giây.

Câu 3:

Đáp số: Mỗi bạn được 3 quả.

Câu 4:

Đáp số: 22 (Số liền sau bằng tổng 2 số liền trước trừ đi 1).

Câu 5:

Đáp số: 25

Câu 6:

Đáp số: $52 \times 51 \times 50 \times 49 = 6.497.400$ cách.

Câu 7:

Đáp số: $H = 29$, $T = 16$, $K = 40$

$$H = 8 + 5 + 5 + 3 + 8 = 29$$

$$T = 3 + 8 + 5 = 16$$

$$K = 5 + 3 + 3 + 5 + 8 + 8 + 3 + 5 = 40$$

Câu 8:

Đáp số: Hình C.

Câu 9:

1kg táo: 5.000đ

1kg mận: 2.500đ

Vì $21 : 14 = 1,5$ nên thể tích táo bằng thể tích 1,5kg mận.

Nếu cả sọt đựng táo thì chỉ nặng 14kg. Bây giờ nếu thay thế 1kg táo bằng 1,5kg mận thì sọt sẽ nặng thêm:

$$1,5 - 1 = 0,5(\text{kg})$$

Từ 14kg trở lên 18kg, sọt đã nặng thêm

$$18 - 14 = 4(\text{kg})$$

Vậy ta đã thay thế: $4 : 0,5 = 8(\text{kg})$ táo bằng mận.

Suy ra số táo trong rổ là:

$$14 - 8 = 6(\text{kg})$$

Còn số mận trong rổ là:

$$18 - 6 = 12(\text{kg})$$

Giá tiền táo và mận trong rổ đều là:

$$60.000 : 2 = 30.000(\text{đ})$$

Giá 1kg táo là:

$$30.000 : 6 = 5.000(\text{đ})$$

Giá 1kg mận là:

$$30.000 : 12 = 2.5000(\text{đ})$$

Câu 10:

Đáp số: 83 và 38

$$24 = 6 \times 4$$

$$24 = 8 \times 3$$

Vậy các số cần tìm có thể là: 64, 46, 86, 38

Thử lại tổng hai chữ số:

$$6 + 4 = 10$$

Vậy ta loại 2 số 64 và 46

$$8 + 3 = 11$$

Vậy ta tìm được 2 số theo đề bài là 83 và 38

Bài 6

Câu 1:

Đáp số: Đúng.

Câu 2:

Đáp số: 8

Câu 3:

Cha: 40 tuổi, con: 13 tuổi.

Tuổi của cha là:

$$(53 + 27) : 2 = 40 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của con là:

$$53 - 40 = 13 \text{ (tuổi)}$$

Câu 4:

Đáp số: 15 điểm.

Câu 5:

Đáp số: Hình b

Câu 6:

Đáp số: Câu C

Câu 7:

Đáp số: 78

Số giữa bằng tổng hai số ngoài nhân 3

Câu 8:

Tự giải.

Câu 9:

7 xe 4 bánh chở 5 tấn

5 xe 6 bánh chở 6 tấn

6 xe 8 bánh chở 6 tấn.

Giả sử cả 18 xe đều chở 6 tấn thì số tấn chở được là:

$$6 \times 18 = 108 \text{ (tấn)}$$

Số tấn dư ra là:

$$108 - 101 = 7 \text{ (tấn)}$$

Số tấn dư ra này là do ta đã thay xe chở 5 tấn bằng xe chở 6 tấn. Vậy số xe 5 tấn là:

$$7 : (6 - 5) = 7 \text{ (xe)}$$

Số hàng do 7 xe 5 tấn chở là:

$$7 \times 5 = 35 \text{ (tấn)}$$

Số hàng do các loại xe 6 tấn chở là:

$$101 - 35 = 66 \text{ (tấn)}$$

Số bánh xe của hai loại xe chở 6 tấn là:

$$106 - 4 \times 7 = 78 \text{ (bánh)}$$

Số xe 6 tấn là:

$$18 - 7 = 11 \text{ (xe)}$$

Giả sử 11 xe đều là loại xe 6 bánh thì số bánh xe là:

$$6 \times 11 = 66 \text{ (bánh)}$$

Số bánh xe bị hụt đi là:

$$78 - 66 = 12 \text{ (bánh)}$$

12 bánh bị hụt đi này là do ta đã thay các xe 8 bánh bằng xe 6 bánh. Vậy số xe 8 bánh là:

$$12 : (8 - 6) = 6 \text{ (xe)}$$

Số xe 6 bánh là:

$$11 - 6 = 5 \text{ (xe)}$$

Câu 10:

Đáp số: 42 cây.

$$1\text{km} = 1.000\text{m}$$

Số khoảng cách 50m trong 1.000m là:

$$1.000 : 50 = 20 \text{ (khoảng cách)}$$

Số cây ở mỗi bên đường là:

$$20 + 1 = 21 \text{ (cây)}$$

Số cây ở cả hai bên đường là:

$$21 \times 2 = 42 \text{ (cây)}$$

Vậy là có: 42 cây.

Ghi nhớ: Từ bước tính thứ hai ta thấy: Nếu có trồng cây ở cả hai đầu đường thì: Số cây = Số khoảng cách + 1.

Bài 7

Câu 1:

Đáp số: Bài kiểm tra có 25 câu.

Tèo trả lời sai 10 câu và đạt 60% tổng điểm, suy ra Tèo đã mất 40% tổng điểm trong 10 câu sai đó. Vậy 1 câu sẽ có 4% tổng điểm. Số câu Tèo làm đúng là $60\% : 4\% = 15$ (câu)

Vậy bài kiểm tra sẽ có: $15 + 10 = 25$ (câu)

Câu 2:

Đáp số: $15 + 1 + 15 = 31$ (người).

Câu 3:

Đáp số: 3 ngày

Số ngày còn lại phải làm theo dự định là:

$$7 - 3 = 4 \text{ (ngày)}$$

Số người sau khi được bổ sung là:

$$240 + 80 = 320 \text{ (người)}$$

Với 1 người, để làm xong quãng đê còn lại, cần:

$$4 \times 240 = 960 \text{ (ngày)}$$

Với 320 ngày, để làm xong quãng đê còn lại, cần:

$$960 : 320 = 3 \text{ (ngày)}$$

Câu 4:

$$45 \times 3 = 135$$

$$60 \times 3 = 180$$

$$80 \times 3 = 240$$

Vậy số cần tìm là $105 \times 3 = 315$

Câu 5:

Đáp số: 15 đò

Câu 6:

Đáp số: 10 khay.

3 tá ly có là:

$$12 \times 3 = 36 \text{ (ly)}$$

Số ly có tất cả là:

$$14 + 36 = 50 \text{ (ly)}$$

Số khay cần dùng là:

$$50 : 5 = 10 \text{ (khay)}$$

Câu 7:

Đáp số: B. Thêm hai đường vào tòa nhà thứ hai từ trái sang để tạo thành chữ "X" trong chuỗi chữ cái lộn ngược lại: U, V, W, X, Y hình thành từ các mái của tòa tháp.

Câu 8:

Đáp số: Chỉ còn lại một con bị bắn chết vì các con khác nghe thấy tiếng súng nổ liền cất cánh bay đi.

Câu 9:

Đáp số: Hình c.

Câu 10:

Sáu số là: 6, 8, 10, 12, 14, 16

Trong 6 số chẵn liên tiếp thì

- Số thứ hai hơn số thứ nhất 2 đơn vị
- Số thứ ba hơn số thứ nhất 4 đơn vị
- Số thứ tư hơn số thứ nhất 6 đơn vị
- Số thứ năm hơn số thứ nhất 8 đơn vị
- Số thứ sáu hơn số thứ nhất 10 đơn vị

Nếu thay tất cả sáu số đều bằng số thứ nhất thì tổng của cả sáu số đều giảm đi: $2 + 4 + 6 + 8 + 10 = 30$ (đơn vị).

Vậy sáu lần số thứ nhất là:

$$66 - 30 = 36$$

$$\text{Số thứ nhất là: } 36 : 6 = 6$$

Sáu số đó là: 6, 8, 10, 12, 14, 16

Bài 8

Câu 1:

Đáp số: 9 tuổi.

Câu 2.

Đáp số: Sai. Mệnh đề đúng phải là Một số chiếc đồng hồ tạo ra máy video.

Câu 3:

18 ngày

Người thợ làm trong 18 ngày thì được:

$$18 \times 20.000 = 360.000(\text{đ})$$

Nhưng người thợ không làm trong 12 ngày thì bị trừ:

$$12 \times 30.000 = 360.000(\text{đ})$$

Câu 4:

Đáp số: a.

Câu 5:

Đáp số: d.

Câu 6:

Đáp số: Hình C

Câu 7:

Đáp số: 51 chữ số 0

Từ 1 đến 99 ta có các số mang chữ số 0 là:

10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90

Vậy ta cần 9 chữ số 0

Để viết các số từ 101 đến 109 ta cần 9 chữ số 0

Để viết các số từ 201 đến 209 ta cần 9 chữ số 0

Để viết các số tròn chục 110, 120, ...190 ta cần 9 chữ số 0

Để viết các số tròn chục 210, 220...290 ta cần 9 chữ số 0

Để viết các số 100, 200, 300 ta cần 6 chữ số 0

Vậy để viết từ 1 đến 300, ta cần số chữ số 0 là:

$$9 \times 5 + 6 = 51 \text{ (chữ số 0)}$$

Câu 8:

Số thứ hai là 8

Gợi ý:

Coi số thứ hai là 1 phần thì:

- Số thứ nhất gồm 10 phần, số thứ tư cũng vậy

- Số thứ ba gồm 4 phần

Tổng của 4 số là:

$$50 \times 4 = 200$$

Kết luận 4 số lần lượt là: 80, 8, 32, 80

Câu 9:

Đáp số: Đúng.

Câu 10:

Đáp số: 77 (Số giữa bằng $1/2$ tích 2 số ngoài).

Bài 9

Câu 1:

Đáp số: 12 đoạn đường

1h = 60 phút

5 phút đi được 1 đoạn đường.

Vậy 60 phút đi được:

$$60 \times 1 : 5 = 12 \text{ (đoạn đường)}$$

Câu 2:

Đáp số: 17 tuổi.

Câu 3:

Đáp số: b

Câu 4:

Đáp số: 0

Câu 5:

Đáp số: 412

Trình tự là 1, 2, 4, 8, 16, 32, 64, 128, 256; sắp xếp thành các nhóm ba: 124, 816, 326, 412, 825

Câu 6:

Đáp số: 8 người.

$$75 + 65 + 85 + 80 = 305$$

Con số này cho biết có ba loại máy cho tất cả 100 người, bốn loại máy cho 5 người trong số họ.

Câu 7:

Đáp số: Đúng

Câu 8:

$$3 + 2 = 5$$

$$5 \times 2 = 10$$

$$10 + 2 = 12$$

Cứ theo quy luật đó, số cần tìm là 52.

Câu 9:

Đáp số: 10 đơn vị.

Vì chữ số hàng chục phải khác 0 nên chỉ có 9 cách chọn chữ số ở hàng chục. Với mỗi cách chọn chữ số ở hàng chục thì có $10 - 1 = 9$ cách chọn chữ số ở hàng đơn vị. Sẽ có tất cả $9 \times 9 = 81$ (số)

Vậy các số có hai chữ số khác nhau được viết từ 10 chữ

số 0, 1, 2,..., 8, 9 là 81 số.

+ Xét dãy số 10, 11, 12,..., 98, 99

Dãy số trên gồm 45 số chẵn và 45 số lẻ như sau:

10 12 14 16 94 96 98 (A)

11 13 15 17 95 97 99 (B)

Mỗi số chẵn ở trên đều bằng số lẻ ở dưới trừ đi 1, do đó tổng A các số chẵn ở dãy trên bằng tổng B các số lẻ ở dãy dưới trừ đi 45: $A - B = 45$

Trong dãy số chẵn ở trên, có 4 số gồm 2 chữ số giống nhau là: 22, 44, 66, 88. Vậy tổng các số chẵn có 2 chữ số khác nhau là:

$$A - (22 + 44 + 66 + 88) = A - 220 = B - 45 - 220 = B - 265$$

Trong dãy số lẻ ở dưới, có 5 số gồm 2 chữ số giống nhau là: 11, 33, 55, 77, 99. Vậy tổng các số lẻ có 2 chữ số khác nhau là:

$$B - (11 + 33 + 55 + 77 + 99) = B - 275 = B - 265 - 10$$

So sánh $(B - 265)$ và $(B - 265 - 10)$ ta thấy tổng các số chẵn có 2 chữ số khác nhau lớn hơn tổng các số lẻ có 2 chữ số khác nhau 10 đơn vị.

Bài 10

Câu 1:

Đáp số: b

Câu 2:

Đáp số: 100 cái bánh.

Câu 3:

Đáp số: 30 ghế

5 ghế có 20 chân

X ghế có 120 chân

$$X = 120 \times 5 : 20 = 30 \text{ (ghế)}$$

Câu 4:

Đáp số: 13 chỗ

37 người, mỗi người trả 51.000đ.

Câu 5:

Đáp số: Số 35, lấy số đứng trước trừ đi 5 đơn vị.

Câu 6:

Bài giải:

Mỗi bộ, số ghế cần bỏ bớt ra ngoài là:

$$6 - 4 = 2 \text{ (ghế)}$$

Tổng số ghế cần bỏ bớt ra ngoài là:

$$2 \times 10 = 20 \text{ (ghế)}$$

Đáp số: 20 ghế.

Chú ý: Ta có thể giải ghép như sau:

Số ghế cần bỏ bớt ra ngoài là:

$$(6 - 4) \times 10 = 20 \text{ (ghế)}$$

Câu 7:

15 con trâu, 11 con bò và 19 con ngựa.

Từ hai điều kiện đầu ta thấy:

Số ngựa hơn số trâu là:

$$30 - 26 = 4 \text{ (con)}$$

Kết hợp với điều kiện cuối ta giải bài toán tìm hai số biết tổng là 34 và hiệu là 4 để có:

$$\text{Số ngựa là: } (34 + 4) : 2 = 19 \text{ (con)}$$

$$\text{Số trâu là: } 19 - 4 = 15 \text{ (con)}$$

$$\text{Vậy số bò là: } 26 - 15 = 11 \text{ (con)}$$

Câu 8:

Đáp số: Đúng.

Câu 9:

Đáp số: 98 cây.

Số "khoảng cách" là:

$$750 : 15 = 50 \text{ (khoảng cách)}$$

Số cây phải trồng ở một bên đường là:

$$50 - 1 = 49 \text{ (cây)}$$

Số cây phải trồng ở cả hai bên đường là:

$$49 \times 2 = 98 \text{ (cây)}$$

Ghi chú:

Bài toán này thuộc loại "Không có cây ở hai đầu đường". Ở đây ta thấy:

$$\text{Số cây} = \text{số khoảng cách} - 1$$

Bài 11

Câu 1:

Đáp số: 24 phút

$$40 \times 6/10 = 24 \text{ (phút)}$$

Câu 2:

Đáp số: Đúng.

Câu 3:

Đáp số: 48.

Số cần tìm bằng số đã cho đứng liền trước nó nhân 3

$$16 \times 3 = 48$$

Câu 4:

Đáp số: C Đây là hình duy nhất có 3 cạnh.

Câu 5:

Đáp số: 15 trang.

Cách 1:

Để đánh máy bản thảo xong trong 1 ngày thì mỗi ngày phải đánh:

$$10 \times 12 = 120 \text{ (trang)}$$

Cách 2:

Số trang bản thảo đó là:

$$10 \times 12 = 120 \text{ (trang)}$$

Muốn đánh 8 ngày xong thì số trang một ngày phải đánh là:

$$120 : 8 = 15 \text{ (trang)}$$

Câu 6:

Đáp số: Chữ E khác với các chữ còn lại vì đây là chữ cái duy nhất được tạo nên bởi 4 đoạn thẳng.

Câu 7:

Đáp số: Thứ 5

Vì một tuần có 7 ngày nên không thể có hai ngày chủ nhật là ngày chẵn liền nhau.

Vậy giữa hai ngày chủ nhật là ngày chẵn phải có một ngày chủ nhật là ngày lẻ.

Trong tháng đã cho có tới 3 ngày chủ nhật là ngày chẵn. Vậy tháng ấy phải có xen kẽ 2 ngày chủ nhật là ngày lẻ nữa.

Suy ra trong tháng này có 5 ngày chủ nhật và ngày chủ nhật đầu tiên là ngày chẵn.

Vì từ ngày chủ nhật thứ nhất đến ngày chủ nhật thứ 5 có: $7 \times (5 - 1) = 28$ ngày. Một tháng chỉ có tối đa là 31 ngày nên ngày chủ nhật thứ nhất chỉ có thể là mùng 1, mùng 2 hoặc mùng 3.

Song đó lại phải là ngày chẵn nên ngày chủ nhật thứ nhất là mùng 2.

Suy ra ngày mùng 9 và ngày 16 cũng là ngày chủ nhật.

Do đó ngày thứ 20 của tháng ấy là thứ 5.

Bài 12

Câu 1:

Đáp số: 90°C

Câu 2:

Đáp số: B (là người hỏi nhanh nhất).

Câu 3:

Cách 1:

Số thứ nhất chiếm 3 phần, số thứ hai chiếm 2 phần thì được tổng.

Tổng chiếm 5 phần, Hiệu chiếm 1 phần.

Số thứ nhất chiếm 3 phần, số thứ hai chiếm 2 phần.

Hiệu bằng $\frac{1}{3}$ số thứ nhất.

Vậy hiệu 2 số đã cho là:

$$150 : 3 = 50$$

Tổng hai số đã cho là:

$$50 \times 5 = 250$$

Vậy TỔNG: 250

$\Rightarrow$ HIỆU: 50

Cách 2:

Hiệu hai số đã cho là: $150 : 3 = 50$

Số thứ hai là: $150 - 50 = 100$

Tổng hai số đã cho là: $150 + 100 = 250$.

Vậy TỔNG : 250

$\Rightarrow$ HIỆU : 50.

Câu 4:

Đáp số: 17h50'.

Lần thứ nhất cô ấy đến muộn 30 phút, lần thứ hai là $(30 + 50)$ phút, lần thứ ba là $(30 + 50 + 70)$ phút. Lần thứ tư là $(30 + 50 + 70 + 90)$ phút. Ta thấy: Các lần sau bao giờ cũng muộn hơn lần trước 20 phút.

Vậy: sau cùng là $(30 + 50 + 70 + 90 + 110)$ phút.

Câu 5:

Đáp số: Hình C.

Câu 6:

Đáp số: Route A ngắn hơn.

Câu 7:

Đáp số: Sai.

Câu 8:

Đáp số: Lan: 15 cái

Phượng: 9 cái

Câu 9:

Đáp số: anh: 50 tuổi, em: 35 tuổi.

Coi tuổi em trước đây là 1 phần (1)

Ta có:

Tuổi em hiện nay là 4 phần (2)

Tuổi anh trước đây cũng 4 phần (3)

Từ (1) và (2) suy ra khoảng thời gian trước đây đến hiện nay là:

$$4 - 1 = 3 \text{ (phần)}$$

Do đó:

Tuổi anh hiện nay là:

$$4 + 3 = 7 \text{ (phần) (4)}$$

Tuổi em sau này cũng là 7 phần (5)

Từ (1) và (3) ta thấy số tuổi anh hơn em là:

$$4 - 1 = 3 \text{ (phần)}$$

Vậy từ (5) ta thấy tuổi anh sau này là:

$$7 + 3 = 10 \text{ (phần)}$$

Do đó tổng số tuổi của hai anh em là:

$$10 + 7 = 17 \text{ (phần)}$$

$$1 \text{ phần là: } 85 : 17 = 5 \text{ (tuổi)}$$

$$\text{Tuổi anh sau này: } 5 \times 10 = 50 \text{ (tuổi)}$$

$$\text{Tuổi em sau này: } 5 \times 7 = 35 \text{ (tuổi)}$$

Bài 13

Câu 1:

Nhận xét: $8 = 1 \times 1 \times 1 \times 8$

$8 = 1 \times 1 \times 2 \times 4$

Có tất cả 16 số có bốn chữ số mà tích các chữ số ấy bằng 8, đó là các số:

1181, 1124, 2114, 4112

1181, 1142, 2141, 4121

1811, 1214, 2411, 4211

8111, 1241

1412

1421

Câu 2:

Đáp số: Hình e vì hai hình tròn bên trong dính vào nhau.

Câu 3:

Đáp số: Mẹ Tý còn lại 2.000 đồng.

Câu 4:

Đáp số: 2405

Câu 5:

Đáp số: Mai: 170 bông hoa

Hồng: 450 bông hoa

Đào: 60 bông hoa.

Viết tắt thời gian (tính theo phút) mà các bạn Mai, Hồng, Đào dùng để làm hoa là mai, hồng, đào ta có:

mai + hồng + đào = 45 (1)

17 mai + 15 hồng + 12 đào = 680 (2)

Vì hồng = 3 mai nên thay vào (1) và (2) ta có:

mai + 3 mai + đào = 45

17 mai + 45 mai + 12 đào = 680

Suy ra

4 mai + đào = 45 (3)

$$62 \text{ mai} + 12 \text{ đào} = 680$$

Gấp 12 lần các số liệu ở (3) ta có:

$$48 \text{ mai} + 12 \text{ đào} = 540(4)$$

$$62 \text{ mai} + 12 \text{ đào} = 680(5)$$

So sánh (5) và (4) bằng phép trừ ta có:

$$14 \text{ mai} = 140$$

$$\text{mai} = 10 \text{ phút}$$

Vậy:

Thời gian làm hoa của Mai là 10 phút

Thời gian làm hoa của Hồng là:

$$10 \times 3 = 30 \text{ (phút)}$$

Thời gian làm hoa của Đào là:

$$45 - (10 + 30) = 5 \text{ (phút)}$$

Do đó:

$$\text{Mai đã làm: } 17 \times 10 = 170 \text{ (bông)}$$

$$\text{Hồng đã làm: } 15 \times 30 = 450 \text{ (bông)}$$

$$\text{Đào đã làm: } 12 \times 5 = 60 \text{ (bông)}$$

Câu 6:

Đáp số: 119

Số đó cộng thêm 1 thì chia hết cho 2, 3, 5 tức là chia hết cho 30.

Các số có ba chữ số chia hết cho 30 và nhỏ hơn 200 là: 120, 150, 180.

Vậy số cần tìm chỉ có thể là một trong ba số: 119, 149 hoặc 179.

Trong ba số này chỉ có 119 chia hết cho 7 nên đó là số cần tìm.

Câu 7:

Đáp số: 24

Cộng lần lượt các số 3, 5, 7, 9 ta được số liền sau đó.

Câu 8:

Tự giải.

Câu 9:

Ta có một số cách tham khảo sau:

$$444 : 2 = 222$$

$$666 : 3 = 222$$

$$777 : 7 = 111$$

$$888 : 2 = 444$$

$$999 : 3 = 333$$

(Có thể tìm thêm nhiều ví dụ khác)

Câu 10:

Đáp số: Hình a.

Bài 14

Câu 1:

Đáp số: a

Câu 2:

Bài giải:

Coi số mét đường sửa chữa trong ngày thứ ba là 1 phần thì số mét đường sửa chữa được trong hai ngày đầu là 2 phần. Vậy 405m sửa được trong cả ba ngày là:

$$2 + 1 = 3 \text{ (phần)}$$

Do đó số mét đường sửa chữa được trong ngày thứ ba là:

$$405 : 3 = 135 \text{ (m)}$$

Số mét đường sửa được trong hai ngày đầu là:

$$135 \times 2 = 270 \text{ (m)}$$

Số mét đường sửa được trong ngày thứ nhất là:

$$(270 - 30) : 2 = 120 \text{ (m)}$$

Số mét đường sửa trong ngày thứ hai là:

$$120 + 30 = 150 \text{ (m)}$$

Đáp số: 120m, 150m và 135m.

Câu 3:

Đáp số: Tổng số chân: $(3 \times 2) + (4 \times 4) = 22$ chân

Câu 4:

Đáp số: Hình c.

Câu 5:

Đáp số: Số cần tìm là 22, thay bằng số 40.

Dãy số này theo quy luật lần lượt nhân 2 rồi cộng 4. $20 \times 2 = 40$, $44 - 4 = 40$

Câu 6:

Đáp số: 21 quả

Lúc đầu An có

$$6 + 3 + 1 + (6 + 3 + 1) + 1 = 21 \text{ (quả)}$$

Câu 7:

Bài giải:

Giả sử đội bóng đó thắng cả 15 trận thì được thưởng:

$$12 \times 15 = 180 \text{ (triệu)}$$

Nhưng vì có những trận không thắng được nên bị thiệt mất:

$$180 - 36 = 144 \text{ (triệu)}$$

Cứ mỗi lần không được thưởng thì đội đó thiệt mất:

$$12 + 12 = 24 \text{ (triệu)}$$

Số trận không được thưởng là:

$$144 : 24 = 6 \text{ (trận)}$$

Số trận đã thắng là:

$$16 - 6 = 10 \text{ (trận)}$$

Đáp số: 10 trận thắng.

Câu 8:

Đáp số: Đúng.

Câu 9:

Đáp số: a. Không thể nói c hay b cao hơn.

Bài 15

Câu 1:

Đáp số: b. Chỉ cần biết 3 trong 4 cạnh bất kỳ.

Câu 2:

+ *Cân lần một:*

Bước 1: Đặt quả cân 1kg lên 1 đĩa.

Bước 2:

Lần lượt đổ gạo vào 2 đĩa cân cho đến khi cân thăng bằng.

Như vậy:

Đĩa cân thứ nhất có 7kg gạo.

Đĩa cân thứ hai có 6kg gạo + 1kg quả cân.

+ *Cân lần hai:*

Bước 1: Lấy gạo ra khỏi đĩa cân

Nhớ để riêng 7kg gạo, vẫn để quả cân 1kg trên 1 đĩa cân.

Bước 2: Lần lượt đổ 7kg vào 2 đĩa cân cho đến khi cân thăng bằng.

Như vậy:

Đĩa cân thứ nhất có 4kg gạo.

Đĩa cân thứ hai có 3kg gạo + 1kg quả cân.

Sau hai lần cân ta đã lấy riêng ra được 4kg gạo.

Câu 3:

Đáp số: 333.062.500 đôla.

Câu 4:

Đáp số: 22176 đôla

Câu 5:

Đáp số: Số 81

Cột 2 = Cột 1 - 4

Cột 3 = Cột 2 + 5

Cột 4 = Cột 3 - 6

Câu 6:

Sách: 12.000đ, vở: 4.000đ.

Gợi ý:

2 quyển sách và 2 quyển vở giá: $16.000 \times 2 = 32.000$ (đ) Đối 2 quyển sách lấy 5 quyển vở thì bớt được 4.000 (đ), lúc đó chỉ phải trả:

$$32.000 - 4.000 = 28.000 \text{ (đ)}$$

Đó là giá của: $5 + 2 = 7$ (quyển vở)

Tự giải

Câu 7:

Anh: 18 tuổi, em: 15 tuổi.

Coi tuổi em trước đây là 1 phần thì:

Tuổi anh trước đây là : 1 phần + 3 (tuổi)

Tuổi em hiện nay cũng là: 1 phần + 3 (tuổi)

Tuổi anh hiện nay là: 1 phần + 3 + 3 = 1 phần + 6 (tuổi)

Vì (1 phần + 6 tuổi) này cũng chính là 1,5 phần, nên 0,5 phần là 6 tuổi.

Suy ra 1 phần là:

$$6 : 0,5 = 12 \text{ (tuổi)}$$

Vậy tuổi em hiện nay là:

$$12 + 3 = 15 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi anh hiện nay là:

$$15 + 3 = 18 \text{ (tuổi)}$$

Câu 8:

Đáp số: 30 em.

Tóm tắt:

20 ngày: 120 em

(20 - 4) ngày: (120 + ?) em

Số ngày ăn thực tế là:

$$20 - 4 = 16 \text{ (ngày)}$$

Số em bé ăn thực tế là:

$$120 \times 20 : 16 = 150 \text{ (em)}$$

Số em bé mới đến thêm là:

$$150 - 120 = 30 \text{ (em)}$$

Câu 9:

Đáp số: 63.000đ và 112.000đ

Lần thứ hai bán nhiều hơn lần thứ nhất là:

$$16 - 9 = 7 \text{ (lít)}$$

Giá mỗi lít nước mắm là:

$$49.000 : 7 = 7.000 \text{ (đ)}$$

Lần thứ nhất thu được:

$$7.000 \times 9 = 63.000 \text{ (đ)}$$

Lần thứ hai thu được:

$$63.000 + 49.000 = 112.000 \text{ (đ)}$$

Câu 10:

Đáp số: 5.000đ và 2.000đ.

Giá 12 quyển sách nhiều hơn giá 9 quyển vở 42.000đ. Giảm tất cả các số liệu đi 3 lần ta thấy:

Giá 4 quyển sách nhiều hơn giá 3 quyển vở 14.000đ. Mặt khác ta có:

Giá 4 quyển sách nhiều hơn giá 8 quyển vở 4.000đ. Vậy giá tiền của $8 - 3 = 5$ (quyển vở) là:

$$14.000 - 4.000 = 10.000 \text{ (đ)}$$

Giá 1 quyển vở là:

$$10.000 : 5 = 2.000 \text{ (đ)}$$

Giá 4 quyển sách là:

$$8 \times 2.000 + 4.000 = 20.000 \text{ (đ)}$$

Giá 1 quyển sách là:

$$20.000 : 4 = 5.000 \text{ (đ)}$$

Bài 16

Câu 1:

Đáp số: Tò còn lại 3 viên bi xanh, 3 viên bi hồng và 10 viên bi vàng.

Câu 2:

Đáp số: 54, 81

Các số cần tìm lần lượt bằng số đứng trước nhân với 2, số đứng sau cộng với số đứng trước.

Câu 3:

Đáp số: 115, 151, 511

$$5 = 5 \times 1 \times 1$$

Do vậy số có 3 chữ số mà tích 3 số đó bằng 5 là: 115, 151, 511

Câu 4:

Đáp số: Hình 1 và hình 4

Câu 5:

Đáp số: 9 số.

Các số có 3 chữ số mà 3 chữ số đó giống nhau là:

111, 222, 333, 444, 555, 666, 777, 888, 999

Vậy có tất cả 9 số có 3 chữ số mà 3 chữ số đó giống nhau.

Câu 6:

Thật ra ông Tâm không mất tiền cho ông Tuấn, là người đã đổi năm tờ 10.000đ để lấy tờ 50.000đ tiền mặt. Ông Tâm mất đôi giày trị giá 40.000đ và tờ 10.000đ để trả lại cho khách hàng tổng cộng là 50.000đ.

Câu 7:

$$19 - 7 = 12$$

$$12 : 3 = 4$$

$$\text{Vậy : } 19 - 7 = 3 \times 4$$

Câu 8:

Đáp số: Màu lam.

Màu áo trùng với màu cầu vồng. Lam là màu thứ năm trong cầu vồng.

Câu 9:

Đáp số: 41

Cột A gồm các số lẻ

Cột B gồm các số chẵn

Cột C gồm trình tự của các số bình phương

Cột D gồm trình tự của các số nguyên tố.

Câu 10:

Đáp số: Đúng.

Bài 17

Câu 1:

Đáp số: 21 và 27

Các số cần tìm lần lượt bằng số đứng trước cộng với 6, số đứng sau trừ đi 3.

$$18 + 6 = 24$$

$$24 - 3 = 21$$

$$21 + 6 = 27$$

Câu 2:

Giá khung hình: 10.000đ

Gạt tàn: 2.000đ

Ghế: 60.000 đ

Bàn: 240.000đ

Câu 3:

Bài giải:

Cách 1:

Trong ba ngày người ta đã đắp được:

$$715 + 815 + 528 = 2058 \text{ (m)}$$

Trung bình mỗi ngày người ta đắp được:

$$2058 : 3 = 686 \text{ (m)}$$

Cách 2:

Trung bình mỗi ngày người ta đắp được:

$$(715 + 815 + 528) : 3 = 686 \text{ (m)}$$

Đáp số: 686m

Câu 4:

Đáp số: Hình a.

Câu 5:

Đáp số: 3

Số sau bằng số kề trước cộng 2, rồi chia cho 2.

Câu 6:

Bài giải:

Số chẵn kế tiếp sau 10 là 12

Số lẻ liền trước 20 là 19

Tổng 2 số trên là:

$$12 + 19 = 31$$

Đáp số: 31

Câu 7:

Bài giải:

Chu vi hồ sen hình tròn là:

$$42 \times 15 = 630 \text{ (m)}$$

Bán kính hồ sen là:

$$630 : 3,14 : 2 = 100 \text{ (m)}$$

Đáp số: 100 m.

Câu 8:

Đáp số: 49,5

Số thứ nhất cộng 3, số thứ hai nhân 3.

Bài 18

Câu 1:

Đáp số: 7

Xuất phát từ 12 di chuyển theo chiều kim đồng hồ. Các ô đối diện trong sơ đồ sẽ là cộng 1, rồi cộng 2...

Câu 2:

Đáp số: 11

Theo hàng ngang số đầu tiên chia 2, cộng với số thứ hai nhân 2, bằng số thứ 3

Ví dụ: $(4 : 2) + (9 \times 2) = 20$

Câu 3:

Bài giải:

Cách 1:

Trong một ngày 8 người sửa được:

$$64 : 2 = 32 \text{ (m)}$$

Trong 5 ngày 8 người sửa được:

$$32 \times 5 = 160 \text{ (m)}$$

Trong 5 ngày 1 người sửa được;

$$160 : 8 = 20 \text{ (m)}$$

Trong 5 ngày 9 người sửa được:

$$20 \times 9 = 180 \text{ (m)}$$

Cách 2:

Nếu ta coi 1 người làm trong 1 ngày được 1 công thì số công để sửa 64m đường là:

$$8 \times 2 = 16 \text{ (công)}$$

5 người làm trong 9 ngày được:

$$5 \times 9 = 45 \text{ (công)}$$

Với 45 công ta sửa được:

$$(64 \times 45) : 16 = 180 \text{ (m)}$$

Đáp số: 180 m

Câu 4:

Đáp số: A = 16, B = 27, C = 39

Câu 5:

Đáp số: Hình C

Câu 6:

Đáp số: 10

Theo hàng ngang, số sau cùng bằng tổng 2 số đầu trừ cho số thứ ba.

Câu 7:

Đáp số: 204

$$82 + 72 + 62 + 52 + 42 + 32 + 22 + 12 = 204$$

Câu 8:

Đáp số: 16

Số ngoài cột trái chia số ngoài cột phải, rồi nhân 2.

Câu 9:

Đáp số: 101,5km.

Hướng dẫn:

- Tìm hiệu vận tốc của hai xe.
- Tìm khoảng cách giữa hai xe du lịch bắt đầu đi.
- Tìm thời gian để xe du lịch đuổi kịp xe khách, từ đó tính được quãng đường từ A đến B.

Bài 19

Câu 1:

Đáp số: Chris làm vỡ lọ hoa.

Câu 2:

Đáp số: Kho thứ nhất 402 bao.

Kho thứ hai 378 bao.

Câu 3:

Đáp số: 1, 2, 3

$$1 + 2 + 3 = 6$$

$$1 \times 2 \times 3 = 6$$

Vậy 3 số cần tìm là: 1, 2, 3

Câu 4:

Đáp số: 69

Số trước trừ đi số đứng kề ngay sau nó được kết quả lần lượt là: 1, 2, 4, 8, 16

Câu 5:

Bài giải:

Trước hết ta tính số trận đấu:

Có 4 đội, mỗi đội đấu 3 trận, vậy có:

$$4 \times 3 = 12 \text{ (trận)}$$

Nhưng nếu tính như vậy thì mỗi trận được tính 2 lần vậy thực ra chỉ có:

$$12 : 2 = 6 \text{ (trận)}$$

Nếu cả 6 trận này đều có phân thắng, thua thì tổng số điểm của cả 4 đội sẽ là:

$$6 \times 3 = 18 \text{ (điểm)}$$

Cứ mỗi trận hòa thì tổng số trên sẽ bị bớt đi:

$$3 - (1 + 1) = 1 \text{ (điểm)}$$

Số điểm bị bớt đi là:

$$18 - 16 = 2 \text{ (điểm)}$$

Số trận hòa là:

$$2 : 1 = 2 \text{ (trận)}$$

Số trận thắng là:

$$6 - 2 = 4 \text{ (trận)}$$

Đáp số: 4 trận thắng và 2 trận hòa.

Câu 6:

Đáp số: Đúng.

Câu 7:

Bài giải:

Đổi đơn vị: $3\text{km} = 3.000\text{m}$

Số cây ở một bên đường là:

$$3.000 : 20 + 1 = 151 \text{ (cây)}$$

Theo thứ tự thì 2 cây dương rồi đến 1 cây bạch đàn rồi đến 1 cây tràm nên nếu ta coi 4 cây lập thành 1 nhóm thì số nhóm là: $151 : 4 = 37 \text{ (nhóm)}$ dư 3 cây, 3 cây đó chính là 2 cây dương, 1 cây bạch đàn.

Vậy số cây dương ở mỗi bên đường là:

$$37 \times 2 + 2 = 76 \text{ (cây)}$$

Số cây dương ở hai bên đường là:

$$76 \times 2 = 152 \text{ (cây)}$$

Số cây bạch đàn ở hai bên đường là:

$$(37 + 1) \times 2 = 76 \text{ (cây)}$$

Số cây tràm ở hai bên đường là:

$$37 \times 2 = 74 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 152 cây dương, 76 cây bạch đàn và 74 cây tràm.

Câu 8:

Bài giải:

3 lần chiều dài mỗi cây vải sau khi cắt là:

$$1000 - (10 + 20 + 25) = 945 \text{ (m)}$$

Chiều dài của mỗi cây vải sau khi cắt là:

$$945 : 3 = 315 \text{ (m)}$$

Chiều dài cây vải đỏ lúc ban đầu là:

$$315 + 10 = 325 \text{ (m)}$$

Chiều dài của cây vải xanh lúc ban đầu là:

$$315 + 20 = 335 \text{ (m)}$$

Chiều dài của cây vải vàng lúc ban đầu là:

$$315 + 25 = 340 \text{ (m)}$$

Đáp số: Đỏ: 325m, Xanh: 335m, Vàng: 340m

Bài 20

Câu 1:

Đáp số: 88

Số ở giữa bằng hiệu của 2 số ngoài nhân 4.

Câu 2:

Đáp số: 9 km.

Ta viết tắt: quãng đường đi bộ trong 6 giờ là "6 bộ",
quãng đường đi ngựa trong 11 giờ là "11 ngựa".

Theo đầu bài ta có:

Lượt đi thứ nhất: 5 ngựa + 6 bộ = 80km

Lượt đi thứ hai: 11 ngựa - 6 bộ = 64km

Gộp cả hai lại ta có:

5 ngựa + 6 bộ + 11 ngựa - 6 bộ = 80 km + 64km

Hay:

16 ngựa = 144km

Suy ra:

1 ngựa = $144 : 16 = 9(\text{km})$

Vậy mỗi giờ ngựa đi được 9km.

Câu 3:

Một đôi tất ngoài giá 3.500đ

Một đôi tất trong hộp giá:

$19.500 : 6 = 3.250 (\text{đ})$

Tiết kiệm được:

$3.500 - 3.250 = 250 (\text{đ})$

$250 : 3.500 \times 100\% = 7,1\%$

Câu 4:

Đáp số: 2

$116 \times 3 = 348 \times 2 = 696$

Câu 5:

Đáp số: T = 15, W = 38, Z = 40

$T = 5 + 7 + 3 = 15$
 $W = 3 + 7 + 5 + 7 + 3 + 5 + 3 + 5 = 38$
 $Z = 7 + 7 + 5 + 3 + 5 + 7 + 3 + 3 = 40$

Câu 6:

Đáp số: Bố: 36 tuổi, mẹ: 33 tuổi
 Con lớn: 12 tuổi, con bé: 6 tuổi.

Vì số tuổi của bố là tích của hai số tự nhiên giống nhau nên số đó chỉ có thể là một trong các số 25, 36, 49, 64, ...

Xét từng trường hợp

Vì tuổi bố mới là 49 mà tổng số tuổi của bốn người đã là 116 > 87 nên ta không xét tiếp các trường hợp tuổi bố là 64, 81...

Tuổi bố	Tuổi mẹ	Tuổi con (II)	Tuổi con (I)	Thử	Kết luận
25	22				
(25-3=22)	5				
(5x5=25)	10				
(5x2=10)					
25+22+5+10=62					
(62<87)	Loại				
(36-3=33)	6				
(6x6=36)	12				
(6x2=12)					
36+33+6+12=87	Chọn				
(87= 87)	46				
49	7				
(49-3=46)	14				
(7x7=49)					
(7x2=14)					
49+46+7+14= 116	Loại				
(116 >87)					

Câu 7:

Đáp số: 18
 $8 \times 8 = 64$ hoán vị = 46
 $5 \times 5 = 25$ hoán vị = 52
 $4 \times 4 = 16$ hoán vị = 61
 $7 \times 7 = 49$ hoán vị = 94
 $6 \times 6 = 36$ hoán vị = 63
 $9 \times 9 = 81$ hoán vị = 18

Câu 8:

- a. 14m 5dm = ? dm
 14m 5dm = 145dm
 b. 1km 50m = ? m
 1km 50m = 1050m
 c. 2500m = ? km ? m
 2500m = 2km 500m
 d. 968 mm = ? dm ? mm
 968 mm = 9dm 68mm

Bài 21

Câu 1:

Đáp số: Hình D.

Câu 2:

Đáp số: 24 số.

Cách 1:

Với 4 chữ số 1, 2, 3, 4 ta viết được 24 số sau:

Cách 2:

Suy luận như sau: Với 4 chữ số 1, 2, 3, 4

Có 4 cách đặt chữ hàng nghìn là 1, hoặc 2, hoặc 3, hoặc 4. Với mỗi cách đặt chữ số hàng nghìn, có 3 cách đặt chữ số hàng trăm là một trong 3 số còn lại.

1234	2134	3124	4123	(A)
1243	2143	3142	4132	
1324	2314	3214	4213	
1342	2341	3241	4231	
1423	2413	3412	4312	
1432	2431	3421	4321	

Với mỗi cách đặt chữ số hàng trăm thì có 2 cách đặt chữ số hàng chục là một trong hai chữ số còn lại.

Với mỗi cách đặt chữ số hàng chục thì có một cách đặt chữ số hàng đơn vị là 1 chữ số còn lại.

Vậy có tất cả : $4 \times 3 \times 2 \times 1 = 24$ (số)

Câu 3:

Đáp số: Có tổng cộng: $10 + 1 + 10 = 21$ tham gia.

Câu 4:

Bài giải:

Số vở mỗi bạn nhận được là:

$$1000 : 50 = 20 \text{ (quyển vở)}$$

Số vở khối Ba nhận được là:

$$20 \times 12 = 240 \text{ (quyển vở)}$$

Đáp số: 240 quyển vở.

Câu 5:

Bài giải:

Số học sinh của hai lớp là:

$$47 + 43 = 90 \text{ (học sinh)}$$

Số vở của mỗi học sinh là:

$$450 : 90 = 5 \text{ (quyển)}$$

Số vở của lớp A là:

$$5 \times 47 = 235 \text{ (quyển)}$$

Số vở của lớp B là:

$$5 \times 43 = 215 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: Lớp A: 235 quyển vở, lớp B: 215 quyển vở

Câu 6:

Lấy thước đo sẽ chính xác vì nếu đếm các viên gạch chúng ta sẽ không tính được cả những chỗ giữa 2 viên gạch.

Câu 7:

Đáp số: 35

Tổng của 3 số chẵn lớn nhất:

$$16 + 22 + 24 = 62$$

Tích của 2 số lẻ nhỏ nhất:

$$3 \times 9 = 27$$

Vậy tổng trừ tích sẽ là:

$$62 - 27 = 35$$

Câu 8:

Đáp số: 9

$$546 + 241 = 787$$

$$664 + 227 = 891$$

$$527 + 127 = 654$$

Câu 9:

Đáp số: 1 giờ.

$$40 \text{ km tức } 40 \text{ km/h} = 1 \text{ giờ.}$$

$$60 \text{ km tức } 60 \text{ km/h} = 1 \text{ giờ.}$$

Bài 22

Câu 1:

Đáp số: 12

Số trước hơn số sau 6 đơn vị.

Câu 2:

Bài giải:

Vì có 5 đội nên mỗi đội phải đấu 4 trận

a. Ta có $7 = 3 + 3 + 1 = 3 + 1 + 1 + 1 + 1$ vậy chỉ có hai khả năng:

Với $7 = 3 + 1 + 1 + 1 + 1$ thì đội đó thắng 1 trận và hòa 4 trận. Vậy đội đó đấu tới 5 trận (vô lý): loại

Với $7 = 3 + 3 + 1$ thì đội đó thắng 2 trận và hòa 1 trận. Khả năng này hợp lý vì khi đó đội bị thua:

$4 - (2 + 1) = 1$ (trận), tổng số điểm của đội là:

$3 + 3 + 1 + 0 = 7$ (điểm)

Trả lời: a. 2 thắng, 1 hòa, 1 thua.

b. 2 thắng, 2 hòa.

c. Không thể xảy ra việc đội đó được 11 điểm.

Câu 3:

Đáp số: A = 15, B = 6, C = 3, D = 1

Câu 4:

Đáp số: Hình 4

Câu 5:

Đáp số: 70 quả.

Tổng số na bà tặng cho 3 cháu là (tức số na một phần)

$5 + 3 + 6 = 14$ (quả)

Số na bà có là:

$14 \times 5 = 70$ (quả)

Chú ý: Ta có thể giải ghép như sau

Số na bà có là:

$(5 + 3 + 6) \times 5 = 70$ (quả)

Câu 6:

Đáp số: An: 46, Bình: 42, Chi: 34

Câu 7:

3	x	2	=	6
+		+		+
5	-	3	=	2
=		=		=
8	-	5	=	3

Câu 8:

Bài giải:

Tổng số có tất cả số chân là:
(7 x 4) + (3 x 2) + (5 x 2) + (6 x 4)
= 28 + 6 + 10 + 24 = 68 (chân)

Bài 23

Câu 1:

Đáp số: Nhà đó đuổi là đúng vì anh ta ngủ thì làm sao trông được nhà.

Câu 2:

a. Nếu 2 đứng ở hàng ngàn ta có 6 số: 2047, 2074, 2704, 2740, 2407, 2470.

Nếu 4 đứng ở hàng ngàn ta có 6 số: 4027, 4072, 4207, 4270, 4702, 4720.

Nếu 7 đứng ở hàng ngàn ta có 6 số: 7024, 7042, 7204, 7240, 7402, 7420

Vậy có tất cả 18 số.

b. $2.047 = 2.000 + 40 + 7$; $2.074 = 2000 + 70 + 4$

$2704 = 2000 + 700 + 4$; $2740 = 2000 + 700 + 40$

c. Tổng của tất cả các số nói trên có:

$$(2 + 4 + 7) \times 6 = 78 \text{ (ngàn)}$$

Tương tự tổng ấy cũng có: $(2 + 4 + 7) \times 4 = 52$ trăm, 52 chục, 52 đơn vị.

Vậy tổng phải tìm là:

$$78.000 + 52 \times (100 + 10 + 1) = 83.772$$

Câu 3:

Đáp số: 9

Số ở vị trí thứ 3, theo chiều ngang, bằng tổng 2 số đầu trừ cho số cuối.

Câu 4:

Bài giải:

1 thùng đựng nửa số dầu thì nặng 24kg

2 thùng, mỗi thùng đựng nửa số dầu, nặng là:

$$24 \times 2 = 48 \text{ (kg)}$$

48kg chính là tổng trọng lượng 2 vỏ thùng cộng với số dầu đựng đầy 1 thùng.

Riêng 1 vỏ thùng và số dầu đựng đầy 1 thùng nặng 44 kg.

Vậy 1 vỏ thùng nặng là:

$$48 - 44 = 4 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 4kg.

Câu 5:

Đáp số: Lan nhiều tuổi nhất.

Câu 6:

Bài giải:

Nếu mua 3 cây bút máy và 3 cây bút bi thì 3 cây bút máy đắt hơn 3 cây bút bi:

$$10.000 \times 3 = 30.000 \text{ (đ)}$$

So với lần mua trước thì số bút máy giảm đi:

$$5 - 3 = 2 \text{ (bút máy)}$$

Giá tiền 2 cây bút đó là:

$$54.000 - 30.000 = 24.000 \text{ (đ)}$$

Giá một cây bút máy là:

$$24.000 : 2 = 12.000 \text{ (đ)}$$

Giá một cây bút bi là:

$$12.000 - 10.000 = 2.000 \text{ (đ)}$$

Đáp số: Bút máy: 12.000đ, bút bi: 2.000đ.

Câu 7:

Đáp số: 48

Dãy số lần lượt cộng 2, 4, 8, 16.

Bài 24

Câu 1:

Đáp số: b. 70

Câu 2:

Đáp số: Người nông dân còn lại:

$$17 - 9 = 8 \text{ (con)}$$

Câu 3:

Đáp số: Đoàn 1 có 9 ô tô, đoàn 2 có 15 ô tô.

Câu 4:

Đáp số: Con khỉ bị rơi xuống nước sẽ có bộ lông bị ướt sũng.

Câu 5:

Bài giải:

Tổng 5 số chẵn đầu tiên là:

$$0 + 2 + 4 + 6 + 8 = 20$$

Tổng 5 số lẻ đầu tiên là:

$$1 + 3 + 5 + 7 + 9 = 25$$

Tổng 5 số lẻ đầu tiên hơn tổng 5 số chẵn đầu tiên là:

$$25 - 20 = 5$$

Câu 6:

Đáp số: Hình A.

Câu 7:

Bài giải:

Mỗi ngày 38 người sửa được:

$$1330 : 5 = 266 \text{ (m)}$$

Mỗi ngày 1 người sửa được:

$$266 : 38 = 7 \text{ (m)}$$

Muốn sửa 1.470m đường trong 2 ngày thì mỗi ngày phải sửa:

$$1.470 : 2 = 735 \text{ (m)}$$

Số người cần có để sửa 1.470m đường trong 2 ngày:

$$735 : 7 = 105 \text{ (người)}$$

Đáp số: 105 người.

Bài 25

Câu 1:

Bài giải:

Hai lần tổng cộng số tiền thưởng của ba chị là:

$$200.000 + 150.000 + 220.000 = 570.000 \text{ (đồng)}$$

Vậy tổng số tiền thưởng của ba chị là:

$$570.000 : 2 = 285.000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền chị An được thưởng là:

$$285.000 - 150.000 = 135.000 \text{ (đ)}$$

Số tiền chị Ba được thưởng là:

$$285.000 - 220.000 = 65.000 \text{ (đ)}$$

Số tiền chị Cúc được thưởng là:

$$285.000 - 200.000 = 85.000 \text{ (đ)}$$

Đáp số: Chị An: 135.000đ

Chị Ba: 65.000đ

Chị Cúc: 85.000đ

Câu 2:

Đáp số: 25 ô.

Câu 3:

Đáp số: Trên là 8, dưới là 7.

Các số cần tìm lần lượt là số ở cột 2 + cột 3 – cột 1

Câu 4:

Tổng số 15 lần.

Câu 5:

Đáp số: $X = 9$, $Y = 17$, $Z = 6$.

$$X = 3 + 2 + 1 + 2 + 1 = 9$$

$$Y = 2 + 1 + 3 + 3 + 2 + 2 + 1 + 3 = 17$$

$$Z = 2 + 1 + 3 = 6$$

Câu 6:

Đáp số: 54 số.

Từ 10 đến 99 có các số: 18, 27, 36,..., 81, 90 tức là có 9 số.

Từ 100 đến 199 có các số: 108, 117, 126,..., 180 tức là có 9 số.

Từ 200 đến 299 có các số: 207, 216, 225,..., 270 tức là có 8 số.

Từ 300 đến 399 có các số: 306, 315, 324,..., 360 tức là có 7 số.

...

Từ 800 đến 899 có các số: 801, 810 tức là có 2 số.

Từ 900 đến 999 có 1 số: 900

Vậy tất cả có:

$9 + (9 + 8 + 7 + \dots + 2 + 1) = 9 + 45 = 54$ (số có tổng các chữ số bằng 9).

Câu 7:

Đáp số: e. 4 lần.

Câu 8:

Đáp số: 15 và 13

Các số cần tìm bằng số đứng cách nó 1 số lần lượt trừ đi 2 rồi cộng thêm 5 đơn vị.

Bài 26

Câu 1:

Đáp số: Bật cả hai công tắc.

Câu 2:

Bài giải:

Sau khi dời, số sách mỗi ngăn có là:

$$98 : 2 = 49 \text{ (cuốn)}$$

Số sách ban đầu ngăn nhất có là:

$$49 + 12 = 61 \text{ (cuốn)}$$

Số sách ban đầu ngăn hai có là:

$$49 - 12 = 37 \text{ (cuốn)}$$

Đáp số: Ngăn thứ nhất: 61 cuốn, ngăn thứ hai: 37 cuốn.

Câu 3:

Bài giải:

Cách 1:

4 ngày đầu đắp được:

$$115 \times 4 = 460 \text{ (m}^3\text{)}$$

6 ngày sau đắp được:

$$140 \times 6 = 840 \text{ (m}^3\text{)}$$

Số đất đã đắp được là:

$$460 + 840 = 1.300 \text{ (m}^3\text{)}$$

Số ngày làm việc là:

$$4 + 6 = 10 \text{ (ngày)}$$

Trung bình mỗi ngày đắp được:

$$1.300 : 10 = 130 \text{ (m}^3\text{)}$$

Cách 2:

Số mét khối đất đã đắp được là:

$$115 \times 4 + 140 \times 6 = 1.300 \text{ (m}^3\text{)}$$

Trung bình mỗi ngày đắp được:

$$1.300 : (4 + 6) = 130 \text{ (m}^3\text{)}$$

Đáp số: 130 m³.

Câu 4:

Đáp số: 7 giờ 20 phút.

Hướng dẫn:

- Tìm thể tích bể nước.
- Tìm xem mỗi phút bể có thêm bao nhiêu lít nước?
- Tính thời gian để nước chảy đầy bể.
- Tính xem bể đầy nước lúc nào?

Câu 5:

Đáp số: 6

Số trước hơn số sau 7 đơn vị.

Bài 27

Câu 1:

Đáp số: Hình 3.

Câu 2:

Đáp số: Chỉ còn lại 1 con bị bắn chết nằm đó thôi, còn các con khác nghe tiếng nổ sẽ chạy đi mất.

Câu 3:

Đáp số: 12 giờ 7,5 phút.

Câu 4:

Đáp số: 42

Chữ số hàng chục	Chữ số hàng đơn vị	Số có hai chữ số	Số có hai chữ số trừ đi	Kết quả
1	2	12	8	Sai
2	4	24	20	Sai
3	6	36	32	Sai
4	8	48	44	Đúng

Bảng trên là kết quả thống kê tất cả các trường hợp có thể xảy ra của bài toán. Vì $5 \times 2 = 10$ là số có hai chữ số nên ta chỉ có 4 trường hợp. Trong đó, ba trường hợp đều bị loại vì ở cột 4 không cho các số có hai chữ số giống nhau. Riêng trường hợp cuối được chấp nhận, vì 44 gồm hai chữ số giống nhau. Vậy đáp số là 48.

Câu 5:

Bài giải:

Viết tắt khối lượng của mỗi con gà là gà và khối lượng của mỗi con vịt là vịt. Ta có:

$4 \text{ vịt} - 6 \text{ gà} = 1 \text{ (kg)}$ hay $12 \text{ vịt} - 18 \text{ gà} = 3 \text{ (kg)}$

$10 \text{ gà} - 3 \text{ vịt} = 7,5 \text{ (kg)}$ hay $40 \text{ gà} - 12 \text{ vịt} = 30 \text{ (kg)}$

Vậy: $40 - 18 = 22$ (con gà) thì nặng:

$30 + 3 = 33 \text{ (kg)}$

Mỗi con gà nặng:

$33 : 22 = 1,5 \text{ (kg)}$

4 con vịt nặng:

$6 \times 1,5 + 1 = 10 \text{ (kg)}$

Mỗi con vịt nặng:

$10 : 4 = 2,5 \text{ (kg)}$

Đáp số: Vịt: 2,5 kg.

Câu 6:

Đáp số: d. 4

Câu 7:

Đáp số: 31

Tổng các số ở mỗi cột là 36

Câu 8:

Đáp số: $4/3$

Tích hai số liền nhau, rồi tuần tự chia cho 1, 2, 3, 4 sẽ được số kế tiếp đằng sau

Ví dụ: ? 3 4 6 8 12

$$? \times 3 : 1 = 4 \Rightarrow ? = 4/3$$

$$3 \times 4 : 2 = 12 : 2 = 6$$

...

Câu 9:

Bài giải:

Số cờ cần dùng là:

$$210 : 3 = 71 \text{ (cờ)}$$

Số vải may cờ là:

$$12 \times 71 = 852 \text{ (dm) hay } 85,2\text{m}$$

Đáp số: 85,2m.

Câu 10:

Bài giải:

Số vở mỗi bạn được thưởng là:

$$5 + 3 = 8 \text{ (quyển)}$$

Số vở cô đem phát thưởng là:

$$8 \times 5 = 40 \text{ (quyển)}$$

Chú ý:

Ta có thể giải ghép như sau:

Số vở đem phát thưởng có tất cả là:

$$(5 + 3) \times 5 = 40 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 40 quyển.

Bài 28

Câu 1:

Số chân người là:

$$5 \times 2 = 10 \text{ (chân)}$$

Số mèo có là:

$$(1 + 5) \times 5 = 30 \text{ (con mèo)}$$

Số chân mèo có là:

$$30 \times 4 = 120 \text{ (chân)}$$

Vậy trên đường có tổng số chân là:

$$10 + 120 = 130 \text{ (chân)}$$

Đáp số: 130 cái chân.

Câu 2:

Đáp số: Hình C.

Câu 3:

Bài giải:

Số bạn nam tóc húi có là:

$$42 - 30 = 12 \text{ (bạn)}$$

Số tổ bạn nam có là:

$$12 : 6 = 2 \text{ (tổ)}$$

Đáp số: 2 tổ.

Câu 4:

Đáp số: Hai cha, hai con nghĩa là ông, cha và cháu, thì rõ là có 3 người rồi. Mỗi người câu được 1 con cá thì về nhà có 3 con là đúng.

Câu 5:

Đáp số: $? = 12$

$$6 \times 0,5 = 0,25 \times 12$$

Câu 6:

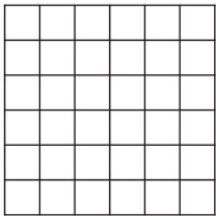
Đáp số: 46

Số trước trừ đi số đứng liền sau nó được kết quả lần lượt là: 11, 22, 33, 44

Câu 7:

Bài giải:
Khi Tèo ra chợ thì số trứng còn lại là:
 $10 - 1 - 2 = 7$ (quả)
Tèo bán được số tiền là:
 $1.500 \times 7 = 10.500$ (đồng)
Đáp số: 10.500 (đồng).

Câu 8:



a. 60 hình chữ nhật
Trên hình vẽ có 4 đường thẳng song song nằm ngang và 5 đường thẳng song song thẳng đứng. Ta thấy cứ một cặp đường thẳng nằm ngang và 1 cặp đường thẳng đứng thì tạo thành một hình chữ nhật.
4 đường thẳng nằm ngang sẽ tạo thành:

$4 \times (4 - 1) : 2 = 6$ (cặp đường thẳng nằm ngang)
5 đường thẳng đứng sẽ tạo thành:
 $5 \times (5 - 1) : 2 = 10$ (cặp đường thẳng nằm đứng)

Ta thấy:
Cứ cặp đường thẳng nằm ngang với một cặp đường thẳng đứng tạo thành 1 hình chữ nhật
6 cặp đường thẳng nằm ngang với một cặp đường thẳng đứng tạo thành 6 hình chữ nhật.
- Vậy 6 cặp đường thẳng nằm ngang với 10 cặp đường thẳng đứng sẽ tạo thành:
 $6 \times 10 = 60$ (hình chữ nhật)

b. 120cm và 54cm²

12	3	4	
87	6	5	
9	10	11	12

Có 12 hình vuông là 12 ô vuông
12 hình vuông đó có tổng chu vi và tổng diện tích là:
 $(1 \times 4) \times 12 = 48$ (cm)
 $(1 \times 1) \times 12 = 12$ (cm²)

Có 6 hình vuông mà mỗi hình gồm 4 ô vuông là các hình (1, 2, 7, 8) ; (2, 3, 6, 7) ; (3, 4, 5, 6) ; (8, 7, 10, 9) ; (7, 6, 11, 10) ; (6, 5, 12, 11).
6 hình vuông này có tổng chu vi và tổng diện tích là:
 $(2 \times 4) \times 6 = 48$ (cm)
 $(2 \times 2) \times 6 = 24$ (cm²)
Có hai hình vuông mà mỗi hình gồm 9 ô vuông là:

(1, 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11) ; (2, 3, 4, 5, 6, 7, 10, 11, 12)

tổng chu vi và tổng diện tích của chúng là:

$$(3 \times 4) \times 2 = 24 \text{ (cm)}$$

$$(3 \times 3) \times 2 = 18 \text{ (cm}^2 \text{)}$$

Vậy tổng chu vi tất cả các hình vuông ở đây là:

$$48 + 48 + 24 = 120 \text{ (cm)}$$

Còn tổng diện tích tất cả các hình vuông ở đây là:

$$12 + 24 + 18 = 54 \text{ (cm}^2 \text{)}$$

Câu 9:

Đáp số: Đang là ban ngày thì làm sao ông Tây đen bị đâm vào ô tô được.

Câu 10:

Bài giải:

Số bi của mỗi người sau khi cho là:

$$48 : 2 = 24 \text{ (viên bi)}$$

Số bi của Bí trước khi cho là:

$$24 + (3 - 1) = 26 \text{ (viên bi)}$$

Số bi của Bầu trước khi cho là:

$$48 - 26 = 22 \text{ (viên bi)}$$

Đáp số: Bí có 26 viên bi, Bầu có 22 viên bi

Bài 29

Câu 1:

Bài giải:

a) 30 con bò loại một mỗi năm cho số sữa là:

$$4.000 \times 30 = 120.000 \text{ (l)}$$

Số bò loại hai trong trại;

$$100 - 30 = 70 \text{ (con)}$$

70 con bò loại hai mỗi năm cho một số sữa là:

$$3.600 \times 70 = 252.000 \text{ (l)}$$

Tổng số sữa trại thu được trong một năm:

$$120.000 + 252.000 = 372.000 \text{ (l)}$$

Trung bình mỗi năm 1 con bò cho một số sữa:

$$372.000 : 100 = 3720 \text{ (l)}$$

b) Trung bình mỗi con trong một tháng cho một số sữa:

$$3.720 : 12 = 310 \text{ (l)}$$

Đáp số: a. 3.720 lít

b. 310 lít.

Câu 2:

Đáp số: Hình e

Câu 3:

Đáp số: 105 ngày công.

Câu 4:

Đáp số: Chẳng mất đi đâu cả. 3 bát phở là 25.000đ, cộng với 3.000đ trả lại với 2.000đ anh hầu bàn lấy đi mất. Vậy tổng số tiền là 30.000 đồng.

Câu 5:

Đáp số: 256

Hàng ngang trên số trước nhân 2 ra số đứng liền sau.

Hàng ngang dưới số trước nhân với chính nó ra số đứng liền sau.

Câu 6:

Bài giải:

Cách 1:

Số bạn bớt ra ở mỗi bàn là:

$$6 - 4 = 2 \text{ (bạn)}$$

Số bạn bớt ra ở 8 bàn là:

$$2 \times 8 = 16 \text{ (bạn)}$$

Số bàn cần kê thêm là:

$$16 : 4 = 4 \text{ (bàn)}$$

Cách 2:

Sĩ số học sinh lớp em là:

$$6 \times 8 = 48 \text{ (bạn)}$$

Mỗi bàn 4 bạn thì số bàn cần có là:

$$48 : 4 = 12 \text{ (bàn)}$$

Số bàn cần kê thêm là:

$$12 - 8 = 4 \text{ (bàn)}$$

Đáp số: 4 bàn.

Câu 7:

Đáp số: 10

$$30 + 70 = 100$$

$$10 + 90 = 100$$

Câu 8:

Đáp số: Hình 4

Câu 9:

Đáp số: Rút trước hay rút sau đâu quan trọng, cơ hội cho cả 3 người đều là $1/3$.

Bài 30

Câu 1:

Đáp số: 1,25 km.
Đi lên dốc 1km thì hết:
 $60 : 2,5 = 24$ (phút)
Đi xuống dốc 1km thì hết:
 $60 : 5 = 12$ (phút)
Vậy mỗi km đường cả đi lẫn về hết tất cả:
 $24 + 12 = 36$ (phút)
Quãng đường AB dài:
 $(21 + 24) : 36 = 1,25$ (km)

Câu 2:

Đáp số: B = 36, F = 55, W = 21
 $B = 8 + 7 + 8 + 6 + 7 = 36$
 $F = 8 + 7 + 6 + 7 + 8 + 6 + 6 + 7 = 55$
 $W = 7 + 6 + 8 = 21$

Câu 3:

Đáp số: 98
Các số ở cột 1 lần lượt nhân với 5, cột 2 nhân với 6, cột 3 nhân với 7, cột 4 nhân với 8
 $14 \times 7 = 98$

Câu 4:

Đáp số: 150, 15 và 60
Theo đầu bài thì số thứ nhất lớn gấp 10 lần số thứ hai và tổng ba số là:
 $75 \times 3 = 225$
Ta có sơ đồ:
So với số thứ hai thì 225 gấp:
 $1 + 10 + 4 = 15$ (lần)
Số thứ hai là:
 $225 : 15 = 15$
Số thứ nhất là: 150
Số thứ ba là:

- Số thứ nhất:	x
- Số thứ hai:	x x x x x x x x x
- Số thứ ba:	x x x x

$$15 \times 4 = 60$$

Câu 5:

Đáp số: 12 hình chữ nhật

Câu 6:

Đáp số: 3 bạn và 17 quyển vở.

Số vở đủ để chia cho mỗi bạn 6 quyển nhiều hơn số vở đủ để chia cho mỗi bạn 5 quyển là:

$$2 + 1 = 3 \text{ (quyển)}$$

Số vở mỗi bạn được chia 6 quyển nhiều hơn số vở mỗi bạn được chia 5 quyển là:

$$6 - 5 = 1 \text{ (quyển)}$$

Vậy số bạn có là:

$$3 : 1 = 3 \text{ (bạn)}$$

Số vở là:

$$3 \times 5 + 2 = 17 \text{ (quyển)}$$

Câu 7:

Đáp số: 62 tuổi.

Tuổi mẹ là:

$$33 - 2 = 31 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi bà là:

$$31 \times 2 = 62 \text{ (tuổi)}$$

Chú ý:

Ta có thể ghép như sau:

Tuổi bà là:

$$(33 - 2) \times 2 = 62 \text{ (tuổi)}.$$

Câu 8:

Đáp số: K.

Theo bảng chữ cái từ $A \Rightarrow Z$

Ta thấy:

Từ I tiến tới A là 9 đơn vị.

E giật lùi về Z là 22 đơn vị.

$$\Rightarrow 9 + 22 = 31$$

Tương tự như vậy ta được chữ cái K.

Câu 9:

Đáp số: 14,4 ; 12 và 9,6

Cách 1:

a. Số thứ nhất nhân với 10 bằng số bé nhất nhân với 15. Vậy nếu số lớn nhất gồm 15 phần bằng nhau thì số bé nhất gồm 10 phần bằng nhau ấy:

b. Ta có sơ đồ:

Vậy số lớn nhất là:

$4,8 : (15 - 10) \times 15 = 4,8 \times 15 : 5 = 14,4$

Số bé nhất là:

$14,4 - 4,8 = 9,6$

Suy ra số lớn thứ hai là:

$14,4 \times 10 : 12 = 12$

Cách 2:

Lí luận như phần (a) ở cách 1 rồi làm tiếp như sau: Vì $15/10 = 3/2$ nên cũng có thể nói: nếu số lớn nhất gồm 3 phần bằng nhau thì số nhỏ nhất gồm 2 phần bằng nhau ấy.

Một phần bằng nhau chênh lệch ở đây chính là hiệu của hai số đó.

Vậy 1 phần bằng nhau là 4,8. Suy ra:

Số lớn nhất là:

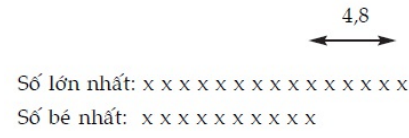
$4,8 \times 3 = 14,4$

Số bé nhất là:

$4,8 \times 2 = 9,6$ (hoặc $14,4 - 4,8 = 9,6$)

Vậy số thứ hai là:

$14,4 \times 10 : 12 = 12$ hoặc: $9,6 \times 15 : 12 = 12$



Câu 10:

Đáp số: 44 em.

Số em có trong mỗi tổ là:

$5 + 6 = 11$ (em)

Sĩ số lớp em là:

$11 \times 4 = 44$ (em)

Bài 31

Câu 1:

Đáp số : 7
Tổng các số ở hàng ngang là 45

Câu 2:

Đáp số: 8 thùng và 12 thùng.
Vì số dầu đựng ở mỗi loại thùng đều bằng nhau nên sức chứa (dung tích) của các thùng và số thùng tỉ lệ nghịch với nhau.
Loại thùng 60 lít có dung tích gấp rưỡi loại thùng 40 lít nên số thùng 40 lít phải nhiều gấp rưỡi thùng 60 lít.

Ta có sơ đồ:
Mỗi “x” bằng nhau gồm:
 $20 : (2 + 3) = 4$ (thùng)
Số thùng 60 lít là:
 $4 \times 2 = 8$ (thùng)
Số thùng 40 lít là:
 $4 \times 3 = 12$ (thùng)

Số thùng 60 lít: x x
Số thùng 40 lít: x x x | 20 thùng

Câu 3:

Đáp số: 15
Số bị chia : 5 = thương
Vậy số bị chia gấp 5 lần thương
Số bị chia + số chia + thương = 95
Số bị chia + 5 + thương = 95
Tổng số bị chia và thương là:
 $95 - 5 = 90$
Thương: 1 phần
Số bị chia: 5 phần | 90
Tổng số phần bằng nhau là:
 $1 + 5 = 6$ (phần)
Thương là:
 $90 : 6 = 15$

Câu 4:

Đáp số: K = 47, L = 18, M = 32
 $K = 6 + 5 + 6 + 5 + 5 + 6 + 7 + 7 = 47$

$$L = 7 + 6 + 5 = 18$$

$$M = 5 + 6 + 7 + 7 + 7 = 32$$

Câu 5:

Đáp số: 13 hình.

Câu 6:

Đáp số: 3 cây và 4 con chim.

Câu 7:

Đáp số: 12,25m và 8,75m.

Giá tiền 1m vải là:

$$315.000 : 21 = 15.000 \text{ (đ)}$$

Người thứ nhất mua nhiều hơn người thứ hai:

$$52.500 : 15.000 = 3,5 \text{ (m)}$$

Người thứ nhất đã mua:

$$(21 + 3,5) : 2 = 12,25 \text{ (m)}$$

Người thứ hai đã mua:

$$12,25 - 3,5 = 8,75 \text{ (m)}$$

Câu 8:

Đáp số: 73

Câu 9:

Đáp số: b. 177

Câu 10:

$$A = B$$

So sánh A và B

$$A = 155 + 50\text{dm}$$

$$A = 155 + 5\text{m}$$

$$A = 160\text{m}$$

$$B = 1\text{km} - 840\text{m}$$

$$B = 1000\text{m} - 840\text{m}$$

$$B = 160\text{m}$$

Bài 32

Câu 1:

Đáp số: 23, 25 và 27

Mỗi số lẻ hơn kém nhau 2 đơn vị.

Ba lần số lẻ thứ nhất là:

$$75 - (2 + 2 + 2) = 69$$

Vậy số lẻ thứ nhất là:

$$69 : 3 = 23$$

Số lẻ thứ hai và ba là 25 và 27

Chú ý: Có thể suy luận cách khác như sau:

Dễ dàng nhận thấy tổng của 3 số lẻ liên tiếp gấp 3 lần số lẻ ở giữa.

Vậy số lẻ ở giữa là:

$$75 : 3 = 25$$

Và ta cũng có đáp số: 23, 25 và 27

Câu 2:

Bài giải:

Với số gạo đó, nếu ăn hết trong 1 ngày thì số người ăn là:

$$120 \times 50 = 6.000 \text{ (người)}$$

Với số gạo đó, nếu ăn hết trong 30 ngày thì số người ăn là:

$$6.000 : 30 = 200 \text{ (người)}$$

Vậy số người đến thêm là:

$$200 - 120 = 80 \text{ (người)}$$

Đáp số: 80 người

Câu 3:

Đáp số: 7

Số ở hàng thứ nhất trừ đi số ở hàng thứ hai để cho ra số hàng thứ ba.

Câu 4:

Đáp số: d.12 hình tam giác.

Câu 5:

Bài giải:

Cả hai bác đã làm trong:

$$24 + 21 = 45 \text{ (ngày)}$$

Tiền công của mỗi ngày là:

$$1.350.000 : 45 = 30.000 \text{ (đ)}$$

Bác An được số tiền là:

$$24 \times 30.000 = 720.000 \text{ (đ)}$$

Bác Thịnh được số tiền là:

$$21 \times 30.000 = 630.000 \text{ (đ)}$$

Đáp số: 720.000đ và 630.000đ.

Câu 6:

Đáp số: 13

Câu 7:

Bài giải:

Theo đầu bài thì số học sinh phải chia hết cho 7 (vì $6 + 1 = 7$).

Từ 40 đến 50 chỉ có 42 và 49 chia hết cho 7 nên số học sinh chỉ có thể là 42 hoặc 49. Song số học sinh lại là số chẵn (vì chia đôi được) nên số đó là 42

Vậy số học sinh không được biểu dương là:

$$42 : 7 = 6 \text{ (học sinh)}$$

Suy ra số học sinh được biểu dương là:

$$6 \times 6 = 36 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 36 học sinh.

Câu 8:

Bài giải:

Sĩ số lớp em là:

$$20 + 27 = 47 \text{ (bạn)}$$

Số bạn xếp chung mỗi hàng là:

$$47 : 4 = 11 \text{ (bạn) dư 3 bạn}$$

Vậy có 3 bạn cầm cờ đi trước.

Đáp số: a: 11 bạn, b: 3 bạn.

Bài 33

Câu 1:

Đáp số: d. Nhiều cách

Câu 2:

Bài giải:

Số ghế có tất cả là:

$$24 + 36 = 60 \text{ (ghế)}$$

Số bàn có là:

$$60 : 4 = 15 \text{ (bàn)}$$

Đáp án: 60 ghế và 15 bàn.

Câu 3:

Đáp số: b. 9

Câu 4:

Đáp số: 90 số.

Các số có ba chữ số tận cùng bằng 5 là:

105, 115, 125..., 985, 995

Trong dãy số trên khoảng cách giữa hai số liên tiếp luôn luôn là 10 đơn vị.

Từ 105 đến 995 có:

$$(995 - 105) : 10 = 89 \text{ (khoảng cách) như vậy}$$

Do đó dãy trên ta có:

$$89 + 1 = 90 \text{ (số)}$$

Câu 5:

Đáp số: 18

Số sau bằng số trước + 3

$$15 + 3 = 18$$

Câu 6:

Đáp số: b. 1/24.000

Câu 7:

Bài giải

1 người phải bắt tay:

$$10 - 1 = 9 \text{ (cái)}$$

10 người phải bắt tay:

$$10 \times 9 = 90 \text{ (cái)}$$

Nhưng nếu tính như vậy thì mỗi cái bắt tay đều được tính hai lần.

Vậy thực ra chỉ có:

$$90 : 2 = 45 \text{ (cái)}$$

Chú ý:

Có thể giải bài toán bằng dãy tính sau:

$$10 \times (10 - 1) : 2 = 45 \text{ (cái bắt tay)}$$

Đáp số: 45 (cái bắt tay)

Bài 34

Câu 1:

Đáp số: Hình C.

Câu 2:

Đáp số: Đúng.

Câu 3:

Hướng dẫn

Trường hợp 1: chọn 3 nam và 4 nữ

Trường hợp 2: chọn 4 nam và 3 nữ

Trường hợp 3: chọn 5 nam và 2 nữ

Cộng cả 3 trường hợp lại là ra đáp án.

Câu 4:

Đáp số: 18 số.

Đó là các số:

1230 2130 3120

1203 2103 3102

1320 2310 3210

1302 2301 3201

1023 2013 3012

1032 2031 3021

Câu 5:

Đáp số: 15

Lấy cột thứ nhất nhân cột thứ hai rồi trừ cột thứ ba

$$(7 \times 3) - 6 = 15$$

Câu 6:

$$888 + 88 + 8 + 8 + 8 = 1000$$

Câu 7:

Đáp số: 2 hình G và H không theo quy luật với các hình còn lại.

Câu 8:

Đáp số: 00XXXXXXXX

Bài 35

Câu 1:

Đáp số: a. Một cây lớn (thực tế là một quân nhép lớn). Bức hình này được tạo nên từ một quân nhép trong bộ tú lơ khơ.

Câu 2:

Đáp số: 15

Số sau hơn số trước 2 đơn vị.

Câu 3:

Bài giải:

Số sao mỗi bạn nam xếp được là:

$$10 - 3 = 7 \text{ (sao)}$$

Số sao 19 bạn nam xếp được là:

$$7 \times 19 = 133 \text{ (sao)}$$

Chú ý: Ta có thể giả ghép như sau:

Số sao 19 bạn nam xếp được là:

$$(10 - 3) \times 19 = 133 \text{ (sao)}$$

Đáp số: 133 sao.

Câu 4:

Đáp số: 14 hình vuông.

Câu 5:

Đáp số: 4 người con và 24 cái kẹo.

Số kẹo mỗi người con được chia thêm:

$$8 - 6 = 2 \text{ (cái)}$$

Phần của anh cả 6 cái, nay chia thêm cho mỗi người 2 cái, nên số người được chia thêm kẹo là:

$$6 : 2 = 3 \text{ (người)}$$

Số con trong gia đình là:

$$3 + 1 = 4 \text{ (người)}$$

Số kẹo của mẹ là:

$$6 \times 4 = 24 \text{ (cái)}$$

Câu 6:

Đáp số: Cô Đỏ tóc màu đen.

Câu 7:

Đáp số: b. 5219 quả.

Câu 8:

Đáp số: Ngày hôm qua của ngày mai là thứ Ba tức ngày hôm qua là thứ Tư, ngày mai là ngày hôm qua của thứ Bảy tức ngày mai là thứ Sáu. Vậy ngày hôm nay là thứ Năm.

Câu 9:

1 đồng = 10 hào = 100 xu

Thế nên làm sao $100 \text{ xu} = 10 \text{ đồng}$ được. Như vậy là sai.

Bài 36

Câu 1:

Đáp số: 7

Lấy số ở hàng 1 trừ đi số ở hàng 2 rồi chia cho số ở hàng 3.

Câu 2:

Đáp số: 36

Gọi X là số tiền mỗi năm. Theo đề bài ta có phương trình:

$$X + X + 1/2X + 1/4X + 1 = 100$$

Giải phương trình ta được $X = 36$

Câu 3:

Đáp số: Người thứ ba tên là Hùng.

Câu 4:

Đáp số: Loại I : 3.200đ

Loại II : 2.400đ

Loại III : 2.000đ

Câu 5:

$$a/ 8 = 2 \times 2 \times 2$$

$$b/ 27 = 3 \times 3 \times 3$$

$$c/ 16 = 4 \times 4$$

$$16 = 2 \times 2 \times 2 \times 2$$

$$d/ 100 = 10 \times 10$$

Câu 6:

Đáp số: 10

Tất cả các cột cộng lại với nhau thành 30.

Câu 7:

Bài giải:

Một thùng đựng được:

$$27 : 3 = 9 \text{ (lít)}$$

Số thùng tất cả là:

$$12 + 5 = 17 \text{ (thùng)}$$

Số lít mật ong là:

$$17 \times 9 = 153 \text{ (lít)}$$

Đáp số: 153 lít mật ong.

Câu 8:

Bài giải:

Đổi 5 quyển sách lấy 5 quyển vở thì bớt được:

$$5.500 \times 5 = 27.500 \text{ (đ)}$$

Do đó ta chỉ phải trả:

$$43.500 - 27.500 = 16.000 \text{ (đ)}$$

Vậy 16.000đ là giá của:

$$5 + 3 = 8 \text{ (quyển vở)}$$

Gái 1 quyển vở là:

$$16.000 : 8 = 2.000 \text{ (đ)}$$

Giá một quyển sách là:

$$2.000 + 5.500 = 7.500 \text{ (đ)}$$

Đáp số: 1 quyển sách: 7.500đ, 1 quyển vở: 2.000đ.

Bài 37

Câu 1:

Đáp số: Các số 2 chữ số có chữ số hàng chục bằng chữ số hàng đơn vị là:

11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99

Câu 2:

Đáp số: $J = 48$, $K = 32$, $L = 18$

$$J = 6 + 4 + 8 + 4 + 4 + 8 + 6 + 8 = 48$$

$$K = 6 + 8 + 8 + 6 + 4 = 32$$

$$L = 6 + 4 + 8 = 18$$

Câu 3:

Đáp số: a. 3 và 12

Câu 4:

Bài giải:

Cách 1:

4 ngày đầu đắp được:

$$115 \times 4 = 460 \text{ (m}^3\text{)}$$

6 ngày sau đắp được:

$$140 \times 6 = 840 \text{ (m}^3\text{)}$$

Số đất đắp được là:

$$460 + 840 = 1.300 \text{ (m}^3\text{)}$$

Số ngày làm việc là:

$$4 + 6 = 10 \text{ (ngày)}$$

Trung bình mỗi ngày đắp được:

$$1.300 : 10 = 130 \text{ (m}^3\text{)}$$

Cách 2:

Số m³ đất đã đắp được là:

$$115 \times 4 + 140 \times 6 = 1.300 \text{ (m}^3\text{)}$$

Trung bình mỗi ngày đắp được:

$$1.300 : (4 + 6) = 130 \text{ (m}^3\text{)}$$

Đáp số: 130 m³.

Câu 5:

Bài giải:

Cách 1:

Số tiểu đội có là:

$$900 : 15 = 60 \text{ (tiểu đội)}$$

Số trung đội có là:

$$60 : 4 = 15 \text{ (trung đội)}$$

Số đại đội có là:

$$15 : 3 = 5 \text{ (đại đội)}$$

Cách 2:

Số tiểu đội có là:

$$900 : 15 = 60 \text{ (tiểu đội)}$$

Số tiểu đội ghép thành 1 đại đội:

$$4 \times 3 = 12 \text{ (tiểu đội)}$$

Số đại đội có là:

$$60 : 12 = 5 \text{ (đại đội)}$$

Đáp số: 60 tiểu đội và 5 đại đội.

Câu 6:

Đáp số: 11 xe taxi và 6 xe lam.

Gợi ý:

Giả sử ta tháo bớt ở mỗi xe taxi một bánh thì cả 17 xe đều có 3 bánh.

Câu 7:

Đáp số: Anh ta câu được 0 con cá.

Câu 8:

Đáp số: Ấm nặng bằng 9 thỏi chì.

Câu 9:

Đáp số: 34 và 27

Các số luân phiên trừ đi 7 và cộng thêm 4 đơn vị.

Bài 38

Câu 1:

Đáp số: Đầu nặng 450g, thân nặng 600g, con cá nặng 1.200g.

Câu 2:

Đáp số: 36, 27

Các số luân phiên nhân 4 và trừ đi số đứng trước.

Câu 3:

Đáp số: 15 xe taxi và 6 xe lam.

Giả sử có 19 xe taxi thì số xe lam là:

$$19 - 9 = 10 \text{ (xe lam)}$$

Hiệu số bánh xe taxi và số bánh xe lam lúc này là:

$$19 \times 4 - 10 \times 3 = 46 \text{ (bánh xe)}$$

Nếu ta bớt đi một xe taxi và một xe lam thì hiệu số xe taxi và xe lam không thay đổi (vẫn là 9) nhưng hiệu số bánh xe sẽ giảm đi:

$$4 - 3 = 1 \text{ (bánh xe)}$$

Từ 46 xuống 42 thì phải giảm bớt:

$$46 - 42 = 4 \text{ (bánh xe)}$$

Vậy số xe taxi (cũng là số xe lam) phải bớt đi là:

$$4 : 1 = 4 \text{ (xe)}$$

Do đó số xe taxi là:

$$19 - 4 = 15 \text{ (xe)}$$

Còn số xe lam là:

$$10 - 4 = 6 \text{ (xe)}$$

Câu 4:

Đáp số: 40

Các số đã cho hơn kém nhau 5 đơn vị.

Câu 5:

Đáp số: Nếu bán như thế thì lỗ.

Câu 6:

Tự giải.

Câu 7:

Đáp số: 99 con trâu

111 con ngựa

198 con bò.

Gợi ý:

Thay số ngựa bằng "số trâu + 12" và số bò bằng "2 lần số trâu" ta thấy 408 chính là: 4 lần số trâu + 12 con...

Câu 8:

Đáp số: 119,2

Số sau là hai chữ số cuối nhân đôi của số trước. Do đó:

$96 \times 2 = 192$

Suy ra số cần tìm là 119,2

Câu 9:

Đáp số: 90 số.

Các số 3 chữ số mà chữ số hàng đơn vị giống chữ số hàng trăm là:

101, 111, 121, 131, 141, 151, 161, 171, 181, 191 (10 số).

202, 212, 222, 232, 242, 252, 262, 272, 282, 292 (10 số).

303, 313, 323, 333, 343, 353, 363, 373, 383, 393 (10 số).

.....

909, 919, 929, 939, 949, 959, 969, 979, 989, 999 (10 số).

Vậy số 3 chữ số mà chữ số hàng đơn vị giống chữ số hàng trăm có tất cả là:

$10 \times 9 = 90$ (số)

Câu 10:

Đáp số: 22 gà và 14 chó.

Cách 1:

Giả sử có 8 con chó thì số gà sẽ là:

$8 + 8 = 16$ (con gà)

Tổng số chân lúc này sẽ là:

$16 \times 2 + 8 \times 4 = 64$ (chân) (*)

Để có đủ 100 chân như đầu bài thì phải tăng thêm ở tổng (*):

$100 - 64 = 36$ (chân)

Nếu ta thêm vào 1 con chó và 1 con gà thì hiệu số gà và số chó không thay đổi (vẫn là 8) nhưng tổng số chân sẽ tăng thêm:

$$4 + 2 = 6 \text{ (chân)}$$

Vậy muốn tăng thêm ở tổng (*) 36 chân thì phải tăng thêm vào số gà (chó) là:

$$36 : 6 = 6 \text{ (con)}$$

Do đó số gà là:

$$16 + 6 = 22 \text{ (con)}$$

Còn số chó là:

$$22 - 8 = 14 \text{ (con)}$$

Cách 2:

Nếu bớt đi 8 con gà thì số gà sẽ bằng số chó và tổng số chân chỉ còn là:

$$100 - 8 \times 2 = 84 \text{ (chân)}$$

Vì số chân mỗi con chó gấp đôi số chân mỗi con gà nên 84 chính là 3 lần số chân gà (sau này).

Vậy số chân gà sau này là:

$$84 : 3 = 28$$

Số gà sau này là:

$$28 : 2 = 14 \text{ (con)}$$

Số gà lúc đầu là:

$$14 + 8 = 22 \text{ (con)}$$

Số chó là:

$$22 - 8 = 14 \text{ (con)}$$

Bài 39

Câu 1:

Đáp số: 14

Chia nửa hình tròn đường cắt giữa 8 và 11, 32 và 3, ta có tổng của các số ở mỗi nửa là 54

$$32 + 8 + 9 + 5 = 54$$

$$11 + 14 + 26 + 3 = 54$$

Câu 2:

Đáp số: Đúng.

Câu 3:

Đáp số: Đội A: 22 bạn

Đội B: 14 bạn

Đội C: 12 bạn.

Sau 3 lần chuyển thì số đội viên ở ba đội bằng nhau nên tổng số đội viên phải chia hết cho 3. Từ 40 đến 50 chỉ có 42, 45 và 48 chia hết cho 3 nên tổng số đội viên chỉ có 42, 45 hoặc 48. Mặt khác, sau lần chuyển thứ ba thì số đội viên của đội C phải là số chẵn:

Bây giờ ta xét từng trường hợp:

a. Nếu tổng số đội viên là 42 thì sau lần chuyển thứ ba mỗi đội có:

$$42 : 3 = 14 \text{ (bạn)}$$

Suy ra sau lần chuyển thứ hai đội A có: $14 : 2 = 7$ (bạn) và đội C có: $14 + 7 = 21$ (bạn) không phải là số chẵn.

Vậy tổng số đội viên không thể là 42.

b. Nếu tổng số đội viên là 45 thì sau lần chuyển thứ ba đội A có: $45 : 3 = 15$ (bạn) không phải là số chẵn.

Vậy tổng số đội viên không thể là 45

c. Nếu tổng số đội viên là 48 thì sau lần chuyển thứ ba mỗi đội có:

$$48 : 3 = 16 \text{ (bạn)}$$

Vậy sau lần chuyển thứ nhất đội C có:

$$4 : 2 = 2 \text{ (bạn)}$$

còn đội B có:

$$16 + 12 = 28 \text{ (bạn)}$$

Do đó lúc đầu:

Đội B có:

$$28 : 2 = 14 \text{ (bạn)}$$

Đội A có:

$$14 + 8 = 22 \text{ (bạn)}$$

Đội C có: 12 bạn.

Câu 4:

Đáp số: 360 phút.

1 ngày có 24 giờ.

Số giờ của của một phần tư ngày là:

$$24 : 4 = 6 \text{ (giờ)}$$

Số phút của một phần tư ngày là:

$$60 \times 6 = 360 \text{ (phút)}$$

Câu 5:

Đáp số: 7

Các chữ số hàng dọc cộng lại thành 21

Câu 6:

Tự giải.

Câu 7:

Đáp số: 4 và 5

Vì $20 = 1 \times 20 = 2 \times 10 = 4 \times 5$ nên hai số đó có thể là: 1 và 20, 2 và 10, 4 và 5

Thử từng trường hợp:

a. $1 + 20 = 21$ khác 9 (loại)

b. $2 + 10 = 12$ khác 9 (loại)

c. $4 + 5 = 9$ bằng 9 (chọn)

Vậy hai số đó là 4 và 5

Câu 8:

Các số có 2 chữ số có hàng chục lớn hơn hàng đơn vị là:

10

20, 21

30, 31, 32

40, 41, 42, 43

50, 51, 52, 53, 54

60, 61, 62, 63, 64, 65

70, 71, 72, 73, 74, 75, 76

80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87

90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98.

Câu 9:

Đáp số: 3 ngày tiếp theo sẽ nhận 4 trứng.

Câu 10:

Đáp số: 15 tờ 10.000 và 5 tờ 5.000

Giả sử số tờ 10.000 bằng số tờ 5.000 nghìn (nghĩa là mỗi loại đều có 10 tờ) thì hiệu số tiền hai loại là:

$$10 \times 10 - 10 \times 5 = 50 \text{ (nghìn)}$$

Nếu ta thay 1 tờ 5.000 bằng 1 tờ 10.000 thì tổng số tờ bạc không đổi (vẫn là 20 tờ) nhưng hiệu số tiền sẽ thay đổi. Vì:

Số tiền 10.000 tăng thêm 10.000.

Nhưng số tiền 5.000 sẽ giảm đi 5.000 nên hiệu số tiền sẽ tăng thêm 15.000

Từ 50.000 lên 125.000 thì phải tăng thêm:

$$125 - 50 = 75 \text{ (nghìn)}$$

Vậy số tờ 5.000 phải thay bằng tờ 10.000 là:

$$75 : 15 = 5 \text{ (tờ)}$$

Vậy số tờ 5.000 là:

$$10 - 5 = 5 \text{ (tờ)}$$

Số tờ 10.000 là:

$$10 + 5 = 15 \text{ (tờ)}$$

Bài 40

Câu 1:

Đáp số: 650 con gà.

a. Tính số bò và số ngựa đã đổi:

Xét số bò và ngựa đã đổi được ta thấy 2 lần số ngựa cộng với 1 lần số bò bằng 17 con (theo Kỷ nói), 2 lần số bò cộng với 1 lần số ngựa bằng 19 con (theo Ty nói).

Như vậy 3 lần số ngựa cộng với 3 lần số bò bằng 36 con ($17 + 19 = 36$).

17 con: Ngựa, Ngựa, Bò 36 con

19 con: Ngựa, Bò, Bò

Suy ra tổng số ngựa với số bò đã đổi là:

$$36 : 3 = 12 \text{ (con)}$$

Số ngựa đã đổi là:

$$17 - 12 = 5 \text{ (con)}$$

Số bò đã đổi là:

$$19 - 12 = 7 \text{ (con)}$$

b. Tính số gà đem ra chợ:

Cứ 1 con ngựa và 1 con bò đổi được 85 con gà

5 con ngựa và 5 con bò đổi được.

$$85 \times 5 = 425 \text{ (con gà)}$$

Vì 5 con ngựa có giá trị bằng 12 con bò nên: $12 + 5 =$

17 (con bò) đổi được 425 con gà.

Một con bò đổi được:

$$425 : 17 = 25 \text{ (con gà)}$$

Một con ngựa đổi được:

$$25 \times 12 : 5 = 60 \text{ (con)}$$

Dựa theo ý Ty nói, ta có số gà họ đem ra chợ đổi là:

$$(60 \times 5) + (25 \times 7) \times 2 = 650 \text{ (con)}$$

Câu 2:

Đáp số: 5 bút máy

1 bút bic

6 bút chì.

Số bút máy phải ít hơn 6 vì nếu mua 6 cây bút máy thì đã hết 36.000đ rồi. Song số bút máy phải nhiều hơn 4 vì nếu chỉ mua 4 cây bút máy thì mới hết 24.000đ, còn lại 12.000đ, bắt buộc phải mua 8 cây bút bic. Như vậy, không có loại bút chì.

Vậy số bút máy chỉ có thể là 5 cây, mua hết 30.000đ. Còn lại 6.000đ để mua 7 cây vừa bút bic vừa bút chì.

Ta thấy:

Giá 1 bút bic là:

$$3.000 : 2 = 1.500 \text{ (đ)}$$

Giá 1 bút chì là:

$$3000 : 4 = 750 \text{ (đ)}$$

Nhận xét:

$$6000 = 1.500 \times 3 + 750 \times 2 \text{ (1)}$$

$$= 1.500 \times 2 + 750 \times 4 \text{ (2)}$$

$$= 1.500 \times 1 + 750 \times 6 \text{ (3)}$$

Xét từng trường hợp:

Nếu (1) xảy ra thì có 3 cây bic và 2 cây chì, tổng cộng là 5, chưa đủ 7 cây (loại).

Nếu (2) xảy ra thì có 2 bút bic và 4 bút chì tổng cộng là 6, chưa đủ 7 cây (loại).

- Nếu (3) xảy ra thì có 1 bút bic và 6 bút chì, tổng cộng bằng 7 (đúng).

Câu 3:

Đáp số: 10 bàn.

Số bàn xếp trong 5 phòng đông học sinh là:

$$12 \times 5 = 60 \text{ (bàn)}$$

Số bàn còn lại là:

$$100 - 60 = 40 \text{ (bàn)}$$

Số phòng còn lại là:

$$9 - 5 = 4 \text{ (phòng)}$$

Số bàn được xếp trong mỗi phòng còn lại là:

$$40 : 4 = 10 \text{ (bàn)}$$

Câu 4:

Đáp số: Ngày 21 tháng Hai.

Tóm tắt

Dựa vào sơ đồ ta thấy số ngày trong tháng chia hết cho 4.
Vậy tháng đó có 28 ngày, đó là tháng Hai

Tổng số x bằng nhau là:

$$3 + 1 = 4 \text{ (x)}$$

Thời gian từ sau đại hội đến cuối tháng là:

$$28 : 4 = 7 \text{ (ngày)}$$

Thời gian từ đầu tháng đến ngày đại hội: x x x
Thời gian từ sau đại hội đến cuối tháng: x | 1 tháng

Ngày đại hội chi đội là:

$$28 - 7 = 21$$

Vậy đó là ngày 21 tháng Hai.

Câu 5:

Đáp số: Còn lại thùng 200 lít

Câu 6:

Tự tìm

Câu 7:

Đáp số: 3

Hàng ngang thứ nhất, số trước trừ 1 bằng số kế sau

Hàng ngang thứ hai, số trước trừ 2 bằng số kế sau

Hàng ngang thứ ba, số trước trừ 3 bằng số kế sau

Câu 8:

Đáp số: Hình A, vì cái chấm tròn không nằm giữa tâm

Câu 9:

Đáp số: 441

Số liền sau bằng số liền trước nhân với số hàng đơn vị của nó

VD: 7 49 441 441

$$49 = 7 \times 7$$

$$441 = 49 \times 9$$

$$441 = 441 \times 1$$

Câu 10:

Đáp số: 1 cây phượng: 4.000 đ

1 cây điệp: 3.000 đ

10 cây phượng và 8 cây điệp giá 64.000 đ

Chia tất cả các số liệu ở trên cho 2 ta được:

5 cây phượng và 4 cây điệp giá 32.000 đ (A)

Mặt khác ta có:

7 cây phượng và 4 cây điệp giá 40.000 đ (B)

Ở 2 dòng (A) và (B) ta thấy số cây điệp non là như nhau, số cây phượng ở (B) nhiều hơn ở (A)

là 2 cây, nên giá tiền 2 cây phượng đó là:

$$40.000 - 32.000 = 8.000 \text{ (đ)}$$

Mỗi cây phượng non giá:

$$8.000 : 2 = 4.000 \text{ (đ)}$$

5 cây phượng non giá:

$$5 \times 4.000 = 20.000 \text{ (đ)}$$

4 cây điệp non giá:

$$32.000 - 20.000 = 12.000 \text{ (đ)}$$

Mỗi cây điệp non giá: $12.000 : 4 = 3.000 \text{ (đ)}$